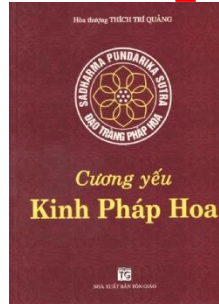


Cương Yếu Kinh Pháp Hoa



HT Trí Quảng

---o0o---

Nguồn

<http://www.budsas.org>

Chuyển sang ebook 12-12-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA

LỊCH SỬ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

I - NGUỒN GỐC PHÁT XUẤT BỘ KINH PHÁP HOA

II - SỰ PHÂN BỐ VÀ TRUYỀN DỊCH KINH PHÁP HOA

Ý NGHĨA KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Ý NGHĨA CỦA KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Ý NGHĨA PHẨM TỰA THỨ 1

Ý NGHĨA PHƯƠNG TIỆN VÀ CHÂN THẬT

PHÁP PHƯƠNG TIỆN

SANH THÂN HAY THÂN PHƯƠNG TIỆN CỦA ĐỨC PHẬT

BÁO THÂN PHẬT, HAY THÂN PHƯỚC ĐỨC VÀ TRÍ TUỆ VIÊN MÃN

PHÁP THÂN PHẬT HAY CHÂN THÂN PHẬT
NĂM PHẦN PHÁP THÂN
BÁO THÂN VÀ PHÁP THÂN PHẬT HIỆN HỮU TRONG SANH THÂN
PHẬT
ĐỨC PHẬT NIẾT BÀN, BÁO THÂN VÀ PHÁP THÂN CỦA PHẬT HIỆN
HỮU TRONG GIÁO PHÁP VÀ TRONG TĂNG ĐOÀN
Ý NGHĨA VÀ THÍ DỤ
I - ĐỨC PHẬT THỌ KÝ CHO THANH VĂN
II - Ý NGHĨA CỦA 9 THÍ DỤ TRONG KINH PHÁP HOA
Ý NGHĨA PHẨM PHÁP SƯ THỨ 10
NHÀ NHƯ LAI, ÁO NHƯ LAI, TÒA NHƯ LAI
Ý NGHĨA PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ 14
Ý NGHĨA PHẨM BỒ TÁT TỪNG ĐỊA DỪNG XUẤT THỨ 15
Ý NGHĨA PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ MƯỜI SÁU
ĐỨC PHẬT HẰNG HỮU VÀ HIỆN THÂN TRONG THẾ GIỚI LOÀI NGƯỜI
ĐỨC PHẬT ĐÃ THÀNH PHẬT TỪ VÔ LƯỢNG KIẾP MÀ TRỜI NGƯỜI
TUỞNG PHẬT MỚI THÀNH PHẬT
Ý NGHĨA PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ 17 - PHẨM PHÁP SƯ CÔNG
ĐỨC THỨ 19
I - Ý NGHĨA PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC
II - Ý NGHĨA PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC
BỒ TÁT HẠNH : DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT - DIỆU ÂM BỒ TÁT - QUAN ÂM
BỒ TÁT - DIỆU TRANG NGHIÊM BỒ TÁT VÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT
BỒ TÁT DƯỢC VƯƠNG
BỒ TÁT DIỆU ÂM
BỒ TÁT QUAN ÂM
DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG HAY BỒ TÁT HOA ĐỨC
BỒ TÁT PHỔ HIỀN

---o0o---

LỜI TỰA

Pháp Hoa là bộ kinh mà tôi rất tâm đắc và chọn làm pháp môn tu cho mình. Trên bước đường tu hành, tôi thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa hơn 50 năm và đã thuyết giảng bộ kinh này hơn 40 năm. Trong nhiều năm thuyết pháp, tôi đã triển khai ý nghĩa của 28 phẩm kinh Pháp Hoa. Và trải qua một thời gian dài sống gần bó mật thiết với yếu nghĩa của bộ kinh Pháp Hoa, tôi rút ra những phần quan trọng trong bộ kinh này để thuyết giảng gọi là Bốn môn Pháp Hoa kinh.

*Sau đó, giảng dạy bộ kinh Pháp Hoa cho Tăng Ni sinh tại Viện Phật học thành phố Hồ Chí Minh và trường Cao đẳng Phật học, tôi lại nảy sinh một số ý tưởng mới về bộ kinh này. Vì thế, tôi biên soạn quyển **Cương yếu kinh Pháp Hoa** để bổ sung cho hai tác phẩm *Lược giải kinh Pháp Hoa* và *Lược giải Bốn môn Pháp Hoa* kinh đã in ấn trong các giai đoạn trước.*

Chúng tôi mong rằng những yếu nghĩa kinh trong tác phẩm này sẽ giúp cho những người có nhân duyên tu theo tinh thần Pháp Hoa cũng như người muốn nghiên cứu có được những nhận thức mới ứng dụng trong cuộc sống được lợi lạc, làm giàu thêm con đường tâm linh và đạo hạnh của mình.

Mùa Phật Đản, Phật lịch 2552 - 2008

Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học

---o0o---

LỊCH SỬ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

I - NGUỒN GỐC PHÁT XUẤT BỘ KINH PHÁP HOA

Kinh Pháp Hoa là bộ kinh được nhiều người trên thế giới thọ trì, đọc tụng, lễ bái, thậm chí có người kính lạy từng chữ, từng câu trong bộ kinh này. Ngài Thái Hư đại sư đã khẳng định giá trị của bộ kinh Pháp Hoa rằng chưa thấy một bộ kinh nào được kính trọng như thế.

Vì kinh Pháp Hoa ẩn chứa nhiều ý nghĩa thâm sâu cao tột trong hệ thống kinh điển Đại thừa, cho nên tùy theo trình độ tu chứng của từng người mà hiểu ý nghĩa và lý giải bộ kinh này ở những khía cạnh khác nhau.

Theo Bồ tát Thế Thân, kinh Pháp Hoa là tối thượng thừa, vì kinh này chuyển tải áo nghĩa siêu tuyệt vượt hơn tất cả các kinh và là mục tiêu của hàng tam thừa phải đạt đến trên lộ trình Phật đạo. Ngài Trí Giả đại sư (Trung Quốc) cho kinh này là pháp môn nhiệm có thể thống nhiếp tất cả các pháp. Ngài Nhật Liên Thánh nhân (Nhật Bản) cho kinh Pháp Hoa là môn đại Đà la ni, cho nên người tu chỉ cần niệm đề kinh Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh là tiêu trừ được tất cả tội chướng và thành tựu Vô thượng Bồ đề.

Ngoài ba vị Thánh Tăng nói trên, các pháp sư, Thiền sư và cư sĩ trên khắp năm châu cũng đều thọ trì, đọc tụng, suy tư, lễ bái, ứng dụng trong cuộc sống và ít nhiều cũng đạt được công đức bất khả tư nghì.

Đối với chư vị Bồ tát hiện thân trên cuộc đời để giáo hóa độ sinh, hay đối với những người đã trồng căn lành sâu dày với Phật pháp, đặt trọn niềm tin kiên cố và cả thân mạng mình nơi chư Phật, thì dòng lịch sử kinh Pháp Hoa là dòng thác trí tuệ của chư Phật hằng tỏa sáng miên viễn từ thời Phật Oai Âm Vương và trước đó nữa. Thật vậy, bất cứ vị Phật nào trên lộ trình Bồ tát đạo muốn thành tựu quả vị Phật, đều phải học và thể nghiệm kinh Pháp Hoa có kết quả tốt đẹp thật sự trong cuộc sống.

Chính vì đặt trên nền tảng sống thực một cách hoàn mỹ, cho nên kinh Pháp Hoa là bộ kinh không dùng văn tự mà chư Phật và chư vị Bồ tát trong mười phương Pháp giới đang an trụ và giữ gìn, là bộ kinh mà Bồ tát Thường Bất Khinh nghe được khi đốt thân bằng lửa tam muội và thái tử Sĩ Đạt Ta nghe được sau 49 ngày tư duy Thiền định ở Bồ đề đạo tràng. Chính nguồn kinh Pháp Hoa như thật ấy mới tạo thành dòng lịch sử Phật giáo siêu tuyệt, nuôi dưỡng và phát huy tuệ giác cho hàng hàng lớp lớp người con Phật trên khắp năm châu bốn biển trải qua dòng thời gian hơn 2500 năm, mãi còn sống động và là ngọn đuốc soi đường cho cả nhân loại.

Với mạng mạch Phật giáo siêu tuyệt như vậy, tất nhiên lịch sử kinh Pháp Hoa không phải là lịch sử của tri thức con người, không phải là lịch sử của gạch vụn và xác khô; mà là lịch sử của những con người đang sống với bản tâm, không bị ngũ ấm thân ngăn che và vượt qua được không gian mười muôn ức thế giới cũng như tự tại với thời gian ngũ bách ức trần.

Về học thuật, kinh Pháp Hoa ẩn chứa những tư tưởng phong phú, nên đã thu hút các học giả trên khắp thế giới quan tâm. Vào đầu thế kỷ 19, công sứ người Anh là ông Hamilton tìm thấy ở Népal một bộ kinh Pháp Hoa chữ Phạn viết trên lá bói, thường được gọi là Pháp Hoa Népal. Sau đó, phái đoàn người Nhật, Anh, Pháp, Đức đã tìm thấy 19 bản Pháp Hoa chép tay bằng Phạn ngữ.

Ngoài ra, bốn phái đoàn thám hiểm Nhật, Anh, Đức, Nga sang vùng Trung Á tìm thêm được ở Kotan sáu bộ kinh Pháp Hoa Phạn ngữ và một bộ kinh Pháp Hoa ở Kucha, quê của Ngài Cư Ma La Thập.

Năm 1932, một bộ kinh Pháp Hoa cổ nhất được tìm thấy ở vùng Kashmir nối liền với Afghanistan, thường được gọi là bộ Pháp Hoa Gilgit. Bộ kinh này gồm có

hai phần ba bằng chữ Phạn và một phần ba chữ Magadhi là loại chữ cổ nhất của nước Ma Kiệt Đà.

So sánh 28 bộ kinh Pháp Hoa tìm được rải rác khắp nơi, có ít nhiều khác nhau. Mặc dù do Đức Phật nói ra, nhưng kinh này đã được kết tập ở nhiều địa điểm và nhiều giai đoạn khác nhau, do những nhóm người có trình độ không đồng nhau. Tuy nhiên, tư tưởng căn bản của kinh không thay đổi và trọng tâm của kinh ở những phẩm thứ 2, 11 và 16 thì tất cả bản kinh nào cũng đều có đủ ba phẩm này.

Tóm lại, theo sự khảo cứu trên, kinh Pháp Hoa được kết tập và hệ thống lại vào khoảng 100 năm trước Tây lịch và chỉ đạo cho sự cai trị của vua A Dục. Ông cho xây 84.000 tháp ở khắp nơi theo tinh thần của phẩm Dược Vương Bồ tát trong kinh Pháp Hoa. Và cũng thể hiện tinh thần phẩm Tựa của kinh, giống như tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, các con của vua A Dục cũng đều xuất gia làm nhà truyền giáo đầy nhiệt tâm. Họ xây chùa hoặc mang kinh Pháp Hoa truyền bá tận Trung Đông, Trung Á...

Ngoài ra, một vài tác phẩm xuất bản vào thế kỷ thứ nhất đã mang tư tưởng Pháp Hoa, đó là bằng chứng xác thực cho sự hiện hữu của kinh Pháp Hoa trước kỷ nguyên. Đặc biệt là bộ Đại Trí Độ luận của Long Thọ Bồ tát đã dẫn dụng kinh này để chứng minh thuyết Trung đạo đệ nhất nghĩa. Đến Ngài Thế Thân Bồ tát, dẫn dụng kinh Pháp Hoa trong bộ Nhiếp Đại thừa luận và soạn bộ Pháp Hoa luận làm nền tảng cho các chú giải về sau.

---o0o---

II - SỰ PHÂN BỐ VÀ TRUYỀN DỊCH KINH PHÁP HOA

Nguyên bản Phạn văn Sadharma Pundarika Sutra tìm được ở Tây Vực và Népal mà ta quen gọi là Pháp Hoa Népal và Tây Vực. Gần đây, người ta đã dịch hai bản kinh Pháp Hoa này ra nhiều thứ tiếng để đối chiếu với các bản dịch xưa mà tôi sẽ trình bày thứ tự sau đây.

01. Kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán

A. Chánh Pháp Hoa kinh gồm có:

* Bộ kinh Pháp Hoa gồm 27 phẩm chia thành 10 quyển do Ngài Pháp Hộ dịch vào đời Thái Khương năm thứ 7 (286).

* Kinh Pháp Hoa 10 quyển do Ngài Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh, Pháp Hiền, Đàm Thuyên dịch vào đời Thái Đường năm thứ 7.

* Kinh Pháp Hoa 10 quyển do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch tại Trường An vào đời Tây Tấn, niên hiệu Thái Khương.

* Kinh Pháp Hoa 10 quyển do Ngài Đàm Ma La Sát, người nước Nhục Chi, dịch tại Lạc Dương vào đời Tây Tấn, vua Võ Đế niên hiệu Thái Thủy năm thứ nhất.

* Kinh Pháp Hoa 10 quyển cũng gọi là Phương Đẳng Chánh Pháp Hoa kinh do Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh và pháp sư Nhiếp Thừa Viễn dịch vào năm Thái Khương thứ 7.

B. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa gồm có:

* Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 7 quyển do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm thứ 4, niên hiệu Hoằng Thủy, đời Dao Tần (402).

* Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 7 quyển, cũng gọi là Tân dịch Pháp Hoa kinh được dịch tại Trường An, niên hiệu Hoằng Thủy thứ 8 do Ngài Tăng Hữu đề tựa và Ngài Pháp Hộ tu chỉnh tại thành Lạc Dương.

* Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 7 quyển do Ngài Cưu Ma La Thập dịch tại vườn Tiêu Dao, Trường An vào năm thứ 7, niên hiệu Hoằng Thủy đời Hậu Tần.

C. Thêm Phẩm Pháp Hoa kinh:

Thêm Phẩm Pháp Hoa kinh là bộ kinh Pháp Hoa được tăng bổ, hiệu đính các bản dịch trước và cũng là tiền thân của bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa được thông dụng ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam ngày nay.

Bộ kinh này do hai pháp sư người Tây Vực tên Khuất Đa và Cấp Đa soạn tại chùa Phổ Diệu vào năm Nhân Thọ thứ nhất đời nhà Tùy (601).

Ngoài ba dịch phẩm bằng chữ Hán còn lưu lại trong bộ Đại Chánh Tân Tu đại tạng kinh, một số dịch bản khác được nhắc đến trong thư mục Trung Quốc, nhưng không thấy nguyên bản như:

a - Tác Đàm Phân Đà Lợi kinh gồm có:

* Một bộ 6 quyển do Ngài Đàm Ma La Sát dịch vào đời Tấn Vũ Đế, niên hiệu Thái Thủy thứ nhất.

* Một bộ do Ngài Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục Chi dịch ra chữ Hán, vào đời Tây Tấn.

b - Phương Đăng Pháp Hoa kinh:

* Bộ kinh này do Ngài Chi Đạo Căn dịch, Trúc Đạo Tổ sao lục vào đời Đông Tấn, niên hiệu Hàm Khương thứ nhất.

* Phương Đăng Pháp Hoa kinh gồm có 5 quyển đều bị thất lạc.

02. Kinh Pháp Hoa bằng chữ Tây Tạng

Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Tây Tạng được dịch vào thế kỷ thứ 8 và còn tìm thấy trong những bộ đại tạng : Shar Thàn, Sde Dge, Bắc Kinh v.v...

03. Kinh Pháp Hoa bằng chữ Tây Hạ

Người Tây Hạ dịch kinh Pháp Hoa ra tiếng bản xứ vào thời Bắc Tống và nguyên bản còn giữ tại Đông Dương văn khố Nhật Bản.

04. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Triều Tiên

Theo Phật giáo sử Triều Tiên, năm 1463, vua Thế Tổ triều Lý đã ký một sắc lệnh cho dịch bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán ra tiếng bản xứ. Các triều đại kế tiếp hiệu đính lại và lưu truyền đến ngày nay.

05. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mãn Châu

Không biết kinh Pháp Hoa truyền sang Mãn Châu vào thời nào. Nhưng bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mãn Châu được giữ tại Sở Nghiên cứu kinh Pháp Hoa của Nhật Bản ngày nay là bộ Pháp Hoa duy nhất nằm trong bộ Ngự Dịch đại tạng kinh của vua Càn Long đời Thanh. Bộ này được dịch lại từ bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán của Ngài Cưu Ma La Thập.

06. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mông Cổ

Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mông Cổ cũng không biết rõ được dịch vào thời kỳ nào. Nhưng bản kinh hiện đang lưu hành được dịch ra từ bộ kinh Pháp Hoa

bằng tiếng Tây Tạng, hoặc một bản chữ Phạn khác đồng với bản Tây Tạng, vì cách thức bố cục cũng như nội dung gần với tiếng Tây Tạng hơn những bản dịch khác.

07. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Đức và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ

Đến nay các học giả Phật giáo cũng chưa xác định được bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ được dịch vào thời kỳ nào và sự tín ngưỡng của dân tộc ấy ra sao.

Trong thời gian cộng tác với Sở Nghiên cứu kinh Pháp Hoa, tôi tìm được trong văn khố một tác phẩm dày 119 trang với nhan đề là: "Ein Turkishi Ubersetzung des XXV Kapithsderchineschen Ausgabe Des Sadharma Pundarika Sutram".

Sách có phần nguyên bản chữ Vigur (thủy tổ dân Thổ Nhĩ Kỳ), bản dịch tiếng Đức, sau cùng là chú giải. Nội dung của sách tương ứng với phẩm Phổ Môn trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Sách này còn giữ tại Sở Nghiên cứu kinh Pháp Hoa Tokyo)

08. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Anh

Hiện có 4 dịch bản bằng tiếng Anh

* The Lotus of the True Law do học giả Kern dịch từ bộ Phạn ngữ Népal vào năm 1880.

* The Lotus Scripture Essence: bộ này xuất bản năm 1900, gồm 28 phẩm và được dịch từ bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán.

* The Lotus of the Wonderful Law: gồm 28 phẩm do hai học giả Soothill và Kato dịch và xuất bản tại Luân Đôn năm 1930.

* The Lotus Sutra gồm 28 phẩm do Senchu Murano dịch từ bộ Diệu Pháp Liên Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập, được tông Nhật Liên xuất bản năm 1947 tại Nhật Bản.

09. Kinh Pháp Hoa bằng chữ Pháp

Chỉ có một bộ duy nhất mang tên Le Lotus de la Bonne Loi do Hàn lâm học sĩ E. Burnouf dịch từ bộ Phạn ngữ Népal năm 1925 và còn lưu truyền đến ngày nay.

Bộ kinh này cũng được cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch ra tiếng Việt năm 1937 và cư sĩ Mai Thọ Truyền tinh lược trong Pháp Hoa huyền nghĩa năm 1964.

10. Kinh Pháp Hoa bằng chữ Nhật

Nhật có rất nhiều dịch bản, tôi chỉ đơn cử 6 bản thông dụng về học thuật và tín ngưỡng:

* Phan Hán đối chiếu Tân Dịch Kinh Pháp Hoa do Hàn lâm đại học sĩ Nanjoo dịch năm 1913 bằng cách so sánh bộ Diệu Pháp Liên Hoa chữ Hán và Sadharma Pundarika Sutra mà dịch ra quốc ngữ.

* Phan Bản Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh do hai giáo sư Sakamoto và Iwamoto dịch và chú giải từ bản Phạn ngữ Népal và nguyên bản Kimarajiva (Cưu Ma La Thập).

* Phan Tạng Truyền Dịch Quốc Dịch Pháp Hoa Kinh do giáo sư Kawaguchi so sánh hai bản tiếng Phạn và Tây Tạng mà dịch ra quốc âm.

* Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh do giáo sư Yamagawa kê cứu các bản kinh chữ Hán mà dịch ra quốc âm.

* Hán Hòa đối chiếu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh do giáo sư Shimachi và một số học giả khác so sánh và kê cứu tất cả các bản kinh đang lưu hành mà giám định lại kinh Pháp Hoa chữ Nhật.

11. Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Việt Nam

Sự nghiệp dịch kinh của người Việt Nam đã có rất sớm và phát triển mạnh vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai. Theo Lịch Đại Tam Bảo ký, bộ kinh Pháp Hoa Tam Muội đã được Ngài Chi Cương Lương Tiếp hợp tác với các học giả Việt Nam và dịch ra chữ Hán tại Giao Châu vào năm 260.

Trước đó, Ngài Khương Tăng Hội đã trích dịch phẩm Thí dụ với tên Phật Thuyết Tam Xa Dụ Kinh.

Lịch sử dịch kinh Pháp Hoa của người Việt Nam có thể chia ra làm ba thời kỳ khác nhau:

* *Thời kỳ chữ Hán:*

Theo sử liệu Trung Quốc, đạo tràng phiên dịch ở Giao Châu (Hà Nội) đã được thành lập vào đời hậu Hán do sự giúp đỡ của các quan thứ sử và sự hợp tác của các danh gia Ấn Độ, Trung Á, Trung Đông v.v...

Một bộ kinh Pháp Hoa 6 quyển được dịch ra Hán văn tại đạo tràng Giao Châu vào năm 256 đã làm cho đạo tràng này càng ngày càng thêm sáng chói trên văn đàn Trung Quốc.

** Thời kỳ chữ Nôm:*

Nhiều tác phẩm mang thể tài Phật giáo được tìm thấy ở miền Bắc có thể coi như sớm nhất trong văn học chữ Nôm.

Bộ Quốc Dịch Pháp Hoa Kinh bằng chữ Nôm được dịch năm Tự Đức thứ nhất, hiện còn giữ tại Đông Dương Văn khố Tokyo đã nói lên được tinh thần dân tộc, độc lập và óc sáng tạo của tiền nhân.

** Thời kỳ chữ Quốc ngữ:*

Năm 1937, cư sĩ Đoàn Trung Còn đã so sánh hai bản dịch của Pháp và Hán mà soạn ra bộ kinh Pháp Hoa bằng quốc âm.

Mười năm sau, Hòa thượng Trí Tịnh cũng ký âm Latin và dịch nghĩa bộ Diệu Pháp Liên Hoa để giúp các nhà tân học tiện việc trì tụng và nghiên cứu.

Tóm lại, trong bài này, những tư liệu được chúng tôi trích dẫn từ Luận văn Tiến sĩ về kinh Pháp Hoa mà chúng tôi hoàn thành tại Nhật Bản từ năm 1970. Vì vậy, từ thời gian đó đến nay trải qua gần 40 năm, dĩ nhiên đã có rất nhiều dịch bản kinh Pháp Hoa hoặc những tác phẩm giảng giải bộ kinh này đã được in ấn, phát hành ở nhiều nước trên thế giới nói chung, cũng như tại Việt Nam. Vì bận nhiều việc Phật sự, chúng tôi không thể cập nhật trong bài này những tư liệu mới sau này; cho nên phần nội dung trích dẫn đã không thể đầy đủ. Mong quý vị học viên hoan hỷ và có thể tự bổ sung trong phần bài thi của mình.

Ngoài ra, chúng tôi thiết nghĩ rằng bộ kinh Pháp Hoa bằng văn tự tuy cần thiết trong hệ thống kinh điển Đại thừa, nhưng điều quan trọng hơn chính là sự thọ trì kinh Pháp Hoa của các hành giả kiêu mẫu đã đạt được những thành quả lợi ích thiết thực trong cuộc sống tu hành mới đáng để chúng ta quan tâm, suy nghĩ và noi theo.

Diễn hình như Bồ tát Quảng Đức đã trì kinh Pháp Hoa trong suốt 49 năm. Ngài an nhiên tự tại trong ngọn lửa đốt thân, thể hiện tinh thần tự tại vô úy của vị Bồ tát hiện hữu giữa nhân gian này và Ngài còn để lại cho nhân loại một trái tim đượm thắm tinh thần từ bi, xóa tan thế lực thù hận, khiến cả thế giới phải rung động.

Ngoài ra, cố Hòa thượng Trí Hữu là vị sáng lập Tổ đình Ấn Quang, cũng chuyên trì kinh Pháp Hoa; khi trì xong một bộ kinh Pháp Hoa là Ngài đốt một liều hương trên đầu để cúng dường, đến khi trên đầu không còn chỗ nào để đốt hương thì Ngài đốt liều hương trên hai cánh tay, cho đến đốt rụng cả một ngón tay để cúng dường mà không cảm thấy đau. Và ông Đốc Ý là người đắp tượng Đức Phật Thích Ca ở chánh điện chùa Ấn Quang, cũng là hành giả Pháp Hoa. Ông đã lay từng chữ trong kinh Pháp Hoa trong suốt thời gian ông làm tượng Phật, tổng cộng đến hơn 60.000 lay.

Từ buổi khởi đầu, với sự trang nghiêm ngời già lam bằng công đức thọ trì kinh Pháp Hoa của cố Hòa thượng Trí Hữu và sự đầu tư công đức vào pho tượng Phật bằng cách lễ lay kinh Pháp Hoa của ông Đốc Ý, mà Tổ đình Ấn Quang đã là trung tâm đào tạo được nhiều vị Tăng tài đem lại rất nhiều thành quả vẻ vang cho Phật giáo chúng ta.

Nhìn lại sự nghiệp của chư vị tiền bối đã để lại, chúng ta nhận thấy Phật giáo Việt Nam đóng góp rất nhiều cho sự phát huy tư tưởng Nhất Phật thừa và kinh Pháp Hoa cũng trở thành nguồn sống của dân tộc hiếu hòa.

Phật giáo chúng ta trải qua bao nhiêu sóng gió thăng trầm trên dòng sinh diệt; nhưng Pháp Hoa vẫn hiện hữu ngời sáng nhiệm màu qua biểu tượng Bồ tát Quan Âm và những việc làm vô ngã vị tha của chư tôn thiên đức tỏa sáng từ bi và trí tuệ trên vạn nẻo đường đời.

---o0o---

Ý NGHĨA KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Trong hệ thống kinh điển Bắc tông, kinh Pháp Hoa là bộ kinh rất quan trọng, được rất nhiều Tăng Ni và Phật tử cùng các học giả trên khắp năm châu lý giải, thọ trì, đọc tụng; cho đến ngày nay, hầu như người tu theo bất cứ tông phái nào cũng đều có mối liên quan ít nhiều đến kinh Pháp Hoa. Riêng ở Việt Nam, Hòa thượng Trí Tịnh tu pháp môn Tịnh độ, nhưng Ngài đã giảng dạy và biên dịch bộ kinh Pháp Hoa được rất nhiều người đọc tụng, hay Hòa thượng Thanh Từ chuyên tu Thiên cũng từng giảng dạy kinh Pháp Hoa nhiều năm cho các Thiên sinh.

Về phương diện tổ chức tu học, riêng tôi đã thành lập đạo tràng Pháp Hoa sinh hoạt đến nay hơn 30 năm và số Phật tử tu theo Bốn môn Pháp Hoa lên đến hàng triệu người từ khu vực phía Nam đến miền Bắc và cả ở nước ngoài.

Và nhìn xa hơn, Nhật Bản là một trong những cường quốc trên thế giới có khoảng một trăm triệu dân, trong đó bảy chục triệu người là tín đồ Phật giáo, trong đó số người tu theo Pháp Hoa chiếm trên bốn chục triệu. Đặc biệt, chỉ có Pháp Hoa tông Nhật Bản mới tổ chức những hội đoàn cư sĩ sinh hoạt quy cũ từ trung ương đến các địa phương trong nước, cho đến phát triển hoạt động ở nhiều nước trên thế giới; nổi tiếng là các hội đoàn Pháp Hoa như : Rissho Kosei kai, Soka Gakkai và Kodokodan... Còn các tông phái khác của Phật giáo Nhật Bản cũng giống như Phật giáo Việt Nam theo từng sơn môn hệ phái mà chư Tăng là chính và không tổ chức thành hội đoàn cư sĩ. Ở Nhật Bản, Pháp Hoa tông nhờ lực lượng cư sĩ đông đảo thuộc đủ thành phần xã hội, nên đã dễ dàng phát triển sâu rộng và mạnh mẽ hơn các tông phái khác và chư Tăng của tông Pháp Hoa không nhiều, mang tính cách tiêu biểu, làm công việc tín ngưỡng của tôn giáo.

Ngoài ra, kinh Pháp Hoa được người Nhật trọng thị, vì chủ yếu của bộ kinh này là Bồ tát hạnh, phù hợp với tinh thần phát triển đất nước của họ. Kinh Pháp Hoa còn có tên là "Giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm kinh" nghĩa là pháp dạy cho các Bồ tát và được chư Phật hộ niệm. Bồ tát làm công việc cứu nhân độ thế là chính, nhưng muốn cứu giúp người thì phải đa hạnh, đa năng, đa hình thức, mới đạt được hiệu quả cao và trọn vẹn. Vì thế, theo tinh thần Pháp Hoa, không phân biệt hình thức, giới tính, giai cấp, lớn nhỏ, giàu nghèo, giới trí thức hay bình dân, người xuất gia hay cư sĩ tại gia, nam hay nữ, v.v... đều có thể hành Bồ tát đạo và thành tựu công đức. Bởi lẽ mỗi người đều có mặt yếu, mặt mạnh khác nhau; nếu biết khắc phục điểm yếu và phát huy thế mạnh để cùng hòa hợp với nhau tu học, thì mọi người đều giúp ích được cho đạo pháp và đưa xã hội đi lên. Vì tính cách ưu việt của Pháp Hoa như vậy, người Nhật đã chọn bộ kinh Pháp Hoa làm mô hình kiểu mẫu trong cuộc sống; hay nói cách khác, họ định hướng Phật giáo hoạt động đa phương, đa dạng nhằm tạo dựng mối quan hệ sâu rộng và mật thiết với mọi ngành, mọi giới trong xã hội để phát triển đạo pháp thật sự vững vàng trong lòng đất nước họ.

Kinh Pháp Hoa chứa đựng những tinh ba của giáo nghĩa Đại thừa, tùy theo mức độ tu chứng của từng vị mà có sự triển khai yếu nghĩa kinh theo những khía cạnh khác nhau. Nổi bật là vào thế kỷ thứ VI tại Trung Hoa, Ngài Trí Giả được tôn danh là "tiểu Thích Ca" đã giảng dạy kinh Pháp Hoa trong nhiều năm. Ngài chia bộ kinh này thành hai phần Tích Môn và Bốn môn. Tích môn Pháp Hoa gồm phẩm Tựa thứ nhất đến phẩm An lạc hạnh thứ 14. Bốn môn Pháp Hoa từ phẩm Tùng địa

dững xuất thứ 15 đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ 28. Về phương diện thể nghiệm sự tu chứng, phần Tích môn Pháp Hoa được Ngài Trí Giả xem là trọng yếu và Ngài đã thành lập tông Thiên Thai căn cứ trên bộ kinh Pháp Hoa. Tông Thiên Thai chẳng những phát triển mạnh mẽ ở Trung Hoa, còn truyền sang Nhật Bản và tiếp tục chói sáng ở nước này.

Ngài Nhật Liên tiếp thu tinh thần Pháp Hoa của Trung Hoa truyền sang, nhưng đã kết hợp với tư tưởng Pháp Hoa của Tây Tạng để hình thành Nhật Liên tông với chủ trương tu Bốn môn Pháp Hoa. Ngài đồng quan điểm với người Tây Tạng rằng tất cả kinh điển do Đức Phật Thích Ca thuyết giáo là do ứng thân Phật chuyển, nên Ngài đặt nặng việc thực tập Thiền quán. Trong Thiền định, Ngài đã thấy mặt trời mọc giữa biển và nổi lên một hoa sen đỏ, Ngài liền ngộ đạo. Vì thế, Ngài lấy tên là Nhật Liên và cuộc đời hành đạo của Ngài thể hiện nhiều điều kỳ bí mâu nhiệm ngoài khả năng lý giải theo tri thức phàm phu, nên Ngài được người Nhật tôn kính là bậc Thánh nhân.

Theo Nhật Liên Thánh nhân, cốt lõi của kinh Pháp Hoa ở phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16 và nửa phẩm cuối của phẩm Tùng địa dững xuất thứ 15 cùng với nửa phẩm đầu của phẩm Phân biệt công đức thứ 17, gộp chung lại gọi là nhứt phẩm nhị bán. Vì thế, theo Ngài, chỉ cần tụng bao nhiêu đó thôi, không tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa; thậm chí chỉ niệm đề kinh là Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh, cũng đã thể hiện đầy đủ pháp bí yếu của Đức Phật truyền trao.

Riêng tông Thiên Thai của Phật giáo Việt Nam do Tổ Huệ Đãng sáng lập, Ngài dạy rằng chỉ tụng quyển bảy trong kinh Pháp Hoa nói về hạnh Bồ tát của các vị Bồ tát là Diệu Âm, Quan Âm, Diệu Trang Nghiêm và Phổ Hiền; vì Bồ tát hạnh là tư tưởng chủ đạo của kinh Pháp Hoa.

Về phần tôi, nghiên cứu Nhật Liên tông của Phật giáo Nhật Bản và tôi là môn đồ tông Thiên Thai của Tổ Huệ Đãng, tôi lại có kiến giải khác và biên soạn thành Bốn môn Pháp Hoa gồm bảy phẩm : phẩm Tựa thứ nhất, phẩm Pháp sư thứ mười, phẩm Tùng địa dững xuất thứ mười lăm, phẩm Như Lai thọ lượng thứ mười sáu, phẩm Phân biệt công đức thứ mười bảy, phẩm Phổ môn thứ hai mươi lăm và phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ hai mươi tám. Trên bước đường hành đạo, tôi đã đạt được kết quả lợi lạc theo tinh thần Pháp Hoa, cho nên Pháp Hoa mà tôi giảng dạy là Pháp Hoa quả môn, hay Pháp Hoa Bốn môn, tức dùng thành quả tốt đẹp của bản thân mình mà chỉ dạy người, dùng tâm thanh tịnh sáng suốt tác động vào tâm chúng sinh đồng hạnh nguyện. Bảy phẩm này thể hiện đầy đủ yếu nghĩa kinh Pháp Hoa sẽ được triển khai ở những phần kế tiếp. Tuy nhiên, trong chương trình học kinh Pháp Hoa, để quý vị hiểu thêm hai vấn đề tương đối quan trọng tiêu biểu cho

phần Tích môn Pháp Hoa là Phương tiện, Thí dụ và An lạc hạnh, tôi sẽ có thêm những bài triển khai về ý nghĩa của những phẩm này.

Tuy nhiên, muốn thâm nhập yếu nghĩa Pháp Hoa, điều quan trọng là phải hiểu kinh Vô lượng nghĩa, vì trước khi thuyết Pháp Hoa, Đức Phật đã nói kinh Vô lượng nghĩa.

---o0o---

Ý NGHĨA CỦA KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Pháp Phật dạy có vô số nghĩa khác nhau, nhằm ứng với tất cả nghiệp phiền não trần lao của chúng sinh trong lục đạo tứ sanh. Vô lượng nghĩa, không có nghĩa cố định gọi cho chúng ta không nên chấp văn tự ngữ ngôn, không chấp pháp; vì mắc bệnh cố chấp thì không thể thăng hoa trên bước đường tu học. Người tu chấp pháp là người học kinh nhiều mà không sử dụng được, vì chứa đủ thứ dữ kiện trong đầu, nên trí không còn linh hoạt, sáng suốt, không thể đánh giá đúng sự việc thực tế, không thể đắc đạo và càng tu càng phiền não. Trái lại, nghe được giáo pháp vi diệu và tâm đắc, luôn suy gẫm yếu nghĩa để vận dụng trong cuộc sống được tốt đẹp, là biết nương theo phương tiện Phật dạy và sử dụng được yếu nghĩa một cách khéo léo. Kinh có thể ví như thức ăn tinh thần để nuôi dưỡng tâm linh chúng ta. Thực phẩm vật chất ăn vào phải tiêu hóa, nghĩa là trích lấy được phần dinh dưỡng nuôi cơ thể khỏe mạnh, còn phần xác bã phải thải ra ngoài, không loại bỏ được cặn bã của thực phẩm, chắc chắn phải chết. Việc áp dụng giáo pháp của chúng ta cũng giống như thế, học kinh, đưa kinh vào tâm trí phải cho chúng ta trí giác; còn chấp kinh, kẹt văn tự ngữ ngôn, trí không sáng được.

Tâm không chấp pháp, không chấp ngã, thường được ví như tấm gương trong sáng, vật gì ở trước gương thì hiện hình trên gương và vật đi qua rồi, không còn lưu bóng trên gương. Nương theo pháp Phật dạy để tâm gương chúng ta trong sáng, sẽ thấy đúng mọi vật bây giờ và tại đây. Tất cả tâm gương của chư Phật đều hoàn toàn sáng tỏ, muôn vật đều hiển bày trước các Ngài, nên Phật thấy muôn sự muôn vật chính xác, không cần nói nữa. Tuy nhiên, đối với loài người bị vô minh nghiệp chướng ngăn che, không thấy được chân thật pháp, Đức Phật Thích Ca mới phải nói. Như vậy, từ hàng Bồ tát trở xuống, Phật nói vô số pháp thích ứng với những hoàn cảnh sai biệt của tất cả mọi người, gọi là pháp phương tiện không mang tính cố định. Thật vậy, trên ba trăm hội Phật thuyết pháp, không hội nào giống nhau, vì chúng hội đạo tràng khác nhau, mới có pháp sai biệt. Ngày nay, tu theo Bốn môn Pháp Hoa, chúng ta đọc kinh, cũng phải lọc lấy những pháp ứng với

nghiệp của mình để thực hành thì có kết quả tốt; ví như trong tử thuốc gia truyền, chọn lấy thuốc đúng bệnh mà uống sẽ khỏi bệnh. Uống hết tất cả thuốc sẽ chết.

Học kinh cho chúng ta trí giác, nghĩa là cho chúng ta hiểu biết về Đức Phật, về lời dạy của Ngài, về cuộc sống cao quý của Ngài và vận dụng được tinh ba của pháp Phật để thể hiện cuộc sống tốt đẹp của chính mình, lợi lạc cho mọi người. Thành tựu như vậy, chúng ta đã thực hiện được tinh thần Vô lượng nghĩa.

Kinh Vô lượng nghĩa muốn nói về một đời giáo hóa của Đức Phật, trong suốt 49 năm thuyết pháp; tất cả pháp Phật dạy được ghi trong tam tạng Thánh giáo có vô lượng nghĩa. Mặc dù có vô số nghĩa, nhưng tất cả pháp Phật cô đọng lại thành ba nghĩa trọng yếu là đạo đức, trí tuệ và việc làm lợi ích chúng hữu tình. Ba yếu nghĩa này được nói rõ trong ba phẩm của Vô lượng nghĩa kinh; phẩm thứ nhất là Thanh văn hay đức hạnh, phẩm thứ hai là Duyên giác hay trí tuệ và phẩm thứ ba là Bồ tát pháp, hay công đức. Điển hình là kinh Vô lượng nghĩa, tức đức hạnh, trí tuệ và việc làm thánh thiện vô cùng, đã tỏa sáng trong cuộc đời giáo hóa của chính Đức Phật; hay nói cách khác, tất cả kinh điển của Phật đều ẩn chứa ba nghĩa này, tức xây dựng cho mọi người có cuộc sống đạo đức, trí tuệ và lợi lạc cho nhiều người.

Trước nhất, Đức Phật xây dựng mẫu người đạo đức và Ngài cũng đã cảm hóa được chúng sinh bằng đức hạnh cao vời trong cuộc sống của chính Ngài. Đạo đức có hai cấp bậc, đạo đức thế gian và đạo đức xuất thế. Thực hiện đạo đức thế gian nghĩa là làm thế nào người chấp nhận, xem chúng ta là người tốt, là người đáng kính quý. Trái lại, làm việc người không đồng tình, bị họ chống đối hoặc phê phán mình xấu, là phi đạo đức; không phải làm đúng y kinh là được, vì y kinh giải nghĩa Phật oan tam thế. Tuy nhiên, đạo đức thế gian thay đổi tùy theo phong tục tập quán của từng nơi khác nhau, nên chỉ có giá trị tương đối, vì cách sống ở quốc gia này được coi là tốt, nhưng ở quốc gia khác lại bị lên án.

Đối với hàng Thanh văn, Đức Phật xây dựng mẫu người đạo đức xuất thế là không tranh chấp hơn thua. Vì vậy, một trong năm nghĩa của Tỳ kheo là giải thoát. Từ xa nhìn thấy tướng giải thoát của Tỳ kheo, người ta khởi tâm kính trọng và đến gần, thấy đẹp hơn, là đẹp ở đạo đức, tức không tranh cãi hơn thua, không khởi tâm tham đắm dục lạc. Trong 12 năm đầu, Đức Phật không đặt ra giới luật, vì Tăng đoàn là Thánh Tăng thể hiện tướng giải thoát và tâm hồn trong sáng, không phạm sai lầm, nghĩa là đạo đức đã tỏa sáng, nên không cần có điều luật nào để ngăn cấm. Nhưng khi giáo đoàn phát triển, danh thơm của Phật đồn xa, thu hút nhiều thành phần xã hội gia nhập, trong đó có những người tặc tâm xuất gia thường đặt nặng

quyền lợi. Đức Phật mới chế định những giới điều nhằm ngăn chặn những việc sai trái.

Đạo đức của Thanh văn tiên cao hơn thành đức hạnh của Bồ tát, thể hiện những việc làm tốt đẹp cho đời. Vì vậy, đối với Bồ tát, thành tựu nhiều việc lợi ích cho chúng hữu tình là có đức hạnh, chứ không phải chỉ có nếp sống phạm hạnh thanh tịnh giải thoát như Thanh văn mà đủ. Đạo đức nhỏ thì người cùng tu chung kính trọng. Đạo đức lớn thì người khác tôn giáo cho đến cả xã hội cũng quý mến. Đức Phật tiêu biểu cho mẫu người đạo đức toàn hảo theo Pháp Hoa, ngoại đạo, vua chúa đều kính trọng, quy phục, xin làm đệ tử Ngài. Thể hiện tinh thần này, kinh Pháp Hoa dạy rằng hành giả Pháp Hoa ở nơi nào thì cả một vùng lan xa đến 500 do tuần đều được bình yên. Bình yên vì đức hạnh của hành giả đã cảm hóa được mọi người kính quý, bảo vệ.

Giáo lý Phật tuy nhiều, nhưng gom lại, chúng ta học đức hạnh theo Phật và nuôi dưỡng, phát huy được đức hạnh của chính mình mới quan trọng. Không phải học giáo lý để tranh chấp đúng sai, vì nói đúng cũng phát xuất từ vọng tâm.

Phẩm thứ hai của kinh Vô lượng nghĩa, Đức Phật xây dựng trí tuệ cho mọi người, hay chính Ngài đã giáo hóa độ sinh bằng trí giác, thường gọi là Vô thượng Bồ đề. Trong kinh thường ghi rằng Đức Như Lai thấy rõ mọi sự việc một cách chính xác như thấy trái cam trong lòng bàn tay, nghĩa là Ngài thấy đúng chỗ, đúng lúc, đúng người, không bao giờ sai lầm. Vì vậy, việc giải thoát Đức Phật nói với Xá Lợi Phất không thể nói cho vua A Xà Thế. Phật luôn nói những gì tương ứng với đối tượng, cho nên người nào được phước duyên nghe Phật chỉ dạy đều an vui, giải thoát và phát tâm Bồ đề. Nhưng chúng ta lập y lời Phật, e rằng phản tác dụng. Tất cả những điều Phật dạy, chúng ta cần chọn lựa xem điều gì giống với hoàn cảnh mình thì sử dụng, những gì cần bổ sung cho nhận thức thì ghi nhớ, không thích hợp thì vẫn trân trọng, nhưng không sử dụng. Như vậy, trí tuệ chúng ta theo đó mở dần và đối diện với tình huống nào trong cuộc sống, chúng ta liền nhớ pháp Phật dạy cho hoàn cảnh tương tự, chúng ta áp dụng theo.

Đạo Phật được mệnh danh là đạo của trí tuệ. Thật vậy, một đời giáo hóa của Phật nhằm nâng cao nhận thức của chúng ta, từ hiểu biết bình thường trên cuộc đời, cho đến nhận thức cao siêu, đi vào Pháp giới. Hiểu biết bình thường là quan sát theo Phật, thấy tất cả chúng sinh hiện hữu trên cuộc đời này đều tùy theo thiện nghiệp hay ác nghiệp đã tạo mà có hoàn cảnh sống khác nhau. Hiểu như vậy, chúng ta áp dụng pháp Tứ chánh cần, tức bốn việc cần tinh tấn thực hiện : ác nghiệp chưa sanh thì ngăn lại, nhất định không cho sanh; ác nghiệp lỡ sanh rồi thì

sám hối cho tiêu; thiện nghiệp chưa sanh phải làm cho sanh; thiện nghiệp đã sanh phải làm cho tăng trưởng.

Theo tôi, đối với ác nghiệp lỡ tạo rồi, cần sám hối bằng cách lạy Phật, tụng kinh. Lấy việc suy tư, thâm nhập yếu nghĩa của kinh điển làm thú vui, gọi là pháp hỷ thực. Vui với pháp thì không bận tâm đến việc hơn thua phải trái. Siêng năng tụng kinh lạy Phật, đem hình ảnh thánh thiện của Phật và giáo pháp vào lòng để rửa sạch phiền não. Phiền não thì nhiều, nhưng chính yếu là buồn giận, lo sợ. Gặp việc đáng buồn giận, đáng lo sợ, tâm mình vẫn thanh thản. Không phiền não, không tội lỗi, chắc chắn bỏ huyễn thân này sẽ được chư Phật rước và có Báo thân tốt đẹp hơn. Đoạn ác nghiệp, giữ tâm hồn trong sáng và đặt niềm tin tuyệt đối ở Phật, mọi việc tốt lành tự đến; đồng thời dấn thân vào việc khó để làm lợi lạc cho nhiều người, tất sẽ được người thương quý và trên có Phật gia hộ. Thành tựu như vậy, lần hồi trí mình sáng ra, nhận thức đúng đắn và thấy biết cao xa hơn. Đó chính là Phật khai tri kiến cho chúng ta và đạt đến hiểu biết chính xác cao tốt theo Pháp Hoa gọi là thập Như thị.

Ngài Trí Giả triển khai lý này thành nhưt niệm tam thiên, nghĩa là trong một niệm tâm của chúng ta đã có đến ba ngàn cái thấy sai khác. Một việc xảy ra, nhưng ở địa ngục sẽ thấy khác với cái thấy của chín cõi : Phật, Bồ tát, Duyên giác, La hán, trời, người, a tu la, ngạ quỷ, súc sinh.

Đệ tử Phật có trí tuệ, quán sát biết rõ đối tượng thuộc địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hay trời, người cho đến A la hán, Bồ tát. Thấy biết chính xác như vậy để hành đạo gọi là tùy duyên. Nếu đối tượng là Phật thì đã lìa ngôn ngữ. Nếu là Bồ tát, phải xem vị này có hạnh nguyện gì, thì tùy theo đó nói pháp tương ưng. Nếu họ muốn vào Niết bàn mà chúng ta nói đến làm từ thiện là phản tác dụng. Thực tế cho thấy, có thầy thích Thiên, hoặc có thầy hạp với pháp môn niệm Phật, nhưng có vị quan tâm nhiều đến công việc từ thiện, v.v... Cùng là thầy tu, nhưng sở nguyện không giống nhau. Nhìn sự vật của cuộc đời phải thấy muôn màu muôn vẻ và thấy đúng như vậy, chúng ta đến với chúng sinh hữu duyên để độ họ. Người cần cơm áo, gạo tiền, ta cho thì họ cảm ơn, nhưng cái họ muốn chúng ta không có là vô duyên. Giáo pháp chúng ta quý, nhưng họ không biết dùng cũng không nên cho. Chính Đức Phật có lúc cũng phải yên lặng vào rừng ẩn cư; không phải lúc nào cũng nói được.

Khi đã tu tạo được đức hạnh và tri thức, phải sử dụng hai thành quả tốt đẹp này để giúp ích cho mọi người. Vì vậy, phẩm thứ ba của kinh Vô lượng nghĩa nói về lợi ích của đệ tử Phật dâng tặng cho đời, kinh gọi là công đức.

Là đệ tử Phật, tu pháp nào cũng được và làm việc gì cũng được, nhưng phải có lợi cho mình và lợi cho cả cộng đồng, có lợi trong hiện tại và lợi lâu dài; không nên chấp pháp. Chọn lựa pháp thích hợp với hoàn cảnh của mình để tu cho đạt kết quả tốt đẹp. Người không biết suy nghĩ, không thấy vị trí của mình, tu bất chước, thích làm việc của Hiền Thánh, vượt quá phước đức khả năng của mình, phải bị chước họa vào thân. Mỗi lúc có thay đổi, mỗi chỗ cũng có thay đổi; tuân thủ luật pháp thì được bình yên, sống đúng với hoàn cảnh thì an lạc, sống khác là tự làm khổ mình, hại mình và hại người liên hệ.

Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời cũng vì lợi ích cho số đông, lợi ích cho chư Thiên và loài người. Theo dấu chân Phật, hàng đệ tử đến nơi nào hành đạo cũng quán nhân duyên để làm lợi ích cho nhiều người, chắc chắn sẽ được họ thương quý. Tu Pháp Hoa không nghĩ cho riêng mình, nhưng làm cho người lợi lạc là tạo được công đức.

Tóm lại, kinh Vô lượng nghĩa muốn nói một đời giáo hóa của Đức Phật nhằm xây dựng cho mọi người ba điều chính yếu trong cuộc sống là đức hạnh, trí thức và làm lợi ích cho cuộc đời. Thật vậy, kinh Pháp Hoa khẳng định tướng thường trụ Tam bảo, nghĩa là Tam bảo thường trụ trong tâm mọi người, trong niềm tin của mọi người, trong trí sáng suốt của mọi người, trong chính cuộc sống của mọi người; không phải mơ hồ. Loài người còn tin Đức Phật, Tăng Ni, Phật tử còn có đức hạnh, sáng suốt và làm lợi ích cho đời, thì đạo Phật còn tồn tại vững bền.

Trước khi thuyết kinh Pháp Hoa, Phật thuyết kinh Vô lượng nghĩa. Như vậy, có Vô lượng nghĩa mới có Pháp Hoa, nhắc nhở chúng ta rằng người tụng kinh Pháp Hoa suốt đời mà không được lợi ích cho bản thân và không giúp ích cho cộng đồng xã hội, không phải là trì kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa phải vào cửa Vô lượng nghĩa, tức phải là người đức hạnh, trí tuệ và lợi ích cho đời. Vì vậy, mặc dù không tụng Pháp Hoa, nhưng xây dựng cho mình có đủ ba tiêu chuẩn này cũng đầy đủ tư cách của hành giả Pháp Hoa.

Vào cánh cửa Vô lượng nghĩa rồi mới thấy thực chất Pháp Hoa, hay Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp là pháp bí yếu của Đức Phật, hay tâm của Phật, được ví như ma ni bảo châu kết tinh bằng ba tố chất hoàn hảo là đức hạnh, trí thức và công đức. Ma ni có khả năng lóng nước trong. Tâm Phật có khả năng thanh tịnh hóa chúng sinh. Vì vậy, người tu Pháp Hoa phải có tâm thanh tịnh như ma ni và tác động cho chúng sinh thanh tịnh. Thực tế cho thấy tâm chúng ta an lành sẽ làm cho người an lành theo. Trái lại, tâm tội lỗi, phiền não, nhiễm ô đến với chúng sinh sẽ làm cho họ cũng bị phiền não, nhiễm ô, tội lỗi.

Gạn lọc tâm trong sáng để có Diệu Pháp là pháp chân thật, hay trí tuệ thấy đúng như thật, nên hành động không sai lầm và thân hiện hảo tướng, thanh tịnh, giải thoát, được ví như hoa sen không nhiễm bùn, là Liên Hoa. Tu Pháp Hoa không có pháp cố định, nhưng làm sao ở chốn trần lao mà không bị ô nhiễm, thân giải thoát, tâm thanh tịnh, trí sáng suốt và hiện hữu lợi ích cho mọi người, kết thành Phật quả; đó là thể hiện yếu nghĩa của Pháp Hoa vậy.

---o0o---

Ý NGHĨA PHẨM TỰA THỨ 1

Trước khi nói kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói kinh Vô lượng nghĩa và nhập Vô lượng nghĩa xứ định. Vô lượng nghĩa kinh là một đời thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật, Ngài đã đưa ra vô số pháp phương tiện chứa đựng vô lượng nghĩa, nhưng gom lại thành ba nghĩa chính yếu là *đức hạnh, trí tuệ và lợi ích cho cuộc đời*. Và kinh Vô lượng nghĩa áp dụng trong cuộc sống là Vô lượng nghĩa xứ định. Kinh thì lý giải, nhưng nhập định thì không nói, gọi là ngôn ngữ đạo đoạn. Tu hành, chúng ta kết hợp hai việc này, tức học giáo lý và thể nghiệm trong cuộc sống. Nhìn đời qua lăng kính Phật; vì Pháp Hoa là nhất Phật thừa, chúng ta lấy Phật làm đối tượng để quan sát và tu hành. Giáo lý và cuộc sống của Đức Phật cô đọng lại thành trí tuệ và đức hạnh của Ngài được ghi trong kinh điển; vì thế, nương theo kinh điển, chúng ta nuôi lớn trí tuệ, đức hạnh của chính mình. Như vậy, chúng ta hiểu được cuộc đời bằng cách đi vào tam thừa giáo nằm trong kinh điển Nguyên thủy và Đại thừa.

Học kinh Nguyên thủy chính là xây dựng mẫu người đạo đức, một Tỳ kheo đức hạnh. Đức kết giáo lý Nguyên thủy, chính yếu là thực hiện 37 trợ đạo phẩm trong cuộc sống và cuối cùng hình thành tư chất đạo đức của một người tu kiểu mẫu thể hiện bát chánh đạo. Và đi vào kinh điển Đại thừa, tinh thần bát chánh đạo cũng được gắn liền với ba nghiệp của chúng ta để chuyển hóa ba nghiệp trở thành thanh tịnh, thì trần duyên không còn ràng buộc, sống phạm hạnh giải thoát làm lợi lạc cho người, cũng thể hiện mẫu người đức hạnh. Nói kinh Vô lượng nghĩa xong, Đức Phật đi sâu vào định, gọi là Vô lượng nghĩa xứ định.

Nói kinh Vô lượng nghĩa bằng ngôn ngữ, nhưng nhập Vô lượng nghĩa xứ định, Phật lặng thinh, hay có thể hiểu là Bản môn Pháp Hoa không nói, nhưng nhìn vào xã hội, vào tâm thức chúng sinh, vào Pháp giới, thấy tất cả sự vật luôn biến đổi. Vì sự vật thoáng qua rồi trở về quá khứ, nên không thể diễn tả bằng ngôn ngữ sức sống diễn tiến liên tục, vừa nói thì nó đã trôi qua. Chính vì vậy mà kinh Văn

Thù khẳng định rằng trong suốt 49 năm, Phật chưa từng nói; nghĩa là Đức Như Lai không nói, mà Đức Thích Ca nói.

Trong Vô lượng nghĩa xứ định, Đức Phật không sử dụng ngôn ngữ, mà sự yên lặng của Ngài tác động một cách tốt đẹp đến tâm hồn của tất cả mọi người, nên có bốn thứ hoa trời là Mạn đà la, Ma ha Mạn đà la, Mạn thù sa và Ma ha Mạn thù sa rơi xuống.

Nhập Vô lượng nghĩa xứ định có thể hiểu là ngày nay Phật đã Niết bàn, không nói, nhưng tất cả mọi người ở trần gian luôn nhận được sự an lành từ giáo pháp Phật truyền trao và niềm vui kỳ diệu cùng sự thuần khiết theo Phật đã thấm sâu vào con tim khối óc của cả nhân loại, thâm đắm trong cuộc sống của mọi người. Có thể thấy rõ sau khi Phật Niết bàn, lời dạy của Đức Phật đã thật sự có giá trị tuyệt đối. Các vị Thánh Tăng, A la hán nhận ra ý nghĩa sâu xa của lời Phật chỉ dạy và ứng dụng vào cuộc sống, lập giáo khai tông, tạo nên những ngọn đuốc soi đường cho loài người sống an vui, làm cho xã hội tốt đẹp, mà kinh diễn tả bằng bốn loại hoa trời vừa nói.

Hoa Mạn đà la còn gọi là Ý lạc hoa tiêu biểu cho sự an vui. Đối với người tu, quan trọng nhất là tâm an vui. Niết bàn hay Cực lạc chính là đời sống an vui. Tuy công việc cực nhọc, nhưng sống theo tinh thần Phật dạy, nhận được sự gia hộ của Phật và cảm nhận niềm an vui kỳ diệu như đang sống ở cõi trời. Có tâm an vui mới tu được. Hoàn cảnh khổ, mà vẫn vui trong nếp sống đạo hạnh, mọi điều tốt lành sẽ tự động đến. Tuy nhiên, muốn an vui thì phải sạch nghiệp trước, được tiêu biểu bằng hoa Mạn thù sa là hoa tinh khiết rơi xuống có tác dụng tiêu nghiệp. Nhờ đã trải qua quá trình thể nghiệm pháp Thanh văn thành tựu 37 trợ đạo phẩm, tâm hành giả trở nên trong sạch, thuần khiết. Vì thế, giữa hành giả và chư Thiên đồng nhau ở tâm tinh khiết. Tuy còn mang thân tứ đại ngũ uẩn ở nhân gian, nhưng tâm hành giả đã sống với trạng thái siêu thức, mới thâm nhập thế giới siêu nhiên, mới thấy được thế giới của chư Thiên, hay thấy hoa trời.

Lấy yếu chỉ kinh trang nghiêm thân tâm sẽ nhận được những Thiên hoa này rơi vào lòng, nghĩa là có tâm thuần khiết và tâm an vui mới tu Pháp Hoa được. Ở giai đoạn trước, kinh Vô lượng nghĩa đã xây dựng đạo đức và tri thức, chính hai chất liệu này giúp cho hành giả an vui và trong sạch thật sự, là thêm thang để bước vào Pháp Hoa hay nhất Phật thừa. Nói cách khác, tâm an vui, thuần khiết là cốt lõi của đạo Phật và cũng là yếu nghĩa của Pháp Hoa. Điều này một lần nữa muốn xác định cho chúng ta thấy kinh Pháp Hoa không cố định, việc tu hành chính yếu là làm thế nào tâm an vui và sạch nghiệp, mà đỉnh cao là Niết bàn. Ý này chư Tổ

thường diễn tả là "Chuyển khổ duyên nhi thành lạc cụ, sai nhiệt nảo nhi đắc thanh lương".

Phẩm Tựa kinh Pháp Hoa nói rằng trong Vô lượng nghĩa xứ định, Đức Phật phóng một luồng hào quang chiếu khắp 18.000 thế giới ở phương Đông, dưới đến địa ngục A tỳ, trên đến Trời Sắc cứu cánh. Nương theo ánh quang Phật, chúng sinh thấy đầy đủ sinh hoạt trong tứ sanh lục đạo, thấy có Phật ra đời, có Bồ tát cứu nhân độ thế, có hàng nhị thừa trụ Niết bàn và thấy có chúng sinh đau khổ luân hồi, v.v... Hình ảnh này nhằm thể hiện nghĩa gì ?

Đức Phật thành tựu quả vị Vô thượng Bồ đề, có tam minh lục thông mới thấy được sinh hoạt của hàng tứ thánh lục phàm một cách tường tận. Và suốt cuộc đời du hóa của Đức Phật, Ngài truyền trao thấy biết đúng như thật ấy, giúp chúng ta biết được mối tương quan tương duyên như thế nào giữa Phật Thích Ca với chư Phật, giữa Phật với Bồ tát, giữa Phật với chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. Kinh Pháp Hoa diễn tả trí tuệ siêu tuyệt thông suốt mười phương Pháp giới của Đức Phật bằng hình ảnh hào quang phóng ra từ bạch hào tướng của Ngài. Theo Nhật Liên Thánh nhân, chỉ một câu này trong phẩm Tựa đã tổng hợp được 49 năm thuyết pháp giáo hóa, Đức Phật cứu độ được tất cả thành phần xã hội từ hàng Bồ tát, La hán, Thanh văn cho đến trời người.

Nhờ tâm an lạc và thuần khiết mới thấy được 18.000 thế giới hiện ra trong ánh quang Phật. Nói cách khác, nương theo giáo lý Phật, trí tuệ bắt đầu sinh ra, đứng ở bờ giải thoát hay thế tánh vô sai biệt mà nhìn lại thế giới sai biệt của sáu đường chúng sinh, mới thấy đúng như thật. Thấy người giàu, người nghèo, người hung dữ, người hiền lành, người bố thí, người lừa đảo, v.v..., nói chung, thấy mọi việc trên cuộc đời, từ việc xấu nhất là địa ngục A tỳ cho đến việc tốt nhất là Trời Hữu đánh thuộc thế giới sai biệt, thấy tất cả đều đúng. Vì với ánh sáng trí tuệ theo Phật, những gì chúng ta đang hưởng hay phải gánh chịu đều theo định luật ba đời nhân quả, mọi việc đều có nguyên nhân và hậu quả, những gì chúng ta gặp hôm nay đều do nhân quá khứ đã tạo. Đệ tử Phật thấy rõ không sai lầm, nên không buồn phiền, oán trách, bực tức người khác, mà nỗ lực chuyển hóa nghiệp chướng và phiền não của chính mình, tịnh hóa thân tâm mình.

Ngoài ra, còn thấy những người tu trong giáo pháp Phật là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Thấy từng sinh hoạt trên cuộc đời, có người Thiên định, có người tụng niệm lễ bái, có người đi khát thực, có người làm từ thiện, v.v... Những người này được hoặc không được kết quả tốt, nhưng tất cả mọi việc đúng sai đều có cái lý của nó để cho chúng ta kinh nghiệm tu hành; thậm chí thấy việc sai lầm của người khác là hình ảnh quá khứ của chính mình. Nhờ ánh quang Phật cho chúng ta cái

thấy đúng đắn như vậy để chọn lựa con đường đi của mình; ở lập trường Bồ môn, Bồ tát cứu khổ ban vui, thành tựu lục độ vạn hạnh, là đối tượng chính yếu để chúng ta quan sát. Quán sát kỹ, thấy biết đúng, chúng ta mới nhập cuộc. Trước chúng ta chưa thấy đúng mà lao vào sinh tử, nên bị khổ đau triền miên. Nay hành Bồ tát đạo, kết làm quyến thuộc của Bồ tát, nương vào các vị Bồ tát hành đạo, chúng ta nhận chân được cách làm của Bồ tát luôn đem lại an vui giải thoát cho mọi người; đó chính là tu Pháp Hoa mà chúng ta học theo và thực hiện cho được.

Dưới lăng kính Pháp Hoa, thấy trong Thiên định là thấy thế giới Không hay thế giới của Bát Nhã giải thoát, nên không còn tâm ham muốn thế giới phù du ảo ảnh này nữa và hành giả đi vào thế giới thứ hai gọi là thật tướng các pháp. Kinh Pháp Hoa nói rằng chỉ có chư Phật mới biết rõ thật tướng các pháp, còn từ hàng Bồ tát trở xuống không thấy được. Tuy nhiên, hành giả Pháp Hoa nhờ tâm an vui thuần khiết trong Thiên định, thâm nhập thế giới Không và nhận được yếu nghĩa của chân thật pháp là chơn Không diệu hữu, không phải "Không" suông, không được gì.

Đức Phật trụ trong Vô lượng nghĩa xứ định là chơn Không và từ chơn Không hiện ra diệu hữu trong cuộc sống của Ngài. Thật vậy, quan sát cuộc đời hành đạo của Đức Phật, chúng ta thấy tất cả Tỳ kheo quy tụ bên Phật, kể là các vị giáo chủ ngoại đạo, cho đến hàng vua chúa, những người giàu có cũng như quần chúng đều quy ngưỡng theo Phật. Đức Phật không dụng tâm tìm cách kêu gọi, mọi người tự tìm đến Ngài. Rõ ràng hàng đại đệ tử Phật như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Ca Diếp... đều là những nhà tư tưởng lớn đương thời, đâu dễ khuất phục người khác; vậy mà họ đã tìm Phật để tôn làm đại Đạo sư, hết lòng tu theo Phật. Ngài Trí Giá gọi đó là sự giáo hóa mâu nhiệm, tức giáo hóa bằng tâm là chính yếu, giáo hóa trong tâm tốt thì sự giáo hóa trên hiện tượng cũng tự động tốt theo.

Ngoài Đức Phật, chư Tổ cũng thể hiện tinh thần giáo hóa độ sinh theo Bồ môn Pháp Hoa. Điển hình là Tổ Huệ Đẳng sau khi chống Pháp thất bại, Ngài ẩn nấp vào chùa Long Hòa ở chân núi Thiên Thai và được Tổ Hải Hội che chở, giáo dưỡng. Ngài đã cảm tâm cảm hạnh của Tổ mà xuất gia, sau trở thành vị Tổ của Thiên Thai Thiên giáo tông. Hoặc Tổ Phi Lai cũng vào miền Nam lẩn trốn, ở chùa Giác Viên công quả và cảm đức Tổ Minh Khiêm Hoàng Ân mới phát tâm xuất gia, trở thành pháp sư nổi danh. Điều này cho thấy các vị Tổ sư tu chứng chơn Không đã có được "diệu hữu" nghĩa là đã chuyển hóa được tâm đau khổ, thù hận trở thành tâm sáng suốt, an lạc, giải thoát cho những người hữu duyên tìm đến nương tựa các Ngài. Đó chính là cốt lõi mà kinh Pháp Hoa muốn chỉ dạy.

Đằng sau cái không mà là "chơn Không" thì đầy ắp cái hữu, nhưng là "diệu hữu" được chư vị Tổ sư Thiên tông diễn tả là :

Vô nhất vật trung vô tận tạng

Hữu hoa hữu nguyệt hữu lâu đài.

Trong vô tận tạng của chư Phật, của chư vị Tổ sư đặc đạo, nhìn bằng mắt thường thấy không có một vật nào cả. Tuy nhiên, thâm nhập thế giới chơn Không, các Ngài đã sống với bản thể của muôn sự muôn vật, thì trở về hiện tượng giới, tất cả vạn vật như trăng sao, hoa lá, lầu đài đều hiện hữu đầy đủ, không thiếu thứ gì cả. Thực tế cho thấy những ngôi chùa nguy nga tráng lệ trên khắp năm châu đều được hình thành từ những bậc chân tu thạc đức không có tiền của, kinh gọi là dùng công đức trang nghiêm.

Ngoài ra, kinh Pháp Hoa có một điểm quan trọng mà kinh khác không có. Tất cả kinh Phật nói xong thì Ngài Xá Lợi Phất, hay A Nan, v.v... mới hỏi kinh tên gì, thọ trì như thế nào. Riêng kinh Pháp Hoa, Phật không đặt tên kinh mà tên kinh có trước rồi. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cho biết vô số kiếp trước có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, kể đến có hai vạn Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng có tám vương tử và Ngài cũng nói kinh Vô lượng nghĩa và nhập Vô lượng nghĩa xứ định. Sau khi xả định, Ngài nói Pháp Hoa và thọ ký cho Đức Tạng Bồ tát thành Phật. Vì thế, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói điềm lành này trong pháp hội của Đức Phật Thích Ca ngày nay không khác với điềm lành ngày xưa thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nên nghĩ rằng Phật sẽ nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Trong quá khứ, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói Pháp Hoa, nay Phật Thích Ca cũng nói Pháp Hoa, hay ba đời chư Phật đều nói Pháp Hoa, nghĩa là chân lý là một, quá khứ và hiện tại là một mà Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thấu tỏ. Tất cả những gì chúng ta làm trong quá khứ dẫn đến hiện tại chúng ta có và hiện tại sẽ tạo thành kết quả trong tương lai. Thật vậy, dòng lịch sử tiếp nối từ quá khứ thông suốt đến tương lai mà Pháp Hoa muốn nói là chân lý muôn đời không thay đổi. Phật Thích Ca hiện tại và Phật quá khứ Nhật Nguyệt Đăng Minh thuyết pháp giống nhau là pháp tam thừa mang an vui giải thoát cho người. Nói chung, kinh Pháp Hoa mà ba đời chư Phật thọ trì đều giống nhau, giống trên bản thể và giống ở việc làm lợi ích cho đời, nhưng cách làm thì khác nhau. Vì vậy, từ tâm chúng chơn Không, khéo sử dụng phương tiện sẽ tạo nên muôn vàn điều tốt đẹp cho mọi người; còn chấp trước, kẹt vật chất sẽ đưa chúng ta và mọi người đi vào con đường khổ đau.

Và một điểm đặc biệt khác, trong phẩm Tựa nói rằng thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có hai vị Bồ tát là Diệu Quang và Cầu Danh. Cầu Danh tái sinh làm Di Lạc Bồ tát ngày nay, còn Diệu Quang nay là Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Điều này nhằm nói rằng xưa và nay không khác, hay tu tạo nhân quả khứ thể nào sẽ kết thành quả báo tương ứng hiện tại như thế. Diệu Quang pháp sư gieo trồng trí tuệ, nên tái sinh là Bồ tát Văn Thù trí tuệ bậc nhất. Cầu Danh gieo trồng phước báo, nên hiện thân lại là Di Lạc Bồ tát. Mặc dù bị chê là Cầu Danh, nhưng Ngài không buồn giận, vẫn tiếp tục đến nhà sang giàu giáo hóa, tức quyên thuộc của Ngài là chư Thiên có phước báo được Ngài hóa độ để xây dựng chùa tháp tạo điều kiện cho người tu. Nói theo ngày nay là xin của người giàu để bố thí hoặc xây chùa cho người nghèo tu. Từng bước tu như vậy, tạo được công đức, cho đến đầy đủ tâm từ bi, nên quá khứ là Cầu Danh nay chuyển thành Bồ tát Di Lạc, hay còn có tên là Từ Thị. Ngài có tâm thương người rất mãnh liệt, nên hiện thân trên cuộc đời, Ngài luôn có nụ cười hoan hỷ.

Hai vị Bồ tát Văn Thù và Di Lạc gọi cho chúng ta trên bước đường tu Pháp Hoa, phải tu phước và tu huệ để lấy đó làm hành trang giáo hóa độ sinh, sẽ dễ dàng thăng hoa đạo hạnh Bồ tát. Ý thức như vậy, tôi thường làm hai việc, thứ nhất là làm việc đại chúng cần, phục vụ đại chúng, tức tu phước; thứ hai là dành thì giờ Thiền định, đọc tụng, suy tư kinh điển là tu trí.

Di Lạc Bồ tát đại diện cho bốn chúng trong pháp hội, tất cả đều rất ngạc nhiên trước việc từ xưa chưa thấy là Phật không thuyết pháp, nhưng toàn cảnh sinh hoạt trong mười phương hiện bày một cách rõ ràng trước mắt đại chúng. Trước hội Pháp Hoa, Đức Phật thường giảng nói, đó là phương tiện thuyết pháp; nay Phật nhập định, tức yên lặng để thể hiện pháp chân thật bằng vô tác diệu lực. Thật vậy, Đức Phật không cần suy tính, không làm mà luôn có thành quả siêu việt; vì mọi việc của Phật đều được xây dựng bằng đạo lực, bằng công đức lực bất tư nghị, chứ không phải bằng sự lao động nhọc nhằn, khổ tâm khổ trí như phàm nhân.

Tuy nhiên, Đức Phật đã phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp hành Bồ tát đạo, cứu khổ độ sinh, tích lũy đầy đủ phước đức và trí tuệ hoàn hảo, mới có được thành quả "vô tác diệu lực" của đẳng toàn giác; không phải tự nhiên mà được. Với "vô tác diệu lực", Phật an trụ Thiền định, thấy Ngài không làm gì, nhưng cả xã hội đương thời đã thay đổi tốt đẹp theo sự chỉ dạy của Ngài. Thực tế là cả vạn Tỳ kheo thời bấy giờ tu hành nghiêm mật bên Phật, đắc Thánh quả, được an lạc giải thoát; vô số Bồ tát nương theo uy lực Phật để cứu giúp chúng sinh, phát triển công đức và bát bộ Thiên long cũng hộ trì chánh pháp để được tăng phước lạc, cũng như quần chúng được an vui hạnh phúc và xã hội được an ổn dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, v.v... Cho đến ngày nay, giáo pháp Phật vẫn còn là kim chỉ nam cho cả nhân

loại nương theo để xây dựng cuộc sống hòa bình, an lạc, thương yêu, hiểu biết, thăng hoa trong nhiều lãnh vực của cuộc sống.

Kinh Pháp Hoa muốn chỉ cho chúng ta nhận ra "vô tác diệu lực" và cần nỗ lực thực hiện cho được đạo lực như vậy; đó là thấy quả tu nhân, tức thấy Phật đạt được thành quả siêu tuyệt như thế, chúng ta mới phát tâm tu theo. Nói cách khác, Phật thuyết trên quả môn là yên lặng không nói, nhưng đạo lực siêu tuyệt và trí sáng vô cùng của Ngài cảm hóa được mọi người quy ngưỡng. Và thuyết trên nhân môn hay sử dụng phương tiện ngôn ngữ là Phật vừa nói vừa cùng làm với đại chúng; ý này trong tứ nhiếp pháp gọi là đồng sự. Trên bước đường hoằng hóa độ sinh, trải qua suốt 49 năm, Đức Phật luôn dẫn dắt các Tỷ kheo theo Ngài, để chỉ dạy những bài pháp tương ứng với những hoàn cảnh khác nhau, hiểu theo ngày nay là đi thực tập ngoại khóa. Nhưng nay ở hội Pháp Hoa, Đức Phật lặng thinh mà chúng hội thấy được uy đức vô cùng của Phật và thấy như vậy, họ càng thêm vững tâm tiến tu đạo hạnh.

Có một điểm nữa chúng ta cần suy nghĩ. Trong 800 người học rộng tài cao là đệ tử của Diệu Quang Bồ tát, người thành Phật sau cùng là Phật Nhiên Đăng. Và Phật Nhiên Đăng là người thọ ký cho Phật Thích Ca 80 kiếp trước. Sử ghi rằng khi tiền thân Phật Thích Ca làm Chuyển luân Thánh vương, nhà vua đã thỉnh Phật Nhiên Đăng thuyết pháp. Trên đường đi đến cung vua, có một vũng nước mà nhà vua chưa kịp làm sạch, nên vua đã nằm xuống vũng nước cho Phật Nhiên Đăng bước lên thân mình và Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ngài thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Điều này cho thấy Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đã dạy tất cả đệ tử thành Phật, vậy tại sao Ngài vẫn là Bồ tát và chính Ngài là thầy của Phật Thích Ca, nhưng trong hội Pháp Hoa, Văn Thù Sư Lợi lại là học trò của Phật Thích Ca.

Việc này cũng được xếp vào phần bất tư nghì của Phật, nói lên tinh thần trợ hóa rất quan trọng theo Pháp Hoa. Thật vậy, Đức Phật Thích Ca cho biết khi Ngài hiện thân ở Ta bà để hoằng hóa độ sinh thì mười phương Phật cũng xuất hiện dưới mọi dạng hình để hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ngài thuyết pháp giáo hóa. Kinh Pháp Hoa gọi đó là Bồ tát và Bồ tát quyền thuộc. Một mình dù giỏi đến đâu cũng không thể làm được việc, phải nhờ quyền thuộc, nhưng phải là quyền thuộc Bồ đề mới cùng nhau tạo được công đức; còn quyền thuộc ngu si và phiền não nghiệp chướng phá hại hơn là giúp ích. Vì thế, trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật khuyên nên thân cận người trí, từ bỏ quyền thuộc ngu si.

Nhưng lỡ tạo nhiều ác nghiệp đời trước, nay sanh lại sẽ không có quyền thuộc Bồ đề, mà có ác ma kết bạn, làm quyến thuộc; cho nên người này thường bất mãn, buồn phiền, đời đời và khi bất mãn, buồn phiền sẽ tạo thành lực thu hút những người có tâm trạng như vậy tìm đến kích động họ thêm. Riêng tôi, từng có thời kỳ tích cực tham gia phong trào tranh đấu, thấy rõ lúc đó người tìm đến chỉ thích tranh đấu, biểu tình, đốt xe, v.v... Tụng kinh Pháp Hoa, tôi chợt bừng tỉnh, quyến thuộc như thế sẽ đưa mình đến đâu; nên tôi quyết định sang Nhật làm nghiên cứu sinh, tìm quyến thuộc Bồ đề để loại bỏ tâm buồn phiền, chống đối, để trở lại tâm an vui, giải thoát, trong sạch. Khi chúng ta thật sự tu hành thì chỉ có người tu tìm đến và quyến thuộc Bồ đề này sẽ nhắc nhở chúng ta mở mang trí tuệ, tìm được lẽ sống có ý nghĩa mà mở đầu kinh Pháp Hoa tiêu biểu bằng hoa Mạn đà la và Mạn thù sa.

Có thể thấy phẩm Tựa thứ nhất kinh Pháp Hoa gồm cả Tích môn và Bản môn. Phần Tích môn nói về đại chúng tham dự hội Pháp Hoa gồm có đầy đủ tứ Thánh lục phàm. Và phần cốt lõi của Tích môn nhằm xây dựng đồ chúng có đức hạnh, có tri thức và có lợi ích cho chư Thiên và loài người. Sau khi giảng dạy tam thừa giáo cho Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định tức là vào thế giới Bản môn Pháp Hoa, Ngài không sử dụng ngôn ngữ, nhưng phóng quang cho thấy đầy đủ sinh hoạt của mười cảnh giới khác nhau từ Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, cho đến trời người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Và nhờ nương theo ánh quang Phật, chúng hội không thấy, không nghe qua căn trần, vọng thức, nhưng cảm nhận được pháp vô ngôn của Phật bằng tâm.

Vì nội dung đặc biệt như vậy, các bậc danh Tăng thời xưa nghiên cứu và thể nghiệm kinh Pháp Hoa trong cuộc sống tu hành, đều đồng nhận thức rằng qua phẩm Tựa, Đức Phật đã tổng hiện Pháp giới và giới thiệu tổng quát về quả vị Phật. Riêng Thiên tông cũng kiến giải rằng phẩm Tựa kinh Pháp Hoa đã bao hàm cả Pháp giới. Và dưới cái nhìn theo Hoa Nghiêm, phẩm Tựa kinh Pháp Hoa đồng với Hoa Nghiêm ở điểm Đức Phật hiển bày pháp chân thật trong Thiên định. Chỉ trong khoảnh khắc ngắn của Vô lượng nghĩa xứ định, Đức Phật đã chỉ bày tất cả thế giới của chư Phật, của chư Bồ tát, của hàng nhị thừa, của tứ sanh lục đạo.

Trong Thiên định, Đức Phật thuyết pháp bằng tuệ giác, chỉ rõ toàn bộ cảnh tốt xấu trên cuộc đời để chúng ta chọn lựa. Ngài giới thiệu con đường tràn ngập khổ đau của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, con đường đầy phước lạc của chư Thiên, con đường giải thoát của hàng nhị thừa, con đường cứu khổ độ sinh của Bồ tát.

Nương theo trí tuệ Phật, chúng ta tự chọn con đường của mình. Nếu chọn con đường Bồ tát, thì sẽ gặp Bồ tát, được làm quyến thuộc Bồ tát và hành Bồ tát đạo

nuôi dưỡng phước đức trí tuệ của mình. Nếu chọn con đường địa ngục, tất yếu phải gặp, phải sống với toàn là người ác xấu.

Riêng tôi, tu Pháp Hoa, nỗ lực tiến tu theo lộ trình Bồ tát. Điều tất yếu là ở thế giới Ta bà có đủ người ác người thiện. Nếu phải làm việc với người ác, tự biết mình chưa tốt, nên chưa được Bồ tát, Thánh Tăng hợp tác, cần tiến tu thêm. Nếu thấy xung quanh mình toàn người tốt, mình sẽ lên Niết bàn; toàn người xấu tìm đến, mình sẽ vào địa ngục; thấy có người tốt, người xấu là mình ở thế giới loài người. Người đầy đủ phước đức, trí tuệ sẽ thấy ánh quang Phật, vào Thiên định thấy Phật, Bồ tát, Hiền Thánh.

Trên bước đường tu, cần phải nhận cho ra vị trí của mình phát xuất từ đâu và chọn cho mình con đường thích hợp để tiến lên. Chọn đúng con đường đi theo Phật dạy và một lòng thẳng tiến theo lộ trình đó, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua được năm trăm do tuần đường hiểm và đến được Bảo sở, thành tựu quả vị Vô thượng Bồ đề.

---o0o---

Ý NGHĨA PHƯƠNG TIỆN VÀ CHÂN THẬT

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy có hai cửa vào đạo là Chân thật môn và Phương tiện môn. Chân thật môn là con đường chính, nhưng chỉ có Đức Phật mới đi vào con đường này được. Nói cách khác, theo tinh thần Pháp Hoa, chỉ có Đức Phật thị hiện trên cuộc đời, mang thân phàm phu và xuất gia học đạo, chỉ tu sáu năm mà thành Phật. Từ đó đến nay, biết bao nhiêu người tu trải qua năm mươi năm, hay suốt cả cuộc đời, nhưng không ai thành Phật. Tại sao ? Vì chúng ta là phàm phu, hay nhị thừa, hoặc Bồ tát, thì cũng chỉ chứng được quả mà chúng ta đã có từ đời trước. Thí dụ các vị Thánh La hán tái sinh trên cuộc đời, tu hành, cũng chỉ chứng đến quả La hán là cao tốt. Từ quả La hán mà tiến tu lên được quả vị cao hơn nữa có thể được, nhưng cũng không đơn giản. Người may mắn gặp được Phật, thì sự tu chứng nhanh hơn; chỉ trong một niệm tâm liền chứng được quả A la hán, như Ngài Xá Lợi Phất. Với người không gặp Phật, phải trải qua quá trình nương theo pháp Phật để tu tập, gia công Thiên định cũng chứng được quả A la hán. Như vậy, quả A la hán họ đã có sẵn, nên đời này mang thân phàm mới chứng đắc dễ dàng.

Còn những vị chân sư đã trồng căn lành đời trước, nay tái sinh, xuất gia, học đạo. Với quả vị Hòa thượng đã có từ đời trước, các Ngài tu hành, từng bước cũng phát triển đạo lực, làm Hòa thượng hay A xà lê, nhưng chưa là Thánh.

Đắc đạo, Đức Phật nghĩ rằng nếu đưa ra Chân thật môn, tức chỉ bày chân lý, mọi người không tiếp thu được, còn bị đọa. Đức Phật muốn vào Niết bàn, vì những điều Ngài hiểu, chúng được, thì không dạy được, bởi nghiệp của chúng sinh quá sâu nặng và họ lại không có khả năng. Lúc đó, mười phương Phật hiện ra, ẩn chứng cho sự thấy đúng của Đức Phật Thích Ca và tất cả những gì mà Ngài chứng đắc cũng như của chư Phật mười phương chứng đắc.

Nhưng thấy đúng rồi, có làm được không? Chúng ta phát tâm tu hành thường rơi vô lý tưởng. Lý tưởng luôn luôn quá đẹp, mà thực tế lại phủ phàng. Khoảng cách rất xa giữa thực tế và lý tưởng làm cho chúng ta thất vọng, bất mãn, chán nản, buồn phiền, v.v...; trần lao nghiệp chướng từ đây phát sinh liền.

Đức Phật Thích Ca đắc đạo, tương thông được với mười phương Phật, quả là tuyệt vời. Nhưng Ngài trở lại cuộc đời, thân cận với chúng sinh đầy đủ tham sân si để cảm hóa họ đi theo con đường chân thật giải thoát hoàn toàn, không còn khổ đau sinh tử, là cả vấn đề không đơn giản chút nào. Thấu hiểu sự khó khăn này, chư Phật mười phương khẳng định với Đức Phật Thích Ca rằng tất cả chư Phật hiện thân trên cuộc đời, giáo hóa chúng sinh, đều phải mở cánh cửa phương tiện cho họ đi vào. Con đường chân thật của Đức Phật đi, chúng sinh không thể nào đi được.

Vì vậy, trong phẩm Tựa, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định và phóng quang cho thấy tất cả cảnh giới của tứ thánh lục phàm. Những người vào được ánh quang Phật, tức tiếp nhận được tinh ba của pháp Phật mới nhận chân toàn cảnh Pháp giới. Còn người chấp pháp, chấp ngã thì tuyệt phần. Đức Phật thương xót những người không thâm nhập được thế giới chân thật trong Thiên định, nên Ngài từ an tường tam muội thuyết pháp cho Bồ tát, đã trở lại đời sống bình thường và bắt đầu giảng nói về phương tiện.

Nhiều người hiểu lầm nghĩa phương tiện của Đức Phật. Khi người ta làm một điều gì sai trái, họ thường giải thích đó là phương tiện, để biện minh cho ý đồ đen tối và việc làm xấu của họ. Phương tiện không có nghĩa như vậy, phương tiện không phải là lừa dối. Phương tiện của Đức Phật nhằm chỉ dạy mọi người nhận ra được chân thật, vì chân thật không thể diễn tả bằng ngôn ngữ, không thể nắm bắt bằng trí thế gian.

Mở đầu phẩm Phương tiện, Đức Phật gọi Xá Lợi Phất để nói về trí tuệ sâu mầu Như lai tu chứng. Ngài khẳng định rằng trí tuệ Phật khó hiểu khó vào, hàng nhị thừa mới đến lớp vỏ và hàng Bồ tát chỉ vào được một phần, làm thế nào nói cho chúng sinh bị ngũ uẩn ngăn che nhận biết được. Và Đức Phật kết luận rằng

"Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp thật tướng", nghĩa là chỉ có Đức Phật Thích Ca và chư Phật thấu biết pháp chân thật, hay thật tướng các pháp.

Thật vậy, pháp chân thật mà Đức Phật chứng đắc lia vọng tưởng điên đảo, lia ngôn ngữ, lia suy nghĩ theo thể nhân, trong khi mọi người luôn sống với vọng thức thì làm sao hiểu được. Muốn cho chúng sinh hiểu pháp chân thật, Đức Phật phải mở cánh cửa phương tiện. Trước nhất, Đức Phật cho họ thấy cái mà loài người gọi là bất tư nghi. Từ trước, mọi người chỉ tin tưởng đáng tạo hóa sản sinh ra sự sống và toàn quyền quyết định sự sống của muôn loài. Nay Đức Phật dạy ngược lại rằng mọi người tu hành có thể thành Phật, nghĩa là chủ động trong việc chuyển hóa muôn sự muôn vật theo ý muốn của mình. Và chuyển đổi bằng cách từ bỏ tất cả để được tất cả. Còn chấp ngã chấp pháp không thâm nhập Phật huệ được.

Cuộc sống của Đức Phật đã chứng minh sâu sắc ý này. Ngài từ bỏ ngai vàng điện ngọc và trải qua 11 năm phát huy trí giác đến cùng tột, Ngài thành tựu quả Vô thượng Bồ đề. Từ đó, Đức Phật đã dẫn thân trên vạn nẻo đường với hai tay không để giáo hóa độ sinh, nhưng bước chân từ ái của Ngài đến nơi nào thì người người dâng cúng đất đai, tinh xá, phẩm vật, v.v... Đức Phật đã rất nhẹ nhàng đối với việc sở hữu vật chất, nếu có vật chất thì đó chỉ là phương tiện để Ngài độ sinh; còn phần lớn Đức Phật sử dụng công đức để giáo hóa.

---o0o---

PHÁP PHƯƠNG TIỆN

Có thể khẳng định rằng tất cả những gì Đức Phật giảng dạy trong 49 năm đều là phương tiện. "Phương" là địa phương, mỗi nơi mỗi khác. "Tiện" là thời gian luôn trôi chảy không dừng. Vì vậy, Đức Phật nói pháp ở thành Tỳ Da Ly khác với pháp ở thành Vương Xá; nói chung trong 300 hội, Ngài thuyết pháp không giống nhau, không lặp lại. Nghe pháp ở Tỳ Da Ly thấy thích thú và chê pháp ở Xá Vệ là phạm sai lầm, ví như người mù sờ voi, nên không ai đắc đạo. Pháp phương tiện không giống nhau, không thể chấp pháp nào là tuyệt đối đúng. Pháp phương tiện của Đức Phật rất nhiều, nhưng chủ yếu là tam thừa giáo. Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã khẳng định rằng Ngài vì người cầu Thanh văn, nói pháp Tứ đế; vì người cầu Duyên giác, nói pháp 12 nhân duyên và vì người cầu Bồ tát, nói lục độ vạn hạnh.

Ngoài ra, Đức Phật còn dùng vô số pháp phương tiện khác để cứu độ chư Thiên và loài người. Vì chư Thiên và loài người còn trong sinh tử, nên không là đối tượng của tam thừa giáo được. Chỉ có hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát nương theo phương tiện tam thừa giáo, ra khỏi Nhà lửa, đạt đến Không môn, kinh

Pháp Hoa gọi là bãi đất trống, từ đó Đức Phật mới nói pháp chân thật. Còn giáo pháp dành cho nhân, thiên chỉ nhằm tạo phước lạc cho họ. Vì hàng Trời người còn muốn hưởng phước, muốn vui trong ngũ dục, không muốn lên Niết bàn, thì nói Niết bàn làm sao họ nghe theo. Những người muốn ra khỏi Nhà lửa sinh tử, thoát khỏi lục đạo, đem pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát dạy, họ mới nghe và thực hiện được. Phương tiện của Đức Phật dùng đúng người, đúng lúc, đúng chỗ nên có hiệu quả tốt. Phương tiện này là tam thừa giáo điều dắt Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát ra khỏi sinh tử và những phương tiện khác làm cho Trời người được an vui, lợi ích; đó là mục tiêu Đức Phật hiện thân trên cuộc đời này.

Trên bước đường tu, tôi nhận rõ ý này. Chúng ta phải chấp nhận thực tế là mỗi người có hoàn cảnh khác nhau, không ai giống ai, nên không thể bắt chước được. Từ hoàn cảnh riêng mà tu hành, ý thức về lời Phật dạy là pháp sai biệt dành cho mỗi người khác nhau.

Đức Phật Thích Ca triển khai tám mươi bốn ngàn pháp môn tu, nghĩa là chúng sinh có bao nhiêu phiền não, trần lao nghiệp chướng, thì Đức Phật có bấy nhiêu pháp tương ứng để đối trị. Còn Thánh La hán không có phiền não, trần lao nghiệp chướng; nên không có pháp đối trị dành cho các Ngài. Phật dạy tất cả giới luật mà Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di phải tuân thủ; vì họ sẽ phạm những lỗi lầm, nếu không được cấm ngăn, bảo vệ. Đối với hàng Thánh Tăng như Kiền Trần Như, Đức Phật không chế giới, bởi mới thấy Phật, tâm ông liền thanh tịnh, đắc quả A la hán, thì cần gì giới điều ràng buộc.

Đức Phật triển khai tất cả các giới điều nhằm giúp chúng ta không sinh khởi tâm phiền não, không phạm hành động xấu ác, không làm những việc vô ích, có hại... Vì vậy, khi nương được pháp phương tiện của Đức Phật dạy, chúng ta tu hành, tâm hồn được thoải mái, an vui, bởi nhận chân được sự thật của cuộc đời; chúng ta không lý tưởng hóa mọi việc, không nhận thức sai lầm.

Thuở nhỏ, một vị Hòa thượng dạy tôi tụng Pháp Hoa sẽ hết bực bội, buồn phiền; nếu không thì cứ thắc mắc tại sao thế này mà không thế kia và không bằng lòng ai cả. Hòa thượng dạy rằng phải nhìn đúng sự thật, con cò phải trắng, con quạ phải đen. Không thể bắt con quạ trắng như con cò. Phải nhìn rõ cốt lõi bên trong của một người là gì. Nếu họ là tiên giáng phạm, không dạy, họ vẫn có cốt cách thần tiên. Trái lại, bất kể mặc áo người, nó cũng chỉ làm được trò khi.

Bồ tát, Thánh Tăng tái sinh, tất yếu cốt lõi của họ là Bồ tát, Thánh Tăng. Người làm thuê ở mướn, hay người trốn nợ, trốn tù, cạo đầu vô chùa ở, thì phải cảnh giác họ. Phải nhìn thấy thực, tưởng lầm họ là Thánh thì nguy hiểm vô cùng.

Những người nặng về hình thức, tưởng tất cả người mặc áo tu là thật tu, dễ bị lợi dụng, phiền não, thoái tâm.

Hòa thượng Trí Tịnh chuyên tụng phẩm Phương tiện thứ hai của kinh Pháp Hoa. Tôi nhận ra pháp phương tiện giúp chúng ta không mắc bệnh cố chấp; vì yếu nghĩa của phương tiện chỉ cho chúng ta nhận chân được sự thật, chúng ta sẽ không phạm sai lầm. Họ không thể là Tăng sĩ, nhưng chúng ta cho xuất gia, cuối cùng cũng hoàn tục mà còn có hại nữa. Có thầy nói rằng lo cho một đệ tử ăn học xong, lại ra đời, buồn quá. Nhận rõ sự thật, chúng ta sẽ không buồn. Tôi thấy cậu bé thông minh, nhưng không có căn lành, không cho xuất gia. Tôi cho tiền học để cậu ta trở thành người có giáo dục, có nghề nghiệp đàng hoàng, sống tốt cho bản thân, cho gia đình và đóng góp được cho xã hội. Như vậy, chắc chắn có lợi hơn là cho xuất gia.

Đức Phật dạy quán sát thật tướng các pháp; nghĩa là công nhận sự thật, thấy sự thật, không thấy khác. Và thấy rõ rồi, mới khai phương tiện. Tôi không cho phép anh bị nghiện xuất gia, nhưng dạy anh ta pháp cai nghiện. Từ bi cho họ sống chung trong chùa, phải trông chừng cẩn thận; không để ý, họ gây rắc rối liền. Đối với người này, pháp cai nghiện là thích hợp nhất.

Đức Phật Thích Ca mang sanh thân con người và nói pháp phương tiện, nhằm mục tiêu giúp mọi người nhận ra những cái giả tạm trên thế gian này và tu hành để thành tựu chân thân, hay Pháp thân và sở đắc pháp chân thật. Thấu hiểu lý này, Trí Giả đại sư kiến giải rằng vì thật mới khai mở quyền, nghĩa là phải có chân thật mới đưa ra phương tiện được; kinh điển tả là nương pháp chân thật, khai phương tiện môn. Vì vậy, pháp phương tiện tùy thuộc ở chân thật và nương theo đó, chúng Nhứt thiết chủng trí.

Dựa trên tinh thần phương tiện và chân thật theo kinh Pháp Hoa, Ngài Thiên Thai Trí Giả đã đưa ra khái niệm "Thân quyền thật" và "Thừa quyền thật". "Thân" là thân người được chia ra quyền và thật, tức phương tiện và chân thật. Về giáo pháp Đức Phật đã giảng dạy gọi là "Thừa" cũng có pháp phương tiện và pháp chân thật, gọi chung là thừa quyền thật, được Trí Giả đại sư triển khai như sau:

Tùng thật thi quyền

Khai quyền hiển thật

Phé quyền lập thật

Thật pháp, hay pháp chân thật thì lia tướng, lia ngữ ngôn văn tự, lia cả tâm duyên, nên không nói được, không giải thích được. Thật vậy, sự sống luôn tiếp diễn không ngừng, những người nghe pháp trong lớp học này ở trước mặt tôi đây, một tiếng sau đã có lớp người khác đến thay thế, hoặc những gì nói ra sẽ trở thành quá khứ, không phải là cái hiện tại đang sống động luôn tiếp diễn. Vì vậy, thời gian trôi qua không trở lại, chúng ta hành đạo nên cố gắng sống với "Nhứt niệm hiện tiền", nói đơn giản là giờ nào việc đó, nhìn thẳng vào hiện tại, hiện tiền mà giải quyết mọi việc, kinh Nguyên thủy gọi là "bây giờ và ở đây".

---o0o---

SANH THÂN HAY THÂN PHƯƠNG TIỆN CỦA ĐỨC PHẬT

Ngài Trí Giả đã dùng hình ảnh hoa sen để ví cho thân quyền và thân thật của Đức Phật như sau:

Vị liên cố hoa

Hoa khai liên hiện

Hoa lạc liên thành

Hoa sen có nhân quả đồng thời, vì hoa chưa nở đã có hạt rồi, đó là điểm khác biệt của hoa sen với các loài hoa khác. Cốt lõi là gương sen, nhưng phải có hoa bên ngoài bao bọc che chở gương sen. Nhìn hoa đã biết cốt lõi của nó là "Vị liên cố hoa". Con người cũng vậy. Cốt lõi là linh hồn chúng ta, nhưng chúng ta có thân tứ đại bên ngoài để che chở linh hồn bên trong.

Hoa nở thấy gương sen là "Hoa khai liên hiện". Căn cứ vào cuộc sống con người thì biết được người thật bên trong mình là Phật, là Bồ tát, Thánh hiền, hay là ma quỷ, v.v...

"Hoa lạc liên thành", hoa rụng xuống, còn gương sen với những hạt mầm để cho những đóa sen kế tiếp nở hoa. Cũng vậy, sanh thân Phật vắng bóng trên cuộc đời, nhưng Pháp thân Phật tồn tại vĩnh viễn. Theo Pháp Hoa, Đức Phật vẫn hiện hữu trong tâm trí chúng ta, trong niềm tin con người. Cuộc sống của Đức Phật và giáo pháp của Ngài quá đẹp, cũng như các hàng Thánh chúng vẫn tồn tại mãnh liệt trong lòng nhân thế, đó chính là ý nghĩa "Hoa lạc liên thành".

Theo lý giải của Ngài Trí Giả, Đức Phật Thích Ca mang thân người hữu hạn trên cuộc đời thì sanh thân đó là một trong những phương tiện của Ngài và Pháp

thân của Đức Phật Thích Ca ở Tịch Quang chơn cảnh mới là thân thật, tức chân thân.

Và điều quan trọng là phải có chân thật mới đưa ra phương tiện được. Ý này được Đức Phật nói rõ trong phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16. Đức Phật khẳng định rằng Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp trước, không phải mới thành Phật trong hiện đời này. Nhưng Trời, người, A tu la đều cho là Phật mới rời cung dòng họ Thích, xuất gia, đến cội Bồ đề gần thành Già Da mà thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đời chưa đắc đạo, chỉ thấy bằng mắt thịt, mới tưởng như vậy. Trong khi chư Phật mười phương với huệ nhãn thấy được Đức Phật Thích Ca đã thành Phật từ lâu xa, vì lòng đại bi mà Ngài hiện thân lại cuộc đời này để cứu khổ độ sinh.

Đức Phật xác định rằng Trời, người, A tu la thấy Phật mới thành Vô thượng đẳng giác; nói cách khác, họ chỉ thấy thân tứ đại giả tạm của Đức Phật, còn thân chân thật của Đức Phật là Pháp thân thì chỉ có chư Phật và Bồ tát nhận thấy mà thôi.

Đối với Đức Phật, thân người là phương tiện và chỉ riêng Đức Phật mới có đầy đủ đạo lực làm chủ muôn pháp trong vũ trụ, mới có thể coi sanh thân là phương tiện. Còn đối với chúng ta, thân này không phải phương tiện, mà là nghiệp thân; vì chúng ta không muốn mang thân đau khổ, thân xấu xí, thân bệnh hoạn, thân ngu dốt mà vẫn phải gánh chịu nó... Nói chung là mọi người phải chấp nhận một thân thể bất toàn, dù không muốn chút nào, cho nên tất cả mọi người chỉ có nghiệp thân.

Vì sử dụng thân tứ đại như một phương tiện, nên Đức Phật tùy lúc, tùy chỗ, tùy người mà Ngài ứng hiện nhiều thân khác nhau. Trong phẩm Như Lai thọ lượng, Đức Phật cũng cho biết Ngài thành Phật ở nơi này thì có tên này, ở chỗ khác thì có tên khác, gọi đó là thiên bá ức hóa thân Phật.

Với mục đích hiện thân cứu độ, Đức Phật mang sanh thân để độ loài người, hiện hóa thân để độ Trời, A tu la. Nhận thức như vậy, chúng ta thấy Đức Phật Thích Ca sinh trong loài người vì nguyện của Ngài như vậy, không phải bị nghiệp dẫn vô thế giới này mà phải đau khổ. Ví dụ các giảng sư ở thành phố Hồ Chí Minh, phát nguyện đến các lán trại xa xôi để an ủi, giúp đỡ những người cai nghiện, hay người phạm pháp. Quý vị không bị bắt buộc đến đó, chỉ vì nguyện mà đi, vì muốn giải khổ và mang vui cho người. Trong khi những người cai nghiện hay phạm pháp bị bắt tập trung đến đó. Chính hành động nghiện ngập, hay phạm pháp đã tạo thành hậu quả khổ đau cho họ mà nghĩ lại, họ cũng không muốn. Nhưng dù không muốn

cũng không thể khác, gọi là nghiệp dẫn. Nói chung, tất cả chúng sinh trong sáu đường sinh tử mang nghiệp của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, Trời, người, nên đều phải hiện hữu và sinh hoạt trong thế giới tương ứng với nghiệp của họ, không có quyền lựa chọn khác, đó là nghiệp thọ sanh thân.

Tất cả Như Lai và Bồ tát từ đệ bát địa trở lên thọ sanh trong các loài đều do nguyện. Bồ tát từ đệ thất địa trở xuống còn bị nghiệp dẫn, nghĩa là còn những việc xảy đến bất như ý. Đối với Bồ tát đệ bát địa, không có việc gì bất như ý cả, các Ngài hoàn toàn tự tại, chủ động trong mọi tình huống. Thậm chí chúng ta thấy các Ngài bị móc mắt, chặt đầu, nhưng thật sự các Ngài muốn như vậy để tạo thắng duyên làm đạo. Điển hình như Đức Phật Thích Ca cho biết Ngài nguyện gánh chịu những hành hạ thân xác để độ vua Ca Lợi phát tâm. Vì vậy, Bồ tát đệ bát địa trở lên làm bất cứ việc gì, dù phải hy sinh thân mạng cũng nhằm mục tiêu giáo hóa người, đó là phương tiện của Bồ tát; không phải các Ngài bị động, bị chúng sinh hành hạ, vì thật sự mà nói chúng sinh chẳng có một chút khả năng nào làm hại Bồ tát được.

---o0o---

BÁO THÂN PHẬT, HAY THÂN PHƯỚC ĐỨC VÀ TRÍ TUỆ VIÊN MÃN

Đức Phật mang thân người và nói pháp phương tiện để mọi người hình dung ra Đức Phật thật và nhận chân được pháp thật. Thật vậy, ứng dụng được tinh ba của pháp Phật và thấy được việc làm siêu tuyệt của Đức Phật, chúng ta nhận ra Đức Phật là người cao quý vô cùng. Và thấy được sự cao quý của Đức Phật là thấy Báo thân Phật và nghe được pháp của Báo thân, tức phước đức, trí tuệ của Đức Phật. Việc nào cũng được Đức Phật giải quyết tốt đẹp, tiêu biểu cho trí tuệ viên mãn và Đức Phật dung hóa được mọi người, thể hiện phước đức vẹn toàn.

Bồ tát mười phương thấy được Báo thân Phật vì các Ngài hành Bồ tát đạo, tu sáu pháp ba la mật, bốn pháp nhiếp của Đức Phật dạy. Tuy nhiên, họ thấy rõ bốn pháp nhiếp và sáu pháp ba la mật của họ so với Đức Phật còn kém xa. Đức Phật hành Bồ tát đạo hơn họ một trời một vực. Chính những thành quả siêu tuyệt của Đức Phật về Bồ tát hạnh đã thôi thúc chư Bồ tát mười phương tìm tới Ngài để cầu học. Chư vị Bồ tát đã đến với thân phước đức trí tuệ của Đức Phật, đến vì Đức Phật đồng hạnh, đồng nguyện và siêu tuyệt hơn họ, không phải đến với sanh thân Phật. Còn hàng nhị thừa đến với Đức Phật là đến với pháp phương tiện Tứ đế và đến với sanh thân Phật.

---o0o---

PHÁP THÂN PHẬT HAY CHÂN THÂN PHẬT

Ngoài sanh thân và Báo thân, Đức Phật còn có Pháp thân và chỉ Đức Phật mới có Pháp thân. Khi Đức Phật chưa đắc đạo, chưa chuyển hóa hữu lậu ngũ uẩn thành vô lậu ngũ uẩn, năm anh em Kiều Trần Như cũng không hoan hỷ với Ngài; vì bấy giờ, tất cả đều chấp ngã chấp pháp. Nhưng Đức Phật đạt quả vị Vô thượng Bồ đề, thành tựu Pháp thân, trừ sạch chấp ngã chấp pháp thì vừa trông thấy Đức Phật trở về, năm anh em Kiều Trần Như đã quỳ xuống đánh lễ Ngài. Sau đó Pháp thân của Đức Phật đã tác động cho Kiều Trần Như xa rời tâm chấp trước, nên ông cũng đắc quả A la hán. Và bốn vị Tỳ kheo còn lại cũng lần lượt đắc Thánh quả nhờ tiếp nhận được đạo lực thanh tịnh của Đức Phật và Kiều Trần Như. Từ đó, giáo đoàn đầu tiên gồm Đức Phật và năm vị Tỳ kheo là biểu tượng của vô lậu ngũ uẩn, tức Pháp thân đã tỏa sáng khiến người người thấy an lành và phát tâm tu theo. Như vậy, Pháp thân Phật rất quan trọng, là tác nhân chính yếu để cảm hóa chúng sinh.

---o0o---

NĂM PHẦN PHÁP THÂN

Muốn có Pháp thân trọn vẹn, cần phải chuyển hóa thân hữu lậu ngũ uẩn thành năm phần Pháp thân là GIỚI Pháp thân, ĐỊNH Pháp thân, HUỆ Pháp thân, GIẢI THOÁT Pháp thân và GIẢI THOÁT TRI KIẾN Pháp thân.

Trước nhất, thực hiện đức hạnh theo Phật, chúng ta xa rời chấp trước, không tranh chấp hơn thua, để tạo được thân giới đức, tức giới Pháp thân. Đức Phật đã khẳng định rằng chỉ có đời tranh chấp với Như lai, Như lai không tranh chấp với đời. Và các vị Thánh Tăng cũng dùng đức để cảm hóa người đời, điển hình như Mã Thắng Tỳ kheo giáo hóa Xá Lợi Phất một cách dễ dàng, không bằng lý luận hơn thua mà đáng về giải thoát và giới đức Pháp thân của Ngài đã khiến cho nhà hùng biện bậc nhất ấy phải phát tâm quy ngưỡng.

Ngoài ra, một Tỳ kheo dù nói năng hay yên lặng, vẫn luôn trụ định, nghĩa là thể hiện sức tập trung cao, không bị hoàn cảnh tác động làm vui buồn vinh nhục, nên tâm hồn lúc nào cũng bình ổn, tự tại, giải thoát. Đó là định Pháp thân.

Pháp thân thứ ba là huệ hay trực giác rất cần và là đỉnh cao của người tu. Khi tâm tập trung, không bị hoàn cảnh chi phối, mới nhận ra những việc tốt hay xấu đến với mình, việc làm được hay không được, chỗ nên đến hay nên tránh, nên tiếp xúc với ai về vấn đề gì, v.v... Chưa có huệ giải thì gặp chướng duyên, phiền não liền phát sinh. Trái lại, có huệ, thấy việc xảy ra đúng như dự đoán của chúng ta, nên thuận theo đó mà làm đạo, gọi là quán nhân duyên. Quán nhân duyên hay quán

sát chúng sinh cần việc gì, chúng ta đáp ứng xong rồi ra đi, lưu lại trong lòng họ ấn tượng tốt đẹp. Làm được như vậy, việc tu hành của chúng ta nhẹ nhàng thăng hoa, đến đâu cũng được người quý mến. Chính Đức Phật mỗi buổi sáng trước khi đi khát thực giáo hóa, Ngài nhập định để quán nhân duyên xem thành phố nào cần đến và đến độ ai; vì thế Ngài luôn thành công trong việc độ sinh.

Và hai Pháp thân sau cùng là giải thoát và giải thoát tri kiến mà Đức Phật thành tựu, vì Ngài đã thoát khỏi sự chi phối của hành uẩn và thức uẩn, cho đến những khởi tâm của Ngài đều lưu xuất từ tâm chơn như hoàn toàn thanh tịnh, không phải khởi từ a lại da thức chứa toàn là nghiệp và phiền não như mọi người. Mọi người suy nghĩ tính toán đủ thứ, nhưng không giải quyết được thì còn tồn đọng trong tâm trí, nên phải khổ sở với nó, nghĩa là luôn chịu sự tác hại mãnh liệt của hành uẩn và thức uẩn và vô số nghiệp xấu phát xuất từ a lại da thức.

Tóm lại, Pháp thân Phật được kết cấu bằng năm phần là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Và Đức Phật sử dụng năm phần Pháp thân này để giáo hóa chúng sinh. Pháp thân Phật chính là thân chân thật của Ngài tồn tại vĩnh hằng bất tử.

---o0o---

BÁO THÂN VÀ PHÁP THÂN PHẬT HIỆN HỮU TRONG SANH THÂN PHẬT

Pháp thân và Báo thân Phật không phải là cái gì mơ hồ, xa xăm. Pháp thân và Báo thân Phật đều hiện hữu ngay trong sanh thân của Phật. Ngài Huyền Giác diễn tả ý này là "Huyền hóa sanh thân tức Pháp thân". Thật vậy, thân vật chất của Đức Phật là sanh thân và Ngài tu hành, đạt quả vị Vô thượng Bồ đề, thành tựu phước đức trí tuệ đến mức toàn hảo, kết thành Báo thân. Và với lực tác động tốt đẹp của Báo thân Phật vào tâm trí, vào nếp sống của mọi người, mọi loài, Đức Phật đã thành tựu Pháp thân.

Pháp thân và Báo thân Phật hiện hữu trong chính sanh thân tứ đại của Ngài, nhưng Đức Phật đã Niết bàn, sanh thân không còn. Như vậy, Báo thân và Pháp thân Phật có còn tồn tại hay không và đang ngự trị ở đâu ?

---o0o---

ĐỨC PHẬT NIẾT BÀN, BÁO THÂN VÀ PHÁP THÂN CỦA PHẬT HIỆN HỮU TRONG GIÁO PHÁP VÀ TRONG TĂNG ĐOÀN

Ngày nay, nhân loại ở khắp năm châu kính trọng Đức Phật là kính trọng phước đức trí tuệ của Ngài và tu theo Đức Phật để thăng hoa phước đức trí tuệ của chính họ. Điều đó có nghĩa là Báo thân Phật, tức trí tuệ và phước đức của Đức Phật vẫn hiện hữu, vẫn còn tác động vào tâm trí con người, vẫn hiện hữu trong sinh hoạt của con người. Đồng thời, giáo pháp của Đức Phật vẫn đang được người người ứng dụng trong cuộc sống. Như vậy, Pháp thân Phật còn hiện hữu dưới dạng thức gọi là giáo pháp Pháp thân.

Lúc Đức Phật tại thế, giáo pháp Phật thể hiện ở mọi suy nghĩ, hành động, lời nói, việc làm của Ngài. Đức Phật là đấng Toàn giác, thân khẩu ý của Ngài đều hàm chứa Pháp thân và Báo thân và tất cả những việc mà Đức Phật làm, những lời Phật dạy đều phát xuất từ tình thương và trí tuệ, kết tinh thành đạo Phật là đạo từ bi, trí tuệ.

Sau khi Đức Phật Niết bàn, hàng xuất gia và hàng cư sĩ lãnh hội giáo pháp Phật và tu hành trong chánh pháp, nên giáo pháp Pháp thân Phật được chuyển đổi thành cái mà kinh Pháp Hoa gọi là thể gian tướng thường trụ. Nghĩa là Pháp thân Phật không phải để trong tủ thờ, nhưng hiện hữu trong niềm tin sâu sắc của mọi người. Từ niềm tin hướng về Đức Phật, Đức Phật được đem đặt trong trái tim chúng ta, thể hiện thành hành động và việc làm lợi ích chúng hữu tình; đó là thể gian tướng thường trụ hay thường trụ Pháp thân Phật.

Có thể khẳng định rằng Pháp thân Phật thường trụ trong nếp sống của các Tỳ kheo, hay Tăng đoàn chính là Pháp thân Phật. Thật vậy, không có Tăng đoàn thanh tịnh, hòa hợp truyền bá chánh pháp, giáo hóa người, thì Phật pháp không tồn tại. Dù có chùa, nhưng thiếu người tu đắc đạo, đạo Phật coi như vắng bóng. Pháp thân Phật hiện hữu trong tâm trí, trong lời nói và trong việc làm của các Tỳ kheo đắc đạo. Tỳ kheo không đắc đạo không thể hiện được Pháp thân Phật.

Tóm lại, Đức Phật từ vô lượng kiếp trước tu hành đắc đạo, thành tựu viên mãn phước đức trí tuệ, tạo nên Báo thân và Ngài dùng trí tuệ của đấng toàn giác chi phối, điều động các pháp, biến các pháp thành Pháp thân. Pháp thân Phật hiện hữu trong thế giới Thường Tịch Quang, tức bản thể thanh tịnh hoàn toàn.

Từ Đức Phật gốc là "Thể sáng suốt tuyệt đối" mới hiện ra "Diệu dụng"; đó là Đức Phật hiện thân trên cuộc đời với những đức tánh trợn lạnh do tu hành từ vô lượng kiếp trước, gọi là yếu tố thành Phật đã đầy đủ. Từ đó mới cấu thành một sanh thân Phật với tướng toàn hảo, bốn tâm vô lượng, trí siêu xuất thế gian, tình thương đối với chúng sanh bao la vô bờ bến, sức khỏe không ai sánh bằng, v.v...

Những điều kiện thành Phật như vậy được Ngài Trí Giả diễn tả là "Tùng bồn thùy tích", nghĩa là Đức Phật thật từ "Bồn" là gốc ở Tịch Quang chơn cảnh, hiện ra "Tích" là Đức Phật sanh thân ở trên cuộc đời. Và "Khai tích hiển bồn" là Đức Phật mượn sanh thân tu hành thành Phật để chỉ cho mọi người nhận ra Đức Phật thật đã thành Phật từ lâu xa.

Ngài kết luận "Phế tích hiển bồn" là Đức Phật sanh thân nhập diệt để Pháp thân Phật vĩnh hằng tồn tại. Vì nếu Đức Phật Thích Ca sống mãi, chúng ta chỉ biết có một Đức Phật lịch sử đó thôi. Nhưng Đức Phật Thích Ca nhập diệt thì hiện ra Pháp thân Phật, nghĩa là ở đâu có tâm thành hướng về Đức Phật thì ở đó liền có Đức Phật hiện hữu giáo hóa. Vì vậy giữ được Pháp thân Phật hằng hữu trong tâm trí chúng ta, thì Đức Phật không bao giờ nhập diệt.

Theo tinh thần vừa nói, Ngài Nhật Liên dạy rằng đối với người tu Bồn Môn Pháp Hoa, Đức Phật không nhập diệt là phước đức, trí tuệ của Đức Phật không nhập diệt, Pháp thân vĩnh hằng không nhập diệt. Nhờ đó, chúng ta nương theo Pháp thân Phật bất sinh bất diệt để tu hành, Ngài gia hộ cho chúng ta. Và được như vậy là người đó có nhân duyên đặc độ với Đức Phật, là người giữ gìn ngọn đèn chánh pháp mãi mãi hiện hữu sáng ngời để soi đường dẫn lối cho nhân loại ra khỏi đường hiểm sinh tử đến bến bờ giải thoát vĩnh hằng bất tử đồng với Đức Phật vậy.

Tóm lại, phẩm thứ hai của kinh Pháp Hoa là phẩm Phương tiện, tất nhiên chính yếu nói về phương tiện; nhưng có thể hiểu rộng ra, toàn bộ kinh Pháp Hoa từ phẩm Tựa thứ nhất đến phẩm An lạc hạnh thứ 14 đều là phương tiện, thuộc Tích môn, trong đó Đức Phật giới thiệu ứng thân Phật là thân phương tiện của Ngài và các pháp mà Đức Phật chỉ dạy từ trước đều là pháp phương tiện. Hiểu sâu xa hơn nữa, trong suốt 49 năm giáo hóa độ sinh, Đức Phật đã đưa ra vô số pháp phương tiện nhằm dìu dắt mọi người thâm nhập pháp chân thật trên lộ trình tiến đến Phật quả. Và Đức Phật đã sử dụng thân phương tiện là sanh thân Thích Ca Mâu Ni Phật để chỉ cho mọi người nhận ra Pháp thân Phật hằng hữu vô cùng trong khắp Pháp giới.

Theo dấu chân Phật, tất yếu chúng ta phải từng bước nuôi lớn Báo thân và Pháp thân của chính mình. Trên bước đường tu, cần sử dụng những phương tiện của Đức Phật tương ứng với mình để tiến tu, phát huy đầy đủ phước đức trí tuệ, thành tựu được cho mình Báo thân viên mãn, tức trọn vẹn hạnh Bồ tát. Cuối cùng, chuyển đổi được hữu lậu ngũ uẩn thành vô lậu ngũ uẩn, là có được Pháp thân bất sinh bất diệt, vĩnh hằng giống như Đức Phật, không khác.

Đó là mục đích mà Đức Phật thị hiện sanh thân trong thế giới loài người của chúng ta, kinh gọi là khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến và đó cũng là mục tiêu của tất cả người con Phật muốn đạt được trên lộ trình thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Riêng tôi, nhờ nương pháp phương tiện của Đức Phật tu hành, hoàn cảnh lần đổi khác một cách tốt đẹp vô cùng và tôi được Phật hộ niệm, bỏ xứ cho làm một số việc, thành tựu một ít Phật sự. Vì vậy, tôi rất tâm đắc lời tâm sự của Xá Lợi Phất bộc bạch với Đức Phật rằng dù đầu đội và hai vai cõng vác Phật trái qua vô số kiếp cũng không bao giờ đền đáp được công ơn vô bờ bến của Đức Thế Tôn.

---o0o---

Ý NGHĨA VÀ THÍ DỤ

Ngài Trí Giả chia 28 phẩm kinh Pháp Hoa thành hai phần : Tích môn gồm 14 phẩm đầu và Bốn môn gồm 14 phẩm sau. Tích môn nói về cuộc sống thực tế, về pháp Phật dạy, về phương cách tu hành của chúng ta; cho nên Tích môn gần gũi với cuộc sống của chúng ta hơn. Bốn môn nói về thế giới tâm linh bất sinh bất diệt của Đức Phật.

Tích môn gồm có ba phần : Mở đầu, chánh tông và lưu thông. Phẩm Tựa thứ nhất là phần mở đầu kinh. Từ phẩm Phương tiện thứ 2 đến phẩm Thọ học vô học hơn ký thứ 9 thuộc phần chánh tông, tức nội dung kinh. Và phần lưu thông, hay kết luận của Tích môn gồm phẩm Pháp sư thứ 10 đến phẩm An lạc hạnh thứ 14.

Phần chánh tông hay nội dung của Tích môn đưa ra vấn đề "khai tam hiển nhất" nghĩa là Đức Phật khai triển giáo pháp thành ba thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, để cuối cùng dẫn đến nhất Phật thừa bao hàm tất cả ba thừa. Vì pháp tu của ba thừa tuy khác nhau, nhưng tất cả Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát đều là đệ tử Phật và cùng có một mục tiêu duy nhất giống nhau là giải thoát và giác ngộ viên mãn; cho nên kết quả sau cùng đạt được phải giống nhau là tất cả đều sẽ thành Phật.

Vì vậy, trong phần chánh tông của Tích môn, Đức Phật đã thọ ký cho hàng Thanh văn thành Phật, gọi là "Nhị thừa tác Phật"; trong khi các kinh khác chỉ thọ ký cho Bồ tát thành Phật. Tuy các vị Thanh văn được thọ ký, nhưng Đức Phật nhắc một điều kiện cần thiết rằng các vị đắc quả A la hán phải phát tâm Bồ đề, tu Bồ tát đạo, cho đến khi đầy đủ tâm đại bi, trọn vẹn hạnh Bồ tát, mới thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Còn các vị A la hán trụ Niết bàn là thú tịch Thanh văn không thành Phật được.

Phần Tích môn Pháp Hoa cũng được Ngài Trí Giả chia ra ba vòng gọi là tam châu, gồm có thuyết pháp châu, thí dụ châu và nhân duyên châu. Pháp thuyết châu chủ yếu ở phẩm Phương tiện thứ 2 và nửa phần đầu của phẩm Thí dụ thứ 3. Thí dụ châu gồm nửa phần sau của phẩm Thí dụ thứ 3 cho đến phẩm Thọ ký thứ 6. Và nhân duyên châu gồm ba phẩm : Hóa thành dụ thứ 7, Ngũ bá đệ tử thọ ký thứ 8, Thọ khạc vô học như ký thứ 9.

Phần pháp thuyết châu xác định rằng tất cả những gì Đức Phật chỉ dạy và thể hiện trong cuộc sống đều là phương tiện. Từ pháp tu của như thừa, dù đơn giản nhất như chấp tay nói Mô Phật hay trẻ con nhóm cát làm tháp Phật, cho đến pháp giải thoát của hàng nhị thừa và pháp khó làm là lục độ vạn hạnh của Bồ tát, tất cả đều là phương tiện của Đức Phật đưa ra để dẫn dắt tất cả mọi người về nhất Phật thừa, tức thành tựu quả vị Phật. Đó là điểm đặc biệt của kinh Pháp Hoa khẳng định tất cả các pháp Phật đồng quy về Phật thừa; trong khi các kinh khác nói có nhiều "Thừa" tức nhiều pháp tu khác nhau dẫn đến những quả vị riêng biệt cố định, không thể tiến đến quả vị Phật được.

Theo Pháp Hoa, tất cả đệ tử Phật tuy mang hình thức khác nhau, màu áo tu khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, sinh hoạt khác nhau, nhưng tất cả đều sẽ thành Phật. Tư tưởng này nhằm nói lên tinh thần dung hóa cao tột của Pháp Hoa, nhằm giúp cho mọi người xóa bỏ định kiến, chấp trước; vì cố chấp là căn bệnh cố hữu của con người khiến cho họ phạm sai lầm và trầm luân trong sinh tử, cũng như luôn tạo ra sự mâu thuẫn dẫn đến tình trạng phân biệt và chống đối lẫn nhau. Với tinh thần bao dung tất cả mọi người, tất cả pháp tu, nên kinh Pháp Hoa được gọi là Viên giáo, tức giáo pháp viên dung vô ngại.

---o0o---

I - ĐỨC PHẬT THỌ KÝ CHO THANH VĂN

Mở đầu phẩm Thí dụ thứ ba, Đức Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất thành Phật hiệu là Hoa Quang Như lai. Bây giờ, Xá Lợi Phất mới trình bày với Đức Phật rằng trước kia Ngài đã ấn chứng cho tất cả đệ tử là A la hán. Nhưng Xá Lợi Phất còn cảm thấy hoài nghi rằng nếu ông và các vị khác đều là A la hán giống như Đức Phật, thì tại sao Đức Phật yên lặng mà mọi người vẫn kính ngưỡng, tại sao Đức Phật không khổ công nhọc sức mà việc nào cũng thành tựu tốt đẹp. Trong khi họ cố gắng thuyết phục, nhưng người cũng không nghe theo, họ ra sức làm nhưng việc vẫn không thành tựu.

Nay, trong hội Pháp Hoa, Xá Lợi Phất mới nhận biết được sự thật rằng Đức Phật ấn chứng cho họ là A la hán đồng với Đức Phật, thì chỉ là danh tự La hán mà

thôi và đồng với Đức Phật là đồng nghĩa giải thoát, không đồng phước đức trí tuệ. Thật vậy, Đức Phật đã trải qua vô số kiếp hành Bồ tát đạo cho đến khi thành tựu quả vị Phật, Ngài luôn mang nguồn vui và cứu khổ chúng sinh, cho nên họ đã thọ ơn Phật, nay gặp lại mới kính ngưỡng, phát tâm tu theo Đức Phật. Nói cách khác, Đức Phật khẳng định việc hành Bồ tát đạo, tức phải tu tạo phước đức và trí tuệ cho đến viên mãn là điều cần thiết nhất để thành tựu quả vị Phật. Còn các A la hán chỉ hướng đến giải thoát cho riêng bản thân, không quan tâm đến việc cứu khổ độ sinh. Với tâm lý trần, cách biệt chúng sinh như vậy, khó cảm hóa được người và không thể tạo công đức, nên không thể thành Phật.

Đức Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa giúp cho nhiều người thấy được con đường sống an vui giải thoát, nên người người quý kính đạo Phật. Nhưng Đức Phật Niết bàn, đệ tử Phật hướng tâm về Niết bàn giải thoát, không quan tâm đến cuộc đời; tất nhiên đẩy mọi người rời xa đạo Phật, làm đạo Phật bị suy yếu. Tư tưởng Đại thừa mới ra đời để vực dậy sức sống của đạo Phật, tiêu biểu là kinh Duy Ma, Hoa Nghiêm, Bảo Tích, Pháp Hoa đã phản ảnh ngược lại tư tưởng tiêu cực yếm thế của thời kỳ Phật giáo bộ phái, với chủ trương từ giải thoát môn hướng về cuộc đời, làm những việc lợi ích cho mọi người. Mạnh nhất là kinh Duy Ma thể hiện tinh thần phục vụ chúng sinh là chính, nên không đặt nặng hình thức tu sĩ, mà đề cao vai trò cư sĩ dẫn thân vào mọi hoạt động lợi lạc cho đời. Trí Giả gọi đó là thời kỳ úc dương giáo, tức chê trách hạnh tu viễn ly của Thanh văn và đề cao hạnh cứu đời của Bồ tát.

Đến kinh Pháp Hoa dung thông tất cả các pháp, từ tứ Thánh đế cho đến thập nhị nhân duyên và sáu pháp ba la mật tiêu biểu cho tam thừa giáo đều là phương tiện của Đức Phật đưa ra. Tùy hoàn cảnh từng người thích hợp với pháp tu nào thì thực hiện pháp đó và sau cùng cũng phải cứu nhân độ thế. Người nghiệp chướng trần lao không có khả năng cứu người, họ phải đắc quả A la hán, thân tâm thanh tịnh mới cứu giúp người được. Kinh Pháp Hoa xác định rằng đắc A la hán thật thì phải vào đời giáo hóa người và chính Đức Phật cũng phải hành Bồ tát đạo, tức cứu khổ độ sinh mới thành Phật.

Xá Lợi Phất là người trí tuệ bậc nhất, thuộc hàng thượng căn, nhận ra yếu nghĩa Phương tiện mà Đức Phật chỉ dạy, liền nói lên suy nghĩ rằng "Con từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh và được pháp Phật, nay mới biết mình thật sự là con của Phật, có thể thành Phật"(Tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần, cố danh Phật tử).

Nhận được ý Phật dạy, Xá Lợi Phất được Đức Phật thọ ký; nghĩa là không phải đắc quả A la hán là hoàn mãn việc tu hành, phải dùng trí tuệ và đạo hạnh để

tiếp tục hành Bồ tát đạo. Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát không phải là ba con đường khác nhau dẫn đến ba điểm riêng biệt. Nhưng phải đắc A la hán vị, nghĩa là thân tâm thanh tịnh, diệt sạch kiết sử bên trong, hoàn toàn tốt lành, mới có khả năng hành Bồ tát đạo, vào đời cảm hóa người được.

Đức Phật dạy rằng Xá Lợi Phất đã đi qua đoạn đường thứ nhất, có tư cách thánh thiện của A la hán rồi, nên tiếp tục đoạn đường thứ hai, hành Bồ tát hạnh viên mãn, đầy đủ phước đức trí tuệ, mới được thọ ký thành Phật hiệu là Hoa Quang. "Hoa" là tinh ba, "Quang" là ánh sáng. Trí Giả gọi đây là thọ ký cho hàng thượng căn thuộc vòng một là thuyết pháp châu, vì nghe pháp mà tỏ ngộ yếu chỉ Phật dạy. Với ánh sáng trí tuệ, Xá Lợi Phất thấu tỏ được nghĩa lý sâu xa, làm cho tinh ba Phật pháp càng sáng lên. Đi vào con đường tuệ giác và có đầy đủ đạo lực, Xá Lợi Phất sẽ khơi sáng được ngọn đèn trí tuệ, mới thọ ký cho đệ tử của Ngài thành Phật hiệu là Hoa Túc An Hành. Thật vậy, người mở đạo gánh chịu biết bao khó khăn gian khổ, cho nên người thừa kế có được hoa sen đỡ chân, tức nương nhờ thành quả có sẵn của thầy Tô mới tiến tu dễ dàng hơn. Điển hình như Phật giáo Việt Nam chúng ta, nhờ Thiên sư Vạn Hạnh và chư vị tiền nhân đã dày công tạo dựng những thành quả lớn lao mang lại lợi lạc cho đời, để lại cho chúng ta sự nghiệp vàng son, ngày nay chúng ta mới có con đường làm đạo phẳng phiu, thơm ngát hương sen.

Nghe Đức Phật chỉ dạy về pháp phương tiện, Xá Lợi Phất hiểu được ý sâu xa, nên Ngài phát tâm Bồ đề tiếp tục hành Bồ tát đạo; trong khi hàng trung căn vẫn không hiểu ý Phật. Họ không hiểu tại sao trước kia Đức Phật nói các đệ tử Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát đều là A la hán giải thoát; nhưng nay Ngài nói Pháp Hoa là nhất Phật thừa, người tu Thanh văn không phải là đệ tử Phật, chỉ có Bồ tát, hay tu theo nhất thừa là đệ tử Phật.

Vì những người không có khả năng tiếp thu nghĩa lý sâu xa của pháp phương tiện, không hiểu được yếu nghĩa "Khai tam thừa hiển nhất thừa" mà Đức Phật vừa chỉ dạy, Ngài phải nói thêm thí dụ cho dễ hiểu. Không riêng gì hội Pháp Hoa, trong tất cả các thời pháp, Đức Phật thường đưa ra thí dụ. Vì vậy, thí dụ cũng là một trong những phương tiện khéo léo mà Đức Phật sử dụng để tương ứng với hoàn cảnh, với trình độ của những người có nhân duyên theo Ngài, giúp cho họ hiểu được và vận dụng được ý Phật dạy trong cuộc sống.

---o0o---

II - Ý NGHĨA CỦA 9 THÍ DỤ TRONG KINH PHÁP HOA

Thí dụ là đưa ra việc tương tự để người ta nhận ra ý chính, vì nói pháp họ không hiểu. Điều này thường được kinh gọi là ngón tay chỉ mặt trăng, tức đi vào đạo bằng thí dụ mà nhận ra giáo nghĩa. Trong kinh Pháp Hoa, thí dụ cũng là một trong những vấn đề quan trọng được Đức Phật triển khai nhằm làm sáng tỏ những nghĩa lý sâu xa mà từ trước Ngài chưa nói đến; có tất cả chín thí dụ : 1- Dụ ba xe và Nhà lửa (Tam xa hỏa trạch), 2- Dụ cùng tử, 3- Dụ Dược thảo, 4- Dụ Hóa thành, 5- Dụ viên châu trong áo (Hệ châu), 6- Dụ viên châu trên đỉnh đầu (Kế châu), 7- Dụ thầy thuốc (Luơng y), 8- Dụ người mù từ thuở nhỏ, 9- Dụ người thợ làm đồ gốm.

Mỗi thí dụ có điểm đặc sắc riêng để nói lên một pháp cần thiết cho chúng ta trên bước đường tu. Trong mười đại đệ tử của Đức Phật, chỉ có Xá Lợi Phất vào đạo bằng con đường hiểu biết. Vì vậy, khi Đức Phật nói Phương tiện, Xá Lợi Phất nhận ra ngay yếu nghĩa này. Để khai mở tâm trí cho những người chưa hiểu được ý Phương tiện, Đức Phật liền nói thí dụ và thí dụ mở đầu kinh Pháp Hoa là ba xe và Nhà lửa.

---o0o---

THÍ DỤ 1 : BA XE VÀ NHÀ LỬA TRONG PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Đức Phật phải dùng thí dụ ba xe để chỉ cho đại chúng hiểu tam thừa giáo là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa. Ba xe chở người đi, giáo pháp cũng đưa người từ phàm phu lên hàng Hiền thánh, ra khỏi Nhà lửa tam giới.

Tam giới là ba cõi mà chúng sinh trầm luân sinh tử, gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dục giới chỉ cho thế giới còn lòng ham muốn. Ham muốn ít thì khổ ít; tham vọng nhiều chừng nào khổ nhiều chừng đó; không ham muốn thì không khổ. Nhưng ở Sắc giới, ta không có lòng ham muốn mà vẫn khổ. Nói cách khác, sống trong thế giới Dục, ta không ham muốn vẫn bị sự ham muốn của người khác tác hại. Thí dụ phải sống chung với những người tham lam, hung ác, mê muội, họ tranh giành quyền lợi với nhau, rồi đốt nhà, chắc chắn ta cũng phải bị khổ lây.

Đây là tư tưởng đặc sắc theo tinh thần Đại thừa. Từ trước chúng ta vẫn nghĩ rằng mình xuất gia không ham muốn, không tranh chấp, nên không khổ; người ham muốn thì phải khổ. Nhưng ý niệm đó cũng không đúng hoàn toàn; vì chỉ cần sự hiện hữu của ta bất lợi cho người là họ tiêu diệt ta. Điều này nhằm gọi cho chúng ta ý thức rằng cách sống tiêu cực của người tu sẽ làm cho Phật giáo bị suy yếu cho đến mất dạng. Phật giáo Đại thừa muốn nhấn mạnh ý thức độ tận chúng sinh là rất cần thiết, không thể giải thoát một mình. Trong kinh điển Đại thừa, Đức

Phật thường khẳng định rằng việc giải thoát cho riêng mình là điều không thực tế, không thể có được, ví như lông rùa sừng thỏ (con rùa không có lông, con thỏ không có sừng). Ta sống ở đây an lành còn người không an lành là việc của họ; không thể nghĩ như vậy được. Ngày nay, thực tế cuộc sống cho thấy rõ lý này. Nếu nhiều người không có ý thức bảo vệ môi trường sống trong lành, cứ phá rừng bừa bãi, cứ xả thải chất độc vào sông biển ao hồ, vào lòng đất, vào không khí, sẽ gây ra ngập lụt, hạn hán, ô nhiễm môi sinh cùng nhiều dịch bệnh có hại cho mạng sống và sức khỏe của con người và muôn loài. Như vậy, dù chúng ta vô can trong những việc sai phạm đó, cũng phải gánh tai họa như thường. Phải bảo vệ môi trường sống trong đó có ta, ta mới tồn tại được. Đó là tinh thần nổi bật của Đại thừa, đừng nghĩ ta không ham muốn, sống cách ly là được bình yên; vì Đức Phật nói rằng lòng ham muốn của con người mạnh đến độ đốt cháy cả Trời Hữu đánh, làm sao ta được yên với họ. Phải xây dựng mọi người và xây dựng xã hội cho tốt đẹp; đó là cách sống an lành nhất và cũng là pháp tu giúp chúng ta phát huy phước đức trí tuệ để tiến đến Phật quả, kinh Pháp Hoa muôn khẳng định điều này.

Sở dĩ những giai đoạn trước, Đức Phật bảo các đệ tử Thanh văn an trụ Niết bàn giải thoát, vì lúc đó, thân tâm của các vị này còn nhiều khó khăn và phiền não, không tự lo được cho họ an vui, làm thế nào lo cho người khác. Nay tâm trí những vị Thanh văn này đã thanh tịnh, sáng suốt và có phước đức, Đức Phật mới triển khai yếu nghĩa làm cho người an vui chính là làm cho mình an vui.

Và cõi bất an thứ ba trong Nhà lửa là Vô sắc giới cũng là thế giới của tâm. Tâm ta không ham, nhưng người cũng tranh chấp với ta, thì ta trụ tâm, sống với tâm, không ai làm phiền được mình. Tôi cũng có thời gian luyện tâm như vậy; trên thực tế muốn đi đến nơi nào mà không được, cách dễ nhất là ta đi bằng tâm, chẳng cần ai cho phép, không cần giấy thông hành, không cần ăn uống, không có điều kiện nào ràng buộc được mình. Nhưng Đức Phật dạy rằng sống với tâm như vậy cũng không an ổn lâu dài được.

Thật vậy, trải qua thời gian tu hành, tôi suy nghiệm lại, nhận thấy xã hội hoặc đoàn thể cũng thường tác động đến tâm lý mình. Nếu xã hội tốt, lòng chúng ta tự cảm thấy nhẹ, hoặc nếu ở chùa còn nhiều người xấu, ta cũng dễ nặng lòng. Đó là áp lực tâm lý không thấy bằng mắt (Vô sắc giới) nhưng rất quan trọng hơn cả thế giới vật chất chúng ta sống. Người có đời sống nội tâm dễ nhận ra điều này. Đơn giản một việc nhỏ như sống chung trong một chùa, nếu tất cả cùng tu một pháp, ta cảm thấy nhẹ nhàng; nhưng nếu tu nhiều pháp khác nhau, có suy nghĩ khác nhau, chúng ta đã thấy khác.

Thế giới cộng tồn là tất cả mọi người cùng sống chung trong xã hội, cùng có mối tương quan tương duyên mật thiết, không thể an toàn riêng một mình. Thế giới cách ly là thế giới của người xuất gia, nhưng chắc gì chúng ta yên ổn được, nếu xã hội không yên, đại chúng không yên. Và sống trong thế giới vật lý và siêu vật lý (Sắc giới và Vô sắc giới), dù chúng ta từ bỏ vật chất, nhưng vẫn bị áp lực tâm lý. Có thể nói từ những việc không hòa hợp trong chùa cho đến vô số tranh chấp ngoài xã hội và rộng ra đến những sinh hoạt sai biệt của muôn loài trong Pháp giới, chúng ta khó thoát khỏi áp lực tâm lý của ba thế giới Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Đó chính là cái lý mà Đức Phật dạy rằng "Tam giới vô an du như hỏa trạch"; ở trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới ví như ở trong Nhà lửa, không có chút nào an toàn. Bao giờ chúng ta độ tận chúng sinh mới thật sự thoát khỏi sự bất an. Nói cách khác, chúng ta tu hành được thanh tịnh, giải thoát, an lành và sử dụng thân tâm an lành đó để đóng góp cho an sinh xã hội cao hơn, thì chúng ta được an ổn hơn nữa. Thực tế đã chứng minh điều này, hiện nay Phật giáo chúng ta đóng góp tích cực cho nhiều hoạt động xã hội tương đối tốt, nhờ đó xã hội đánh giá Phật giáo tốt và tất nhiên sinh hoạt của chúng ta cũng được dễ dàng theo. Càng làm tốt cho cuộc đời, đời sống chúng ta càng an ổn, tinh thần chúng ta càng nâng cao và hoạt động của đạo pháp càng được phát triển hơn.

Giáo pháp nhằm giúp chúng ta thoát ly Nhà lửa tam giới được ví như ba xe, ngầm nói rằng chúng ta tùy theo hoàn cảnh của từng người mà đóng góp lợi ích khác nhau cho đạo pháp và xã hội, không phải ai cũng giống nhau. Vì vậy, Đức Phật phải dùng phương tiện nói pháp tam thừa cho phù hợp với căn tánh, hay yêu cầu của ba hạng người, thượng, trung và hạ. Người căn tánh thấp áp dụng theo người trình độ cao không được và ngược lại, người giỏi không thể sống theo cách của người trí kém.

Đối với những người bị chèn ép, đau khổ, nhàm chán cuộc sống mà bảo họ phát tâm Bồ đề để lo cho đời, chắc chắn họ không nghe. Vì thế, Đức Phật ứng với hoàn cảnh và tâm trạng của người chán đời mà Ngài dạy pháp tu từ bỏ tất cả, bỏ nhà cửa, bỏ gia đình, bỏ công việc để được giải thoát; kinh thường gọi là đoạn dục khử ái là việc cấp bách, giống như người bị mũi tên độc bắn trúng, phải gấp rút nhổ bỏ mũi tên và chữa lành vết thương.

Tuy nhiên, nếu không hiểu rõ cái lý của việc đoạn dục khử ái mà loại bỏ luôn cả tình cảm trong sáng và suy nghĩ đúng đắn để trở thành gỗ đá là sai hoàn toàn. Nếu thực chất của đạo Phật như vậy, chắc chắn Phật giáo không thể nào tồn tại hơn hai ngàn năm trăm năm trên khắp năm châu. Tinh thần Đại thừa triển khai yếu nghĩa của "Dục". Ái dục chỉ cho tâm ham muốn ủy mị, tội lỗi, gây ra đau khổ, thì phải đoạn diệt tận gốc. Còn tình thương trong sáng muốn cứu đời giúp người và

ham muốn có trí sáng suốt mà từ bỏ làm sao thành Thánh nhân được. Theo Đại thừa, "Tu hành vô dục, đạo quả nan thành" là nghĩa này. Những ham muốn tốt đẹp rất cần thiết cho việc tiến tu, như muốn phát huy hiểu biết theo Phật, muốn thực tập pháp giải thoát, muốn đạt được quả vị của Hiền thánh, cho đến muốn thành tựu Phật quả.

Xá Lợi Phất nghe Đức Phật dạy giáo pháp tam thừa là phương tiện, Ngài đã hiểu được yếu nghĩa và phát tâm Bồ đề, tu Bồ tát hạnh. Nhưng hàng trung căn không hiểu tại sao Đức Phật lại khẳng định rằng chỉ có nhất Phật thừa, trong khi tam thừa mà họ đã thể nghiệm trong suốt 40 năm theo Phật, nay lại bị Ngài phủ nhận. Để hàng trung căn không bị chấp vào tam thừa giáo, Đức Phật phải dùng thí dụ ba xe và Nhà lửa. Cuộc sống trong cõi Sắc giới, Dục giới và Vô sắc giới không an ổn giống như ở trong Nhà lửa. Lửa này là lửa nghiệp và phiền não. Tất cả mọi người sống trên cuộc đời phải chịu đau khổ chỉ vì nghiệp và phiền não chi phối họ. Nghiệp chỉ cho định kiến của chúng ta. Định kiến là ta nghĩ và muốn điều gì, nhưng thực tế không như ta muốn. Khi Đức Phật tại thế, một số người tham chấp đi tu, tất nhiên không đạt được những gì họ tham cầu, nên phải khổ. Lửa nghiệp và lửa phiền não đốt chúng ta; nếu hết nghiệp và phiền não sẽ hết khổ. Vì vậy, Đức Phật nói rằng chúng sinh thấy Ta bà này cháy rụi, nhưng Tịnh độ của Đức Phật Thích Ca ở tại nơi đây vẫn hằng tốt đẹp và an ổn. Thực tế cho thấy những người mang nghiệp nói rằng xã hội này bất an, nhưng chúng ta tu hành có thấy gì bất an đâu. Nếu nghiệp khởi lên, liền đòi hỏi, tranh đấu, dẫn đến bị bắt, bị tù tội, phải khổ thôi. Trái lại, biết sống với phước đức và hoàn cảnh thực tế của chúng ta, tất nhiên được an ổn.

Ở trong Nhà lửa tam giới này, có đủ thứ rắn rít, hùm beo, chó sói, v.v... tiêu biểu cho những kẻ hung ác trong xã hội. Nếu để lòng tham thúc đẩy bị mờ mắt, mà kết thân với họ là khổ liền. Đức Phật dạy chúng ta phải có trí tuệ, nghĩa là tỉnh táo và sáng suốt, nhìn ánh mắt, giọng nói, tướng đi của họ mà biết được họ đang đội lốt gì, tâm họ xấu ác thế nào, thì không bao giờ họ lừa gạt ta được. Ông trưởng giả tiêu biểu cho Đức Phật nhìn thấy Nhà lửa như thế, mà những người con của Ngài là Bồ tát, Duyên giác và Thanh văn đang đi lạc vào trong đó. Đức Phật đã ra khỏi Nhà lửa một cách đơn giản, nhưng vì muốn cứu những người con đó nên Ngài phải dẫn thân vào Nhà lửa, nghĩa là Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời này suốt 49 năm và dùng vô số phương tiện để cứu độ họ. Tuy nhiên, chỉ có ba hạng người là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát nương được phương tiện là giáo pháp tam thừa của Đức Phật đưa cho và thoát được Nhà lửa mà thôi.

Nhà lửa dụ cho hoàn cảnh xã hội đầy phức tạp, nhiều phiền muộn khổ đau mà mọi người đang ở trong đó và Đức Phật đưa ra ba phương cách giải quyết vấn đề

được ví dụ bằng ba xe. Mỗi người tùy hoàn cảnh của mình mà ứng dụng cách thích hợp mới giải thoát. Cách thứ nhất là tránh né, tức Thanh văn thừa. Việc tu hành của chúng ta là tránh đụng chạm với tất cả mọi người, đó là cách giải quyết của người còn yếu kém; vì không có khả năng mà chống lại thì tự chuốc họa vào thân. Vì vậy, hàng Thanh văn chỉ lo xây dựng đạo đức cho bản thân mình; làm việc khác là tự sát. Theo Phật, nhận chân được xã hội như thế, hoàn cảnh như thế, ta phải làm gì để sống yên ổn. Nhờ vậy, hàng Thanh văn đệ tử thật thì không bị lửa phiền não, lửa nghiệp đốt chết; vì họ đã trì giới thanh tịnh, triệt tiêu được tham sân si, nên huệ sinh ra, mới không mắc phải cạm bẫy của thế gian. Còn kẹt tham sân si, nhất định bị đọa. Thành tựu 37 phẩm trợ đạo, thân tâm thanh tịnh, hàng Thanh văn ra khỏi Nhà lửa tam giới, đến giải thoát Niết bàn.

Tuy nhiên, cách này không thể thích hợp cho tất cả mọi người. Đức Phật dạy thêm cách giải quyết thứ hai là Duyên giác thừa. Cuộc đời vốn phức tạp, muôn mặt, đòi hỏi chúng ta phải có trình độ nhận thức sâu sắc, vì thấy sai lầm là phải trả giá đắt. Đối với hàng Duyên giác thông minh, Đức Phật dạy quán sát lý duyên sinh, thấy cuộc đời này là ảo mộng phù du, không tham đắm, nên không bị mê hoặc, nên cũng ra khỏi Nhà lửa. Thực tế là những nhà tu trí thức, hay những nhà nghiên cứu lớn nhận thấy Phật giáo là môn triết lý sống rất hay, nên thường tìm hiểu, phân tích giáo lý để rút ra điều thích hợp, ứng dụng trong cuộc sống cũng được an lạc.

Và cách thứ ba là Bồ tát thừa, nghĩa là những người có trí tuệ, có năng lực và đạo đức thì có thể dẫn thân làm việc lớn, cứu giúp được nhiều người. Đức Phật dạy họ áp dụng sáu pháp ba la mật để trở thành người lãnh đạo, nhận biết người đáng độ, việc đáng làm, mới thành tựu công đức và được an vui giải thoát; không phải người nào cũng độ được, không phải việc nào cũng làm được. Đức Phật cũng chỉ độ được người có duyên với Ngài. Người tâm trí mê muội cứ nghĩ độ tận được chúng sinh, nhưng chưa độ được mà đã bị họ đốt chết.

Vì vậy, tam thừa giáo đều là pháp phương tiện của Đức Phật đưa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát vào đạo và dẫn họ ra khỏi sinh tử. Đối với Thanh văn, thành tựu pháp Tứ đế sẽ ra đến bãi đất trống là Bát nhã. Hàng Duyên giác thể nghiệm trọn vẹn pháp thập nhị nhân duyên, không còn phiền não, cũng ra được bãi đất trống. Hàng Bồ tát làm việc cứu người cũng đến được bãi đất trống Bát nhã. Riêng tôi cũng áp dụng yếu nghĩa của tam thừa giáo cho việc tu học của chính mình và cho những người hữu duyên đến với tôi. Thuở nhỏ, thực hiện Thanh văn và Duyên giác thừa, tôi dốc hết tâm trí vào việc học hiểu giáo nghĩa của Đức Phật dạy và ứng dụng các pháp tu của nhị thừa. Sau đó hoàn tất việc học tập cũng như thể nghiệm được giáo pháp căn bản trên bước đường tu, tôi mới dẫn thân hành Bồ tát đạo qua

việc hoằng pháp lợi sinh. Đồng thời, đối với người ham học tôi giúp học bổng, với người muốn thực hành giáo pháp thì tôi chỉ dạy và với người thích làm từ thiện thì tôi hỗ trợ. Nhờ vậy, thành tựu được một số việc; nếu chỉ có một pháp, chúng ta sẽ khó phát triển sinh hoạt và cũng không có quyền thuộc, hay tệ hơn nữa, nếu chấp chặt pháp nào, cho đó là nhất, rồi chống đối pháp tu khác là điều sai lầm lớn.

Phẩm Thí dụ mở ra cho chúng ta hiểu rằng tam thừa giáo là phương tiện đưa đến giải thoát và nếu triển khai tam thừa giáo sẽ có tám muôn bốn ngàn pháp môn tu. Ba pháp tu theo Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát để dẫn đến bãi đất trống, nghĩa là tâm chúng ta được thanh thản an vui. Ở trong Nhà lửa, tất cả mọi người đều bị đốt cháy, nhưng người tu theo Phật, dù tu pháp Thanh văn, hay Duyên giác, Bồ tát đều được giải thoát mà kinh ví như nước biển chỉ có một vị mặn. Chúng ta tu pháp Thanh văn, người tu Bồ tát pháp, chúng ta cũng chấp nhận. Tu pháp nào cũng được, trốn đời cũng được, trầm mình suy tư giáo nghĩa và tránh né thế sự cũng được, hay cứu đời cũng được; miễn là tâm an vui, giải thoát, tức ra khỏi Nhà lửa tam giới. Và cần hiểu rằng ra khỏi Nhà lửa tam giới không phải là chạy đi nơi nào khác để được giải thoát, nhưng giải thoát ngay tại Ta bà này, nghĩa là không bị lửa tham sân si đốt cháy. Còn nghĩ từ bỏ thế giới này chạy đến chỗ khác được giải thoát cũng giống như đi tìm lông rùa sừng thỏ. Ở hoàn cảnh nào cũng giải thoát; sống đơn giản như Sa môn, nhưng an vui là vẫn ở Niết bàn, còn giàu có đầy đủ quyền lực nhưng khổ sở là vẫn bị lửa tham sân si đốt chết. Nghèo thì giải thoát theo cách nghèo, giàu thì giải thoát theo cách giàu.

Và khi đã ra khỏi Nhà lửa, đến bãi đất trống, Đức Phật cho đại bạch ngưu xa là điều không mong cầu mà được. Tôi tâm đắc ý này, vì khởi đầu tu theo Thanh văn thừa, nghĩ xuất gia vào chùa tìm giải thoát cho riêng mình thôi, nhưng sau đó phát huy được trí tuệ và thành tựu một số việc làm lợi lạc cho người. Điều này không bao giờ tôi dám nghĩ tưởng đến.

Khi Đức Phật nói thí dụ ba xe và Nhà lửa cho hàng trung căn, bốn vị trưởng lão là Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề và Ca Chiên Diên liền tỏ ngộ yếu chỉ mà Đức Phật muốn dạy rằng tuy đệ tử Phật tu các pháp khác nhau, nhưng đều đạt kết quả giống nhau là được giải thoát thì Đức Phật mới ban cho đại bạch ngưu xa, tức điều kiện tốt nhất để hành Bồ tát đạo. Ý này được một vị Tổ diễn tả như sau :

Vãng hoàn tam giới trường ngự bạch ngưu chi xa

Xuất nhập cửu cư chung cú thanh liên chi tòa

Thanh lương hỏa trạch, thê tức hóa thành...

Nghĩa là ngồi trên đại bạch ngư xa, hay vận dụng được cốt lõi của Pháp Hoa, hành giả ra vào tam giới hoàn toàn tự tại. Hoặc ngồi trên đài sen để lên xuống chín tầng Trời, hay nói cách khác, sống trong Thiên đình thì lên xuống chín tầng Trời tự tại, không chút trở ngại và được mát mẻ trong Nhà lửa, được nghỉ ngơi trong Hóa thành. Người tu Pháp Hoa nhận được ý này và thực hiện trong cuộc sống mới nhận thấy rõ tam thừa giáo là phương tiện của Đức Phật đưa cho và theo đó tu hành, chúng được nhất Phật thừa.

---o0o---

THÍ DỤ 2 : CÙNG TỬ TRONG PHẨM TÍN GIẢI THỨ TƯ

Bốn vị đại đệ tử là Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề và Ca Chiên Diên nhận được yếu nghĩa Đức Phật dạy về dụ ba xe và Nhà lửa, các Ngài liền hội ý với nhau để nói lên tâm trạng của các Ngài qua thí dụ cùng tử như sau. Có một người tử thuở nhỏ đã bỏ cha trốn đi, đến nơi khác làm lưng cực khổ, lang thang nghèo đói, nên trở về nhà. Nhưng khi trông thấy cha mình quá giàu sang và có thể lực, anh cùng tử này hoảng sợ, bỏ chạy. Người cha là ông trưởng giả liền sai hai người đuổi bắt dẫn anh ta về. Anh bị bắt thì càng hoảng sợ hơn, đến ngất xỉu. Ông trưởng giả mới bảo lấy nước tạt vào mặt cho anh tỉnh lại rồi thả cho đi. Anh cùng tử mừng rỡ đi sang xóm nghèo làm thuê mướn. Ông trưởng giả bí mật sai hai người, một người chột mắt, một người què chân đến dụ anh về làm công cho ông, sẽ được trả lương gấp đôi. Anh cùng tử thấy làm được nhiều tiền nên bằng lòng trở về làm công việc hốt dọn phân nhơ và ngủ ở ngoài am tranh. Sau một thời gian làm việc, ông trưởng giả nói với anh cùng tử rằng anh là người làm công không hèn hạ như những người làm công khác, cho nên ông giao cho anh quản lý gia tài, được vào trong nhà ở đàng hoàng và được tiếp xúc với những người giàu có, quyền uy. Trải qua một thời gian anh quản lý gia tài của ông trưởng giả một cách siêng năng và giỏi dang, thì một hôm, ông trưởng giả cho họp thân tộc và tuyên bố rằng anh cùng tử làm công này chính là con của ông và ông giao tất cả gia tài cho anh hưởng.

Các Thánh đệ tử nói thí dụ cùng tử bỏ cha trốn đi phải lang thang khổ sở để kiếm sống. Tôi cảm nhận sâu sắc ý nghĩa của thí dụ này qua thực tế cuộc sống của một số bạn đồng tu. Họ được sống an ổn trong chùa với thầy hiền bạn tốt, nhưng bất giác vô minh nổi lên, tham vọng bùng nổ, liền trả áo cho Phật, hoàn tục. Tưởng rằng cuộc đời bên ngoài đẹp lắm, không dè chào đón họ là cuộc sống thấp kém nhất. Rõ ràng bỏ cha trốn đi để làm thuê ở mướn cho người thì càng lún sâu vào cuộc sống như vậy, thân họ càng suy kiệt cho đến bệnh nặng, không còn tiền cứu chữa, thì người dụ dỗ cũng bỏ rơi họ giữa chợ đời, tất nhiên họ phải đau khổ cùng cực.

Khi cùng tử lang thang trở về gặp ông trưởng giả giàu sang và quyền uy thì hoảng sợ phải bỏ chạy. Ý này nhằm nói đến hội Hoa Nghiêm mà Đức Phật nói pháp vô thượng cho các vị đại Bồ tát ở trong đại định, vượt ngoài sự nhận thức của con người tứ đại ngũ uẩn. Vì vậy, các vị đệ tử Thanh văn xa lánh cuộc đời, làm thế nào hiểu được pháp cứu đời dành cho các vị đại Bồ tát như Văn Thù Sư Lợi, hay Phổ Hiền uy đức vô song, thường giáo hóa chúng sinh trong khắp mười phương với vô số thiên long bát bộ thị tùng. Hàng Thanh văn hoàn toàn tuyệt phần trong pháp hội Hoa Nghiêm mà kinh điển tả rất nặng là ví như người mù, người điếc không thấy không nghe được pháp của Bồ tát.

Ông trưởng giả sai hai người có uy đức đuổi bắt cùng tử và lấy nước tạt vào mặt cho tỉnh lại rồi thả cho đi đâu tùy ý. Ông trưởng giả chỉ cho Đức Phật, hai người có uy đức hầu cận Phật là Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền và cùng tử chỉ cho Thanh văn một thân một mình, phước đức và đạo lực còn quá kém, không thể nào làm việc lớn lao như Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền. Vì thế, ông trưởng giả thả cho cùng tử đi và anh ta đã đi đến xóm nghèo làm thuê mướn. Ý này nhằm nhắc nhở người tu thay vì làm công việc cao quý của trưởng tử Như Lai, lại đi làm thầy bói, thầy bùa, sống cuộc đời quá thấp kém.

Ông trưởng giả bảo một người chột mắt và một người què chân sang xóm nghèo dụ dẫn cùng tử về. Người có mắt ví cho hàng Duyên giác có hiểu biết và người có chân ví cho hàng Thanh văn có đức hạnh. Ông trưởng giả dụ cho cùng tử trở về bằng cách hứa trả lương gấp đôi. Nghĩa là Đức Phật phải dùng pháp nhị thừa mới độ được hàng Thanh văn và Duyên giác. Và hàng nhị thừa Thanh văn Duyên giác phải làm công việc dọn dẹp phân nhơ, tức thanh tịnh hóa thân tâm theo 37 trợ đạo phẩm, chưa thể làm việc cao quý như Bồ tát là dẫn thân vào đời cứu độ chúng sinh được. Tuy nhiên, nhờ chủng tánh Bồ đề, hay Phật huệ bên trong đã có sẵn và nương theo pháp tứ Thánh đế, nương theo thầy hiền bạn tốt, họ cũng tiến tu rất nhanh. Những sở tu sở chứng của hàng Thanh văn khi tu theo Phật thì lớn lao và tốt đẹp hơn nhiều so với cuộc sống khổ đau của họ trước kia còn theo ngoại đạo mà kinh điển tả là cùng tử được trả lương gấp đôi.

Thanh văn và Duyên giác kết hợp tu hành với nhau, hay kết hợp hai phương tiện tri thức và đạo đức của nhị thừa có công năng tẩy rửa trần cấu, làm cho thân tâm được thanh tịnh, giải thoát, trí tuệ được khai mở, thì hàng Thanh văn và Duyên giác cũng trở thành mẫu người phạm hạnh tiêu biểu cho đệ tử Phật.

Và qua thời kỳ thứ hai, Thanh văn Duyên giác đã phát huy được phước đức trí tuệ, có thể vào đời hành Bồ tát đạo, thay Đức Phật thuyết pháp giáo hóa độ sinh.

Kinh ví như ông trưởng giả thấy các con mình đã tiến bộ mới giao công việc quản lý gia tài.

Riêng đối với chúng ta, từ thí dụ cùng tử, rút ra được bài học gì cho việc tiến tu của mình. Thiết nghĩ bốn vị đại đệ tử nói trên là bậc Thánh Tăng mà còn tự nhận là cùng tử; đương nhiên, chúng ta cũng bắt đầu tu với tư cách một cùng tử, ngày ngày phải quét dọn phân nhơ, tối ở am tranh là chính. Vì vậy, hãy tự xét thân và tâm mình còn gì nhơ bẩn để mỗi ngày lo dọn dẹp cho sạch. Tại sao biết thân chúng ta còn ô uế. Thân ô uế tiêu biểu cho nghiệp thân, cho nên người nhìn thấy không quý mến, mà lại sinh phiền não. Thật vậy, Trời người cung kính cúng dường Đức Phật hay các vị Thánh Tăng, mặc dù các Ngài không còn hiện hữu trên thế gian; vì thân tâm các vị Thánh đã giải thoát, thân tâm Phật thì hoàn toàn thanh tịnh, trọn lành, thường được diễn tả là đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, sáng suốt tuyệt vời và sức khỏe vô cùng. Chúng ta không được như vậy, tự biết không có phước để trang nghiêm thân tâm và còn tội lỗi, nên không hiện hảo tướng. Người thấy không phát tâm, vì thấy nghiệp thân của chúng ta. Thấy Như lai hay Thánh Tăng, họ phát tâm, vì thấy đức tướng của các Ngài.

Riêng tôi, từ thuở niên thiếu, luôn an phận với nếp sống nghèo khó, nhưng cái nghèo vật chất đã giúp tôi trưởng thành, vì có nhiều thì giờ để tiến tu, lo thanh tịnh hóa thân tâm, sau này mới có hành trang tốt đẹp để phục vụ đạo pháp. Thật vậy, ở am tranh nghĩa là chúng ta sống tam thường bất tức. Nói đơn giản, chúng ta làm được nhiều công đức, nhưng hạn chế tối đa việc tiêu dùng cho bản thân. Phục vụ Tam bảo nhiều thì công đức sinh ra, hưởng thụ của Tam bảo nhiều thì việc tu hành sẽ kém dần. Người chỉ lo phát triển đời sống vật chất, chắc chắn đời sống tinh thần càng đi xuống. Có nhiều của cải vật chất, tất nhiên phải để tâm lo lắng và khibị lệ thuộc như vậy, tâm chúng ta bị phân hóa, không tập trung được. Thí dụ xã giao quen biết nhiều người, phải nghĩ đến họ, nghĩ đến làm vừa lòng họ để họ làm lợi cho mình và được lợi rồi, lại phải để tâm đến họ hơn nữa. Cứ như vậy luẩn quẩn trong vòng danh lợi, tuy còn chiếc áo tu, nhưng việc làm không thanh tịnh, mà kinh Pháp Hoa ví là người làm công hèn hạ.

Nhờ an phận thủ thường với nếp sống đạm bạc, tâm chúng ta được rảnh rang để tiếp nhận pháp Phật. Quý vị hãy nghiệm xem cuộc sống thừa thải vật chất của người thế gian thì họ có được an lạc hơn cuộc sống tam thường bất tức của chúng ta hay không. Rõ ràng là không thể sánh bằng. Ở am tranh, sống đơn giản, thanh tịnh, nhưng Đức Phật thọ ký cho cùng tử thành Phật; còn những người khác, Đức Phật không thọ ký. Tụng kinh Pháp Hoa, cần hiểu nghĩa sâu này để áp dụng trên bước đường tu. Đức Phật dạy rằng sở dĩ Ngài giao gia tài cho cùng tử vì ông không giống những người làm công hèn hạ khác. Không giống họ, nhưng giống Phật, nên

là con Phật. Giống ma thì làm sao được Đức Phật thọ ký. Suy nghĩ và làm giống Phật là việc quan trọng của người tu.

Trong kinh nói rõ cùng tử không giống người làm công hèn hạ khác, vì ông được một phần pháp, tuy chưa là Phật, nhưng đã có thể thay Phật làm việc của Phật. Đức Phật mới giao cho ông quản lý công việc. Người tránh nặng tìm nhẹ, thích hưởng thụ, lấy công làm riêng, Đức Phật xếp vô người làm công hèn hạ, Ngài không nhận họ là đệ tử và không giao việc. Trong khi cùng tử gánh vác công việc nặng, quyền lợi để dành cho đại chúng; cho nên được Đức Phật công nhận và giao việc, tức thọ ký và bổ xứ thì việc Phật sự khó cũng thành tựu.

Tự thấy chúng ta thuộc hàng trần lao nghiệp chướng đi tu, cần nương pháp Phật để thanh tịnh hóa được thân tâm, thì cũng đồng với A la hán. Còn các Ngài đã thanh tịnh, có phiền não đâu mà phải dọn dẹp; ngoại trừ Bàn Đạc thị hiện làm người lo quét bụi rác mỗi ngày, nhằm nhắc nhở những ai còn bị vướng mắc với nó. Nếu xét thấy mình ở hạng trung, chỉ cần gia công thanh tịnh hóa thân tâm một thời gian ngắn đã có thể tiến tu đạo hạnh dễ dàng. Còn hạng hạ căn, phải nỗ lực tu hành nhiều hơn, công quả nhiều hơn. Nếu tinh tấn thể nghiệm pháp Phật dạy cho đến khi được Đức Phật thọ ký và được Đức Phật bổ xứ làm thay cho Ngài, chúng ta làm Phật sự dễ dàng. Theo tôi, đừng khởi vọng tưởng điên đảo. Tự biết mình còn nhiều phiền não, nên Đức Phật chưa bổ xứ, mà chúng ta ham làm, dễ thất bại, dễ buồn phiền.

Trải qua thời gian dài quản lý gia tài của trưởng giả, tâm trí của cùng tử sáng suốt và khi ông trưởng giả sắp chết, ông liền hội họp thân tộc và tuyên bố rằng cùng tử là con của ông và ông sẽ giao gia tài cho người con này. Cùng tử rất kinh ngạc và sung sướng vô cùng. Bốn vị Thánh đệ tử bực bạch với Đức Phật rằng tâm trạng của các Ngài cũng giống như người cùng tử được giao gia tài, lâu nay các Ngài chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ đạt được quả vị Phật, mà nay được Đức Phật thọ ký thành Phật, quả là được niềm vui chưa từng có. Nói cách khác, đó là tâm trạng hỷ lạc của người tu yếm ly, xa lánh cuộc đời, chuyển sang phát tâm Bồ đề theo Đại thừa hướng đến quả vị Phật với điều kiện phát huy trí thức và đạo đức đến viên mãn theo lộ trình Bồ tát đạo.

Sau khi bốn vị đại đệ tử trình bày thí dụ cùng tử, Đức Phật xác nhận rằng suy nghĩ của các vị này rất đúng, rằng các vị Thanh văn đã thể hiện đời sống phạm hạnh, không còn lỗi lầm, xứng đáng thay Phật làm Phật sự.

THÍ DỤ 3 : BA CỎ HAI CÂY TRONG PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Tiếp theo thí dụ cùng tử của bốn vị đại đệ tử, Đức Phật liền đưa ra thí dụ ba cỏ hai cây trong phẩm Dược Thảo dụ. Có nhiều cách lý giải khác nhau về thí dụ này. Tôi chỉ đưa ra hai cách giải thích tiêu biểu được nhiều người chấp nhận.

Cách kiến giải thứ nhất cho rằng dụ ba cỏ hai cây để chỉ Trời, người, Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Đó là năm đối tượng được Đức Phật giáo hóa. Giải thích như vậy cũng hợp lý.

Nhưng cách kiến giải thứ hai, theo Thiên Thai Trí Giả ba cỏ chỉ cho tam thừa giáo mà Đức Phật đã nói trong phẩm Thí dụ là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát nhân gian. Sở dĩ ví Thanh văn, Duyên Giác và Bồ tát với ba cỏ vì ba hạng người này tu hành còn ở trong sinh tử. Và hai cây chỉ cho các vị Bồ tát gồm có Bồ tát mười phương ví như cây nhỏ và Bồ tát Tùng địa dũng xuất ví cho cây lớn. Cỏ cũng có ba bậc, thượng, trung, hạ ví cho Bồ tát, Duyên giác và Thanh văn thể nghiệm tam thừa giáo của Đức Phật. Và một lần nữa Đức Phật đã khẳng định rằng tam thừa giáo chỉ là phương tiện của Ngài nhằm dẫn đến chân lý và chân lý chỉ có một. Nói cách khác, đã tu theo pháp Phật, dứt khoát phải thành Phật.

Thật vậy, trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy rằng sự thật duy nhất có một Phật thừa, tức những pháp tu theo Phật đều dẫn đến cứu cánh là quả vị Phật, không thể khác; nhưng Đức Phật dùng phương tiện nói ba thừa để thích hợp với trình độ và nghiệp lực của ba hạng người khác nhau. Đối với người trần lao nghiệp chướng nhiều, sợ sinh già bệnh chết và muốn ra khỏi sinh tử, đến Niết bàn, Phật nói Đạo đế, dạy họ thực hiện 37 trợ đạo phẩm. Đó chính là pháp tu của Thanh văn giúp họ xa rời tâm đắm mê, chấp trước việc thế gian để bước vào cửa giải thoát : Không, vô tác, vô nguyện. Từ góc độ "Không", nhìn cuộc đời không có gì thật sự hiện hữu lâu bền, cho nên tâm không nương vào đâu mà sinh tham đắm được. Và cắt đứt được vọng tâm tham đắm, liền chứng Niết bàn, ra khỏi sinh tử; đó là hàng Thanh văn ví cho loại cỏ bậc hạ. Trong kinh diễn tả tâm tu chứng này là đến được bãi đất trống nhờ nương vào Không quán.

Đối với hàng Duyên giác, Đức Phật dạy pháp tu giả quán, nghĩa là quán các pháp do nhân duyên sinh diệt, nhưng tâm hành giả an trụ ở bất diệt để quán sát sinh diệt, nhận chân rõ sinh diệt là giả, bất sinh diệt là thật. Quán chiếu mọi việc do nhân duyên sinh diệt như vậy, tâm lắng yên, thanh tịnh là đã ra khỏi Nhà lửa tam giới, đến bãi đất trống thì hàng Duyên giác cũng chứng được Niết bàn, ví cho cỏ bậc trung.

Thứ ba là Bồ tát ví cho cỏ bậc thượng cao hơn hàng Thanh văn, Duyên giác còn ở trong vòng nhị nguyên. Đối với Bồ tát nhân gian vào đời độ sinh, Đức Phật dạy lục độ ba la mật, vì đó là những người đã có điều kiện cứu đời, giúp người, nên mau đến quả vị Phật hơn. Bồ tát quán Trung đạo đệ nhất nghĩa hay Trung quán, thấy rõ sự thật nên nhìn đời thấy khác, thấy cuộc đời không xấu, không tốt; nhưng tốt xấu tùy ở tâm, tùy ở nghiệp. Bồ tát phát huy tình thương và trí tuệ bằng cách thực hiện pháp lục độ ba la mật để cứu độ chúng sinh, cũng đến được bãi đất trống, được an lạc giải thoát.

Ba cỏ thượng trung hạ chỉ cho hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thực hiện tam thừa giáo đều nằm trong phương tiện khéo léo của Đức Phật. Vì thế, Bồ tát của tam thừa giáo gọi là quyền thừa Bồ tát ở trong tam giới phát tâm Bồ đề, hành Bồ tát đạo, trên cầu Vô thượng đạo, dưới hóa độ chúng sinh.

Và hai cây chỉ cho các vị Bồ tát ở ngoài sinh tử là Bồ tát mười phương ví như cây nhỏ và Bồ tát Tùng địa dũng xuất ví như cây lớn. Các vị Bồ tát này đến dự hội Pháp Hoa là Bồ tát siêu hình không phải là Bồ tát nhân gian, nên không thể thấy các Ngài bằng mắt, như Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Đại Thế Chí, v.v... Chư vị Bồ tát từ mười phương đến đông như vi trần, được biểu thị bằng con số nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha. Tuy Bồ tát mười phương rất đông, nhưng không chướng ngại nhau, vì các Ngài không hiện hữu bằng thân tứ đại của con người, mà hiện hữu ở dạng tâm thức. Vì thế, Bồ tát mười phương được coi là cây nhỏ vượt cao hơn cỏ.

Và Bồ tát lớn là Bồ tát Tùng địa dũng xuất với trí tuệ và thần lực cao tột đến mức Di Lạc Bồ tát là người được Đức Phật thọ ký trong tương lai sẽ thành Phật và thay thế Đức Phật Thích Ca ở Ta bà để hóa độ chúng sinh, nhưng cũng không thấy biết Bồ tát Tùng địa dũng xuất ở đâu và các vị Bồ tát này đến hội Pháp Hoa có đến lục vạn hàng hà sa.

Thiết nghĩ trên bước đường tu, nếu xuất hiện với tư cách con người làm những việc mọi người thấy biết được thì việc đó còn giới hạn. Làm việc mà người không biết được mới là việc lớn. Có ba hạng Bồ tát, Bồ tát nhân gian còn trong sinh diệt; Bồ tát lớn xuất thế, vượt ngoài thế gian và Bồ tát Tùng địa dũng xuất không ai thấy biết được dù các Ngài đang hành đạo. Bước theo dấu chân Phật, làm thế nào tiếp nhận được lực Bồ tát gia bị, thì từ "không" sẽ trở thành "có" mà kinh thường diễn tả là chân không diệu hữu; vì nhận được phước báo của các Ngài truyền đến, chúng ta dễ dàng thành tựu công đức vượt ngoài khả năng của con người.

Sau khi nói thí dụ ba cỏ hai cây, Đức Phật cũng nói thêm rằng Ngài hiện hữu trên thế gian này như vàng mây lớn xuất hiện trong không trung và từ đám mây đó mưa tuôn xuống tưới mát muôn loài. Điều này nhằm nói rằng mọi người trên cuộc đời này đang bị sức nóng của nghiệp thiêu đốt, đang bị lửa tham sân si hừng hực đốt cháy. Vì thế, mọi người đều mong mỏi có bậc Thánh nhân ra đời để giải tỏa sự bức ngặt này cho nhân loại. Và Đức Phật đã xuất hiện trên cuộc đời như một vàng mây lớn tuôn mưa xuống làm dịu mát lòng người, khiến họ trút bỏ mọi ưu phiền khổ đau. Nói cách khác, mục tiêu của Đức Phật là giúp cho chúng sinh thoát khỏi sinh tử luân hồi, được giải thoát và thành Phật. Ngài không vì một người nào, nhưng vì lợi ích của số đông, lợi ích cho chư Thiên và loài người. Và nhiều người có nhiều nghiệp lực cùng căn tánh khác nhau, nên tiếp thu giáo lý và phát triển khác nhau. Cũng như cây cỏ hấp thu nước mưa tùy theo sức thẩm thấu của chúng, mọi người đều tiếp nhận giáo pháp đồng một vị giải thoát, nhưng tùy căn tánh khác nhau mà phát triển cuộc sống vật chất và tâm linh khác nhau được tốt đẹp. Đó chính là giáo pháp tam thừa dung thông trong nhất thừa theo tinh thần Pháp Hoa để phá bỏ tư tưởng cực đoan rằng chỉ có một pháp tu cố định nào đó là nhất. Nhận thức được ý này, chúng ta trân trọng tất cả mọi hình thái tu hành khác nhau, làm từ thiện, hay ăn tu, hoặc siêng năng tụng kinh, tham Thiền, v.v... đều tốt. Việc làm khác nhau, tùy theo căn tánh, nhưng giải thoát thì giống nhau, vì cùng một gốc từ giáo pháp Phật mà ra.

---o0o---

THÍ DỤ 4 : NGƯỜI LÀM ĐỒ GÓM TRONG PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ 5

Theo bản kinh Pháp Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập biên soạn và Hòa thượng Trí Tịnh phiên dịch, phẩm Dược Thảo dụ thứ năm chỉ có thí dụ ba cỏ hai cây, không có hai thí dụ, người làm đồ gốm và người mù từ thuở nhỏ. Hai thí dụ này có ghi trong bản kinh Pháp Hoa Népal. Có sự khác biệt này vì có thể ngày xưa, kinh được chép từng tờ trên lá bời, nên kinh bị rách mất một số trang hoặc một số phẩm là việc bình thường. Theo tôi, phải có thí dụ người mù từ nhỏ được vị đạo sư cho bốn thứ cỏ thuốc chữa sáng mắt thì tên của phẩm kinh này là Dược thảo dụ mới hợp lý.

Ngoài biểu tượng là ông trưởng giả, hay một vàng mây lớn tuôn mưa xuống, đến đây Đức Phật còn được ví như người làm đồ gốm. Tùy theo yêu cầu của người tiêu dùng, người thợ làm những đồ dùng cần thiết cho họ, từ vật dụng thiết yếu cho cuộc sống như bình đun nước, nồi nấu cơm, chén đĩa, v.v... cho đến những đồ chứa phân nhơ. Đức Phật giáo hóa chúng sinh cũng vậy, lịch sử đã ghi rõ trên bước

đường hoằng hóa, Ngài cứu độ mọi người hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt nghèo giàu, giỏi dở, quý tộc hay thường dân. Những người thuộc mọi thành phần xã hội đến với Đức Phật, Ngài đều có pháp tương ưng giúp cho họ thoát khổ đau, được an vui, giải thoát. Ngài được tôn danh là đấng cha lành của bốn loài là vậy và ở đây ví Ngài với người làm đồ gốm đáp ứng được mọi yêu cầu hàng ngày của chúng sinh.

Thấu hiểu yếu nghĩa này, chúng ta có cái nhìn theo Phật, từ người không có tôn giáo, cho đến người khác tôn giáo và tất nhiên là những người cùng một lý tưởng theo Phật, chúng ta đều nhận thấy điểm tốt của họ. Nhìn thấy cái tốt của mọi người, lòng chúng ta dễ hoan hỷ; nghĩ họ xấu tự mình khổ tâm trước.

---o0o---

THÍ DỤ 5 : NGƯỜI MÙ TỪ THUỞ NHỎ TRONG PHẨM ĐƯỢC THẢO DỤ THỨ 5.

Có một người bị mù mắt từ nhỏ, không biết ánh sáng và màu sắc là gì thì nói chuyện đó với họ vô ích. Người mù này ám chỉ cho người mù về chân lý mà trong các kinh điển, Đức Phật thường dùng hình ảnh người bị mũi tên độc bắn trúng thì việc trước mắt là phải lo rút mũi tên ra, chứ không phải phân tích tìm hiểu chất độc, ai bắn mũi tên và nguyên nhân bắn mũi tên, v.v...

Vì vậy, có một vị tiên nhân không lý luận vô ích để giải thích màu sắc cho người mù hiểu, ông vội lên núi tìm bốn thứ cỏ thuốc để chữa cho người mù được sáng mắt. Điều này gợi cho chúng ta hiểu rằng không thể nói lý thuyết suông, phải áp dụng giáo pháp vào cuộc sống có kết quả tốt mới dạy người được.

Mọi người bị nghiệp chướng ràng buộc, lửa tham dục thiêu đốt, nên mù mắt tuệ, không thấy chân lý. Đức Phật chỉ dạy phương thức giải quyết khổ đau này. Bốn thứ cỏ thuốc ví cho pháp Phật dạy là tứ Thánh đế, trong đó có 37 trợ đạo phẩm để chữa bệnh mù của chúng sinh. Thanh văn, Duyên giác nương theo giáo pháp này tu hành, phiền não lắng xuống, nghiệp tiêu trừ, được giải thoát, chân lý tự sáng tỏ.

Và Thanh văn Duyên giác thấy được sự thật của cuộc đời ví như người mù vừa được sáng mắt, vừa mới thoát khỏi sinh tử luân hồi, ra khỏi ngục tù tam giới, nên nghĩ như vậy là hoàn tất việc tu hành rồi. Vị đạo sư mới nói rằng tuy sáng mắt, nhưng mới thấy những gì trước mắt, còn những gì ở xa, hay cách tường, hoặc bên kia đường chân trời thì không thấy nổi. Muốn thấy biết những gì vượt ngoài con mắt thịt, phải tiến tu, chuyển từ nhị thừa sang Bồ tát thừa, tu Bồ tát đạo để khai mở

tri kiến Như lai. Đứng an phận với quả vị A la hán, được giải thoát cho riêng mình, được cung kính cúng dường mà cho là đủ. Phải phấn đấu đi lên theo các vị Bồ tát, tu tạo phước đức trí tuệ viên mãn mới thành Phật.

Đức Phật nói những thí dụ này xong, bốn vị Thanh văn là Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên và Mục Kiền Liên thấm thía ý Phật dạy, mới phát tâm Bồ đề giáo hóa chúng sinh như Đức Phật đã từng thành tựu trong nhiều kiếp quá khứ. Vì thế, Đức Phật thọ ký cho bốn vị trưởng lão này sẽ thành Phật. Đức Phật dạy rằng xưa kia, các vị này tu pháp Thanh văn, Duyên giác, đã chuyển hóa tâm trở thành trong sạch, thì nên dùng tâm thanh tịnh giải thoát này mà độ sinh, sẽ có đầy đủ công đức, đều sẽ thành Phật và mỗi vị tùy theo công hạnh mà có danh hiệu khác nhau. Ca Diếp sẽ thành Phật Quang Minh Như lai, Tu Bồ Đề sẽ thành Phật Danh Tướng Như lai, Ca Chiên Diên sẽ thành Phật Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như lai và Mục Kiền Liên sẽ thành Phật Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như lai.

---o0o---

THÍ DỤ 6 : HÓA THÀNH TRONG PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ 7

Theo bản dịch kinh Pháp Hoa của Ngài Trúc Pháp Hộ, nửa phần đầu của phẩm thứ 7 tên là Vãng cổ, tức nói chuyện quá khứ về Đức Phật Đại Thông Trí Thắng và nửa phẩm sau mới là Hóa thành dụ. Bản dịch kinh Pháp Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập gộp chung hai phần này lại thành phẩm Hóa thành dụ.

Sau khi Đức Phật thuyết pháp, dùng thí dụ để đại chúng hiểu, nhưng vẫn không nhận được ý Phật dạy, nên Đức Phật nói thêm về nhân duyên nhiều đời giữa Ngài và đệ tử. Vì thế, phẩm này được xếp vào nhân duyên châu.

Đức Phật Thích Ca khẳng định rằng vào thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng khi tiền thân Ngài còn là Sa di Bồ tát đã từng giáo hóa nhiều người, mà chính những người này ngày nay hiện diện ở hội Linh Sơn gồm có Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tác, Ưu bà di cho đến Thiên long bát bộ. Đó chính là ý nghĩa "nhân duyên đời trước" mà phẩm Hóa Thành dụ muốn nhắc đến. Trong sinh hoạt đạo pháp, chúng ta nhận thấy rõ ý này, có những người bình thường nhưng cảm hóa được người khác một cách dễ dàng; vì thật sự họ đã gặp nhau và giúp đỡ nhau từ kiếp trước rồi. Theo kinh Pháp Hoa, nhân duyên thầy trò đã có, nên khi gặp lại, thầy thầy là kính trọng và tiếp nhận được sự khai ngộ của thầy một cách nhanh chóng.

Vấn đề thứ hai trong phẩm Hóa Thành dụ thứ 7 của kinh Pháp Hoa là phải vượt qua 500 do tuần đường hiểm; đây cũng là một vấn đề lớn. Phật đưa ra thí dụ có một Đạo sư dẫn đoàn người đi tìm châu báu, nhưng mới đi được 300 do tuần,

chúng nhân mệt mỏi, sợ sệt, không muốn đi tiếp mà xin quay về. Vị Đạo sư liền tạo ra một hóa thân có đầy đủ tiện nghi cho họ ở và khi họ nghỉ ngơi khỏe rồi, Ngài liền diệt bỏ hóa thân, bảo mọi người tiếp tục lên đường, chỉ còn 200 do tuần nữa sẽ đến Bảo sở thì tha hồ hưởng an lạc.

Câu chuyện tuy đơn giản, nhưng chúng ta phải hiểu được nghĩa lý sâu xa ẩn chứa bên trong để có thể tiến tu đạo hạnh. Vị Đạo sư chỉ cho Đức Phật, dắt chúng nhân vượt 500 do tuần đường hiểm, chúng nhân chúng xuất gia đồng hành với Đức Phật xưa kia hay chúng ta ngày nay. Đức Phật có phước đức vẹn toàn, nên Ngài làm việc gì cũng dễ dàng, tự tại. Trong khi các Tỳ kheo khác ốm yếu, bệnh hoạn, không sáng suốt, bị người lấn lướt, nên lúc nào cũng phải núp bóng Phật. Đức Phật dạy phải vượt 200 do tuần đầu nghĩa là nhắc nhở trên bước đường tu thân cận với Đức Phật, thể nghiệm giáo pháp để chứng được quả vị của Thanh văn, Duyên giác.

Chưa tu theo Phật, chúng ta giống như người phạm, chẳng có ai quý mến mình. Nhưng theo Đức Phật, đắc quả vị A la hán là quả ứng cúng, được người kính quý cúng dường, nghĩa là chúng ta đã vượt 100 do tuần đầu tiên của đường hiểm trên bước đường xuất gia học đạo. Thật vậy, nhờ được gần Phật, nghe pháp, tu hành, chúng ta phát huy đạo hạnh để cuối cùng đạt được đỉnh cao của hàng Thanh văn là Bát chánh đạo. Điều đó nói lên rằng chúng ta đã vượt được một giai đoạn khó khăn nguy hiểm, nhất là sự cám dỗ của vật chất, sự chi phối của xã hội và thiên nhiên. Tu hành mà còn bị vật chất cám dỗ, còn bị người tác động gây buồn phiền, tức giận coi như chưa được gì cả. Vì vậy, cần thực hiện cho được sự xa rời vật chất và không để xã hội tác động khởi tâm. Tâm lắng yên là Thánh La hán.

Giai đoạn một chúng ta tu, phải đạt được sở đắc này. Bề ngoài cũng như mọi người, nhưng ta luôn sống với sự thật, nghĩa là có chánh kiến, khác với người tà kiến nhìn sự vật không chính xác, nên khởi vọng tâm gây đau khổ. Có tà kiến thì nghe người khác nói xấu, nghĩ lung tung. Có chánh kiến, nghe người nói xấu, tâm chúng ta vẫn thanh thản. Đức Phật dạy rằng người ác hại người tốt như tung bụi ngược gió, phải gánh lấy quả báo ác. Tôi trải qua giai đoạn này, nên nhận thấy rất rõ. Còn người tin theo điều bịa đặt là biết mình còn túc nghiệp, nhân đây sám hối, vì nghiệp khởi từ đâu thì sám hối từ đó. Không còn người nói xấu được là biết hết nghiệp. Họ nói mà chúng ta giận buồn là còn nghiệp, vì giận buồn là nghiệp.

Tu tứ Thánh đế, Đức Phật dạy hàng Thanh văn chứng được quả vị của tứ Thánh đế, đi qua 100 do tuần đường hiểm rồi thì tu hành có phần dễ dàng hơn, nhẹ nhàng an vui hơn. Còn chưa vượt được đoạn đường hiểm này, việc xảy ra cho chúng ta quá ác, quá khổ. Tôi kinh nghiệm lúc còn là Sa di, nay sống ở chùa này, mai đi chùa khác, khổ vô cùng. Đến khi được vào tu học ở Phật học đường Nam

Việt, chùa An Quang, cuộc đời đã đổi khác, tốt đẹp hơn. Khi tu học ở Nhật Bản trở về, mọi việc chuyển đổi khác hơn trước nhiều và khi lãnh đạo lại càng khác nữa. Vượt qua được đoạn đường nào, tu hành được nhẹ nhàng thêm, từng bước đi bỏ lại phía sau những khó khăn, nguy hiểm, buồn phiền.

Vượt tầng một, 100 do tuần đầu là hoàn tất Thanh văn thừa và tầng thứ hai phát triển tri thức, quán sát rõ nhân duyên giữa ta và người. Ở giai đoạn hai, chuyển đổi được nhân duyên xấu ác thành nhân duyên tốt đẹp. Đó là tu quán nhân duyên của Duyên giác thừa, vượt thêm 100 do tuần kế tiếp, nhận biết được người suy nghĩ điều gì, đáp ứng cho họ. Chính 500 vị A la hán theo Phật tu hành, đã vượt được 200 do tuần đường hiểm. Thật vậy, trước khi theo Phật, các Ngài nhìn đời mờ mịt, nhưng khi nhận được sự dìu dắt của Đức Phật, thể nghiệm pháp Phật chỉ dạy rồi, các Ngài trở thành người đạo đức được cung kính cúng dường và trí sáng ra, biết được mối tương quan tương duyên với chúng sinh.

Chúng nhân theo Đức Phật, chỉ còn trải qua 300 do tuần nữa là đến Bảo sở, tức thành Phật; nhưng nếu không tiếp tục đi mà quay trở về thì thật uổng phí công sức đã vượt được 200 do tuần đường hiểm trước đó. Đức Phật vì thương xót họ, Ngài hóa ra một cái thành để họ tạm dừng chân nghỉ ngơi cho đỡ mệt nhọc rồi đi tiếp.

Hóa thành này của Đức Phật nhằm chỉ hai Niết bàn của hàng nhị thừa là Thanh văn và Duyên giác tu được. Tuy nhiên giải thoát mà Thanh văn Duyên giác tu chứng thật sự là giải thoát do Đức Phật tạo ra, không phải bản thân họ tự tạo được. Trên bước đường tu, chúng ta thấy rõ những gì có được hôm nay như chùa chiền, trường lớp, vị trí của chúng ta trong xã hội, v.v... là do Đức Phật cho, không phải chúng ta tự tạo. Vì thế, người quay ngược lại thế gian, vào nhập cuộc với đời, rõ ràng không bằng ai. Tuy nhiên, nếu ở trong giáo pháp Phật, chúng ta được hơn người. Nếu không ý thức rằng mình chưa có phước đức, mà an phận hưởng thụ những gì Đức Phật cho thì Phật nhập diệt hay Phật không che chở nữa, chắc chắn cuộc sống khó được an lạc.

Để chúng nhân không ỷ lại vào Phật, Ngài diệt hóa thành, nghĩa là hành giả muốn đạt đến Vô thượng Bồ đề, tất yếu phải tự tiến bước lộ trình 300 do tuần đường hiểm còn lại. Đó chính là hành Bồ tát đạo trên nhân gian, tạo phước đức thật sự cho mình, tức làm người tốt và có ích cho đời, là đã vượt thêm 100 do tuần thứ ba. Và còn lại 200 do tuần cuối cùng thì đến Bảo sở là con đường của các Bồ tát Pháp thân ở mười phương và ở Thường Tịch Quang đạt được quả vị Phật hằng hữu, bất sinh bất diệt.

Một đời hoàng hóa độ sinh của Đức Phật thể hiện rõ nét tinh thần giáo hóa bằng nhân duyên. Thật vậy, trong hàng đại đệ tử Phật, hai phần ba thuộc ngoại đạo. Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề... đều là những nhà lãnh đạo của các tôn giáo thời bấy giờ. Họ từ bỏ tôn giáo của họ để theo Đức Phật tu hành, vì họ học được ở Phật trí tuệ và đức hạnh vô cùng.

Ngoài ra, điều quan trọng không kém mà Đức Phật nhắc đến ở đây là nhân duyên. Đức Phật đã khẳng định những người đệ tử có mặt ở hội Pháp Hoa vì đã theo Đức Phật nghe pháp từ thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Mối quan hệ quá khứ của các vị Thanh văn đã gắn bó sâu sắc với Đức Phật mới dẫn đến duyên thầy trò trong hiện tại.

---o0o---

THÍ DỤ 7 : HẠT CHÂU TRONG ÁO (HỆ CHÂU DỤ)

TRONG PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ THỨ 8

Khi Đức Phật nói xong thí dụ Hóa thành gọi nhắc hàng đệ tử Thanh văn nhớ lại kiếp quá khứ đã từng được Ngài dìu dắt tu hành cho đến quả vị Hiền thánh ngày nay. Các vị này rất ngạc nhiên và vui mừng vô cùng. Dẫn đầu là Phú Lô Na và 500 La hán hiệu được Niết bàn của các Ngài chứng đắc trước kia là nhờ uy lực Phật. Và về sau, trên lộ trình tiến đến Vô thượng Bồ đề, phải tu Bồ tát hạnh, xả kỷ vị tha, tự tạo phước đức trí tuệ để trang nghiêm thân tâm.

Thấy rõ khả năng thực tu thực chứng của các vị này, trước tiên Đức Phật thọ ký cho Phú Lô Na khi đầy đủ hạnh Bồ tát, sẽ được thành Phật hiệu là Pháp Minh Như lai. Ngoài ra, Kiều Trần Như cũng được Đức Phật thọ ký sẽ thành Phật là Phổ Minh Như Lai và 500 vị A la hán gồm có Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nâu Lô Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà Tá, Đà Đà, v.v... đều sẽ thành Phật cùng một hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Sau khi được Đức Phật thọ ký, các vị này bừng tỉnh, vui mừng nói lên tâm niệm qua thí dụ như sau. Có một người nghèo đến chơi nhà bạn. Sau bữa tiệc, anh này ngủ say. Người bạn cho anh một viên ngọc vô giá rồi cột vào vạt áo anh. Tỉnh dậy, anh không biết mình có viên ngọc, đến nước khác làm ăn vất vả. Ít lâu sau, gặp lại bạn cũ, thấy anh rách rưới khổ sở, mới hỏi tại sao không dùng viên ngọc trong vạt áo để kinh doanh, sẽ được giàu có, sung sướng. Các vị đệ tử bạch Phật rằng họ cũng giống như người ngủ say. Đức Thế Tôn từng giáo hóa họ, nhưng vừa

được hưởng chút phần Niết bàn đã tự cho là đủ, không cầu gì hơn. Nay mới biết mình thực là Bồ tát, được thọ ký thành Phật, lòng vui mừng vô cùng.

Ví dụ hạt châu trong áo cũng nhằm nói đến mục tiêu của Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời này để khai mở cho chúng ta thấy Phật tánh tiềm ẩn trong tất cả mọi người. Ai cũng có bản tâm sáng suốt, nếu biết cách sử dụng, phát huy trí tuệ và đức hạnh cũng sẽ thành tựu quả vị toàn giác như Đức Phật.

Kể đến, trong phẩm Thọ học vô học như ký thứ 9, Đức Phật thọ ký cho Ngài A Nan sẽ thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và La Hầu La sẽ thành Phật hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, cùng 2000 đệ tử Thanh văn gồm những người đang tu học (hữu học) và đã hoàn tất việc tu học (vô học) được thọ ký sẽ thành Phật đồng hiệu là Bảo Tướng Như lai. Việc thọ ký cho 2000 vị chưa đắc quả La hán cũng là một việc đáng suy nghĩ trong thời phong kiến, báo hiệu thời điểm Đức Phật nâng tầm nhìn mọi người cho tiếp cận chân lý mới phô bày sự thật.

Theo tôi, không thể xếp Phú Lô Na, A Nan và La Hầu La thuộc hàng hạ căn, nghe giáo lý và thí dụ không hiểu, phải nương theo nhân duyên để vào đạo. Nếu Phú Lô Na, A Nan và La Hầu La thuộc hàng hạ căn, tại sao các Ngài được thọ ký thành Phật với nhiều thành quả lớn hơn những vị thượng căn và trung căn trước.

Có thể lý giải rằng Đức Phật đã biệt ký cho Ngài Phú Lô Na, A Nan, La Hầu La và thọ ký chung cho 500 vị La hán và 2000 Thanh văn đang tu học. Riêng đối với Phú Lô Na, A Nan và La Hầu La, Đức Phật xác định rằng hàng Trời người tương họ là Thanh văn, nhưng thật sự họ là Bồ tát lớn. Phú Lô Na đã từng là đại pháp sư trong thời bấy Đức Phật quá khứ. A Nan là pháp tử với Đức Phật Thích Ca từ thời Phật Không Vương. Nếu căn cứ vào nội dung kinh, không thể phân chia các vị này thuộc hàng thượng, trung, hay hạ; nhưng phải xếp từ Tiểu thừa sang thông giáo Quyền thừa, đến biệt giáo Đại thừa và sau cùng là viên giáo Thượng thừa.

---o0o---

THÍ DỤ 8 : VIÊN MINH CHÂU TRÊN ĐỈNH ĐÀU (KẾ CHÂU)

TRONG PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ 14

Đức Phật nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thí dụ như sau. Có một vị vua Chuyển luân Thánh vương sức lực rất mạnh, sau khi binh tướng của ông thắng trận trở về, nhà vua liền ban thưởng cho viên minh châu trong búi tóc trên đỉnh đầu của ông. Từ trước ông thưởng cho họ nhiều thứ, nhưng đến nay ông mới cho viên châu

quý báu vô giá này vì binh tướng lập được công lớn. Đức Như lai cũng vậy, thấy chúng Thanh văn đệ tử tu hành đã thắng được ma ngũ âm, ma phiền não, phá được lưới ma, trừ sạch ba độc tham sân si, ra khỏi Nhà lửa tam giới, Ngài mới trao cho kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của các Đức Như lai là kinh tối thắng trong các kinh mà nay Đức Phật mới nói.

---o0o---

THÍ DỤ 9 : LƯƠNG Y TRONG PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ 16

Trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, Đức Phật xác định rằng Ngài đã thành Phật từ vô biên kiếp lâu xa. Từ thời xa xưa ấy, Đức Phật đã hành đạo Bồ tát, kết thành thọ mạng, đến nay vẫn chưa hết, mà còn hơn số như vậy. Vì thế, dù chưa thực diệt độ, Ngài vẫn nói diệt độ như là phương tiện giáo hóa chúng sinh. Vì nếu Đức Phật ở lâu trên đời, những người đức mỏng không trồng căn lành, ham ưa ngũ dục, sinh tâm lười biếng kiêu mạn, không khát ngưỡng gặp Phật.

Đức Phật thí dụ như có một ông lương y chữa được nhiều bệnh và có nhiều người con. Khi ông bận đi xa, các con ở nhà uống lầm thuốc độc. Lúc ông trở về, các con quỳ lạy xin cứu mạng. Người cha đưa thuốc cho uống. Những người con không mất bản tâm liền uống thuốc nên được lành bệnh. Những người con mất bản tâm không chịu uống thuốc. Người cha thương hại chúng mới dùng phương kế nói rằng ông đã già yếu sắp chết, các thứ thuốc hay ông để lại, nên giữ lấy dùng. Nói xong ông liền bỏ đi rồi cho người về báo ông đã từ trần. Hay tin ấy, các con mất bản tâm hoảng sợ lấy thuốc uống, tâm liền tỉnh ngộ. Sau đó người cha trở về cho các con thấy mặt.

Đức Phật kết luận rằng Ngài cũng như vậy. Ngài đã thành Phật từ ngũ bách ức trần điểm cho đến ngày nay vẫn ở thế giới Ta bà thuyết pháp giáo hóa chưa từng ngừng nghỉ, nhưng có người thấy Phật, có người không thấy. Vì thương chúng sinh nghiệp cấu nặng, không thấy Phật, sinh tâm buông lung kiêu mạn, Đức Phật mới dùng phương tiện nói có Phật ra đời và Phật Niết bàn. Sự thật Ngài vẫn thường trụ thế giới này nói pháp.

Từ phẩm Tựa thứ nhất đến phẩm Thọ học vô học hơn ký thứ 9 thuộc phần Tích môn Pháp Hoa gọi là nhị thừa tác Phật. Đến đây theo giáo sư Kusei là chấm dứt bộ kinh Pháp Hoa đầu tiên chỉ có 9 phẩm như vậy. Về sau kinh Pháp Hoa mới kết tập thêm phần lưu thông là từ phẩm Pháp sư thứ 10 đến phẩm An lạc hạnh thứ 14, gồm 5 phẩm, nhưng chỉ tính có 4 phẩm, vì phẩm Đề Bà Đạt Đa được đặt chung

trong phẩm Hiện Bảo tháp thứ 11; về sau người ta mới tách riêng phẩm Đề Bà Đạt Đa.

Theo bản gốc kinh Pháp Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập không có phẩm Đề Bà Đạt Đa và Ngài Cấp Đa đời Đường mới thêm vô phẩm Đề Bà Đạt Đa, cho nên bộ kinh Pháp Hoa của Ngài Cấp Đa có tên là Thêm phẩm Pháp Hoa kinh. Vì vậy, ngày nay, chúng ta tụng bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm thật sự là của Ngài Cấp Đa dịch, không phải của Ngài Cưu Ma La Thập; nhưng vì uy tín của Ngài Cưu Ma La Thập quá lớn lao, nên người ta vẫn giữ tên của Ngài trong bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm.

Tóm lại, từ thế giới bất sinh bất diệt của Tịch Quang chơn cảnh, Đức Phật vì tâm đại từ bi mà Ngài hiện thân lại thế giới Ta bà này để dìu dắt tất cả chúng sinh ra khỏi Nhà lửa tam giới và khai mở tri kiến Như lai cho tất cả mọi người. Vì vậy, Ngài phải dùng tất cả phương tiện như ngôn từ, thí dụ, nhân duyên để thuyết tam thừa giáo:

Pháp Hoa hải hội, Đức Phật thân tuyên

Ba châu, chín dụ nghĩa kín mâu.

Trải qua ba châu, pháp thuyết châu, thí dụ châu và nhân duyên châu, cũng như nương theo chín thí dụ ẩn chứa vô biên nghĩa nhiệm mâu của kinh Pháp Hoa để thăng hoa tri thức và đức hạnh, tất cả những hành giả hữu duyên với bộ kinh tối thượng thừa này, từng bước xa rời Nhà lửa tam giới, từng bước thu ngắn 500 do tuần đường hiểm và sau cùng đến được Bảo sở, đánh lễ Đức Phật Pháp thân thường trú vĩnh hằng bất tử, mới thỏa chí nguyện tu hành theo Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni và đó cũng chính là mục tiêu mà Đức Phật Thích Ca hiện hữu trên cuộc đời này.

---o0o---

Ý NGHĨA PHẨM PHÁP SƯ THỨ 10

Như đã nói, trong toàn bộ giáo pháp, điểm quan trọng Đức Phật muốn nhấn mạnh rằng tam thừa giáo chỉ là phương tiện của Ngài tạo ra để nhằm chỉ nhứt thừa giáo ẩn chứa bên trong, kinh Pháp Hoa thường diễn tả ý này là Đức Phật khai tam thừa hiển nhứt thừa. Vì vậy, theo Tích môn Pháp Hoa, nhứt Phật thừa là chính và tam thừa là quyền. Đức Phật phải triển khai giáo pháp thành tam thừa để ứng hợp với trình độ chúng sinh, nhưng kết quả đều đưa mọi người đến quả vị Phật. Vì Đức

Phật là đấng toàn giác, nên Ngài phải dìu dắt mọi người đến quả vị toàn giác như Ngài, không thể dẫn đến quả vị Thanh văn hay Duyên giác được.

Phẩm Pháp sư thứ 10 kết lại pháp tam thừa và Đức Phật quy về nhưt thừa để mở ra một thế giới khác cho đại chúng tiếp nhận. Trong phần chánh tông, Đức Phật thọ ký cho Ma Ha Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, A Nan, La Hầu La và tất cả A la hán cùng những vị chưa đắc A la hán. Ý nghĩa thọ ký là Đức Phật muốn xác định rằng những người theo Ngài tu hành đều thành Phật.

Trước khi nói kinh Pháp Hoa, Đức Phật chưa thọ ký cho ai thành Phật, chỉ có người đắc A la hán hay Bích Chi Phật, nghĩa là có sai biệt giới. Trước đó, nhìn vào xã hội hay quan sát chúng hội của Đức Phật thấy có sai biệt, không ai giống ai; nhưng đến đây quy về bản thể tu hành thì tất cả mọi người phải thành Phật, không thể thành quả vị gì khác. Và mọi người này là ai ? Đó là hàng nhị thừa : Thanh văn và Duyên giác.

Từ trước, mọi người đều nghĩ rằng hàng nhị thừa chỉ đạt đến quả vị A la hán thôi, không thể thành Phật. Nhưng nay Đức Phật xác định hàng nhị thừa đều thành Phật được. Đến đây chấm dứt phần chính của Tích môn nói về một đời giáo hóa của Đức Phật, vì chẳng lẽ hàng nhị thừa xuất gia tu theo Đức Phật mà lại không thành Phật.

Ngoài ra, Đức Phật còn mở rộng sự thọ ký, kể cả hàng cư sĩ tu hành cũng thành Phật. Người tu trước thì đạt quả vị trước và ai tu cũng thành Phật. Ý này bắt đầu bằng phẩm Pháp Sư thứ 10, Đức Phật nói với Dược Vương Bồ tát : "*Tất cả Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, thiên long bát bộ, người cầu Thanh văn, người cầu Bồ tát hay cầu Phật đạo mà ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa một câu, một kệ, một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký Vô thượng bồ đề*".

Trước đó, Đức Phật chỉ thọ ký cho người xuất gia tu hành có đức hạnh trong xã hội như Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La, v.v... Nhưng nay, Đức Phật thọ ký cho mọi thành phần, không phân biệt xuất gia hay cư sĩ, nam hay nữ và kể cả loài súc sinh. Khi họ chưa phát Bồ đề tâm thì chưa thành Phật được, nhưng nếu phát tâm Bồ đề và tu hành, chắc chắn cũng thành tựu quả vị Phật. Tuy nhiên, đến đây còn loại trừ hàng nhưt xiển đề, họ không thể thành Phật.

Đó là ý quan trọng nhất của kinh Pháp Hoa rằng tất cả mọi loài, mọi người nghe kinh Pháp Hoa một câu, một kệ, một niệm tùy hỷ đều được Đức Phật thọ ký thành Phật. Như vậy, Đức Phật khẳng định rõ là học kinh Pháp Hoa mới được thọ ký, pháp hội khác, Đức Phật không thọ ký. Vậy Pháp Hoa là gì?

Pháp Hoa là nhất Phật thừa hay giáo Bồ tát pháp, Phật sở hộ niệm; nghĩa là pháp hành trì của Bồ tát và pháp mà chư Phật hộ niệm. Đức Phật thọ ký dù chúng ta là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, nhân, thiên; nhưng quan trọng là phải phát tâm Bồ đề, hành Bồ tát đạo cho đầy đủ hạnh Bồ tát.

Trước kia, hàng Thanh văn, Duyên giác hướng về Niết bàn là thú tịch Thanh văn nên không thể thành tựu quả vị Phật. Vì vậy, đạt được quả vị A la hán rồi, phải phát tâm Bồ đề, trọn vẹn Bồ tát đạo mới đạt đến quả vị Phật. Chúng ta thấy rõ ý này khi Đức Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất, Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, v.v... Ngài đều dạy các vị này rằng phải hành Bồ tát đạo đầy đủ tâm đại bi mới thành Phật được; không phải Đức Phật thọ ký là thành Phật liền, mà không cần tiến tu Bồ tát hạnh. Nhận chân được ý Phật dạy như vậy, ngày nay chúng ta tu hướng về Niết bàn, không nghĩ đến độ sanh, chắc chắn không thể thành Phật.

Nghe kinh Pháp Hoa là học và thực hành pháp tu của Bồ tát hướng đến độ sanh. Một vị đắc A la hán đi vào sinh tử để thực hiện việc giáo hóa chúng sinh, nói cách khác là hành Bồ tát đạo đến khi trọn vẹn được công hạnh của Bồ tát thì sẽ đạt quả vị Phật.

Ở giai đoạn tu Thanh văn một mình, nay phát tâm Bồ đề, hành Bồ tát đạo lấy giáo hóa độ sanh làm việc chính. Việc hành Bồ tát đạo của chúng ta cao hay thấp căn cứ ở thành quả giáo hóa chúng sinh. Độ được càng nhiều người sống theo pháp Phật, công đức chúng ta càng lớn. Như vậy, con đường đi đến Phật quả là phải thực hiện việc giáo hóa độ sanh, cho đến khi không còn người nào, loài nào mà ta không cảm hóa được thì mới thành tựu quả vị Phật.

Ở các giai đoạn trước, Đức Phật phải nói pháp Thanh văn chỉ dạy người hướng đến Niết bàn, là vì Ngài muốn độ những người sợ sinh tử. Nhưng nay, Đức Phật dạy phải thực hiện việc độ sanh theo tiêu chuẩn là Diệu Pháp Liên Hoa; nghĩa là giúp người trên nền tảng đạo đức và trí tuệ. Cốt lõi của kinh Pháp Hoa nhằm xây dựng người đạo đức và trí thức, trí tuệ là Diệu Pháp và đạo đức là Liên Hoa.

Khi chưa tu, chúng ta không độ được người. Đến khi phát tâm xuất gia học đạo, rèn luyện pháp tu Thanh văn, chúng ta trở thành người đạo đức, tức không tham, sân, si. Từ mẫu đạo đức của Thanh văn, tiến sang bước thứ hai, thực tập pháp tu Duyên giác sẽ giúp chúng ta thành người trí thức có tầm nhìn thấy xa biết rộng. Chúng ta đừng hiểu lầm rằng Duyên giác chỉ học quán 12 nhân duyên, như vậy thì không đủ. Quán 12 nhân duyên là mở rộng tầm hiểu biết về nhân duyên sinh diệt của tất cả pháp, vì thấy nhân duyên là thấy pháp. Thật vậy, theo Phật, tất cả pháp đều do nhân duyên sinh, nên ta biết được nhân duyên là biết được tất cả

pháp hữu hình, vô hình, hữu tình, vô tình. Nói theo ngày nay là phải thấy được sự việc ở mọi mặt về chính trị, văn hóa, xã hội, v.v...

Trải qua pháp tu của hàng nhị thừa, đạo đức của chúng ta là không tham sân si và hiểu biết của chúng ta là biết khoa học tự nhiên và xã hội; kết hợp đạo đức và tri thức như vậy mới dẫn thân theo tinh thần Pháp Hoa được.

Như vậy, người hành trì Pháp Hoa không như thiết mang hình thức nào. Điều kiện đòi hỏi là tin kinh Pháp Hoa và thực hiện tinh thần Pháp Hoa, tức nâng cao đạo đức và tri thức. Thử nghĩ các Bồ tát vào đời mà không hiểu chúng sinh, chúng sinh nghiệp, chúng sinh phiền não thì làm thế nào giáo hóa họ. Nếu đạo đức chúng ta cao, ta không cần họ, nhưng họ cần ta thì ta sẵn lòng giúp. Ta đến với người vì người cần ta, còn ta cần thì đừng tới.

Nghe kinh Pháp Hoa tùy hỷ, được Đức Phật thọ ký, tức phát triển đạo đức và tri thức làm đẹp cuộc đời là được thọ ký; không cần phải là Tăng Ni, nhưng bất cứ ai làm đẹp cho đời là được Đức Phật thọ ký.

Những người trì kinh Pháp Hoa đúng chuẩn đó là đã thành Vô thượng Đăng giác vì thương nhân gian sinh lại đời. Ý này mở ra cánh cửa thứ hai để chúng ta thấy khác lạ hơn. Trước kia, chúng ta thấy chỉ có con đường từ đây đến thành Phật là từ nhân hướng quả. Nhưng đến yếu nghĩa Pháp Hoa thì từ quả hướng nhân, là vì thương nhân gian mà sinh lại cuộc đời. Điều này giúp chúng ta phân biệt được Bồ tát từ nhân hướng quả và Bồ tát từ quả hướng nhân.

Người tu lâu mà không làm được việc, thì biết là họ mới tu đời này, đang từ nhân hướng quả. Người làm được việc lớn là Bồ tát từ quả hướng nhân, đời trước đã tu nên đời hiện tại tài giỏi vượt hơn nhiều người. Điển hình như Hòa thượng Thiện Hoa ra Huế chỉ học dự thính và viên tịch vào tuổi 55, nhưng đã để lại sự nghiệp lớn lao cho đạo pháp, vì đời trước Ngài đã là luận sư, nên hiện đời mới có tài đức như vậy. Hoặc Tổ Huệ Năng chỉ công quả, giã gạo, không được học, nhưng làm Tổ. Có thể hiểu vì đời trước Ngài đã là Tổ sư, nên tái sinh, Ngài thị hiện làm người tầm thường, không phải tầm thường thật.

Mới phát Bồ đề tâm tu hành, việc công phu tu tập của chúng ta còn nhiều khó khăn lắm. Biết như vậy, ta không phiền não, ganh tức với người; nếu không, ta dễ bất mãn, khinh khi rằng họ dở hay tu sau ta, thì bị tổn phước.

Bồ tát từ nhân hướng quả tu hành vất vả cực khổ mà kết quả không được là bao, thậm chí nhiều khi còn bị kết quả xấu. Trái lại, Bồ tát từ quả hướng nhân sống đơn sơ, làm việc đơn giản mà thành quả không ai có thể sánh bằng, phải biết đó là

người ngoại lệ. Muốn nhận ra người ngoại lệ, nên nhìn chiều sâu để biết thực chất của họ là thương nhân gian mà sinh lại cuộc đời hay là người lợi dụng đời.

Từ sự phân biệt được Bồ tát đang tu nhân hưởng quả và Bồ tát từ quả hưởng nhân, vì thương nhân gian sinh lại cuộc đời này, kinh Pháp Hoa khẳng định cho chúng ta thấy đời này tu, đời sau hưởng thành quả, hay mở ra cánh cửa cho thấy Đức Phật đời trước đã là Phật, nên đời này Ngài chỉ trải qua 6 năm thể nghiệm pháp là thành Phật ngay lập tức. Như vậy, tự biết chúng ta còn trải qua vô số kiếp nữa mới thành Phật.

Nếu ai chê Bồ tát thương nhân gian sinh lại đời thì bị tội nặng còn hơn chửi mắng Phật trong một kiếp. Tôi nghiệm ý này thấy rằng nếu ta có học mà thua người không học thì phải tự xấu hổ, còn khinh chê họ là tự hại mình. Đừng chê những thầy có nhiều đệ tử, chê họ thì đệ tử họ ghét ta, chống ta. Trân trọng họ thì đệ tử họ cũng thương mình. Sinh trên cuộc đời, có người được quyền thuộc đông, người ít quyền thuộc; đó là do quá trình hành Bồ tát đạo đời trước. Nếu đời trước chúng ta học giỏi, nhưng tu hạnh viễn ly Thanh văn, Duyên giác, không giúp đỡ ai, nên đời này không ai theo ta. Thầy dở, nhưng người theo vì đã cứu họ. Học kinh Pháp Hoa phải nhớ lý nhân duyên.

Có duyên mới độ được. Chúng ta còn nhớ câu chuyện Mục Kiền Liên đời quá khứ đã tu Tiên đạo và từng cứu một tổ ong bị rớt xuống sông. Kết quả là hiện đời, đám ong này tái sinh làm người, chỉ tôn thờ Mục Kiền Liên làm thầy, chúng không chịu theo Phật. Phật hóa hữu duyên là vậy. Ta tu hành, lo độ người có duyên; người khác có thầy của họ, đừng chen vô làm phiền ta và người. Theo duyên mà độ là làm đúng với sự phân công tự nhiên thì lòng ta luôn thanh thản.

Để chỉ thành quả tu hành của tam thừa giáo là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, Đức Phật lấy thí dụ đào giếng trên cao nguyên. Thanh văn đào giếng trên cao nguyên ngụ ý người khổ công tu, nhưng không gặt hái được kết quả bao nhiêu; vì cách Phật huệ quá xa, không thể thấy Phật. Phải nỗ lực đào đến đất ướt, đất bùn, mới gạn được nước, chỉ cho chúng ta cố gắng tu tập nhiều mới có được thành quả. Hay nói ngược lại là người tu ít mà được thành quả nhiều là biết họ đang ở đất ướt, đất bùn rồi.

Trong phẩm Pháp Sư nói rằng người nghe kinh Pháp Hoa mà tin được và áp dụng trong cuộc sống thì được gạn Phật, được Đức Phật thọ ký. Hàng Thanh văn chưa nghe được kinh này, trong khi ta đã nghe rồi là biết ta đã tiến được một bước. Và người nghe kinh Pháp Hoa mà kinh nghi, sợ sệt là Thanh văn tăng thượng mạn hay Bồ tát mới phát tâm. Thanh văn tăng thượng mạn thì nhìn sai lệch, vì không

hiểu đạo nên thường phê phán người được quần chúng ủng hộ, cho rằng họ dở, không học, không tu và ưa nói xấu họ, nên thường bị quả báo.

Người nghe kinh Pháp Hoa mà kinh sợ là Bồ tát mới phát tâm; điển hình như nhiều người thấy Ngài Huệ Năng bửa củi, giã gạo mà lại làm Tổ thì họ nghi ngờ, chê bai. Họ chỉ thấy việc bửa củi bình thường, đâu biết Ngài đang thể hiện tinh thần chẻ cây để tìm hoa hay phân tích thân ngũ uẩn để tìm Phật tánh bên trong là pháp tu của hàng thượng trí.

Từ Phật tánh hiện thân trên cuộc đời, mang thân tứ đại, ngũ uẩn thì ai cũng như ai; nhưng thực chất bên trong mỗi người lại hoàn toàn khác nhau. Thật vậy, cùng là thân người nhưng tại sao có người được kính trọng, có người bị chà đạp, người giỏi, kẻ dở, người đẹp, kẻ xấu, v.v... Tìm hiểu sự khác biệt bên trong mỗi người là bắt đầu chẻ thân ngũ uẩn thành năm phần : sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Về sắc uẩn, ai cũng giống nhau, cũng có chất khoáng, chất khí, chất nước, v.v..., nên không cần đề cập thêm. Còn lại phần thọ uẩn cho đến thức uẩn đóng vai trò chủ yếu. Nếu chẻ thọ uẩn ra để tìm thì thấy có khổ thọ, lạc thọ và trong khổ vui cũng có vô số khổ vui khác nhau của con người.

Tuy nhiên, quan sát kỹ, thấy khổ vui của mọi người dính liền với nguồn sâu kín nằm trong tướng uẩn và hành uẩn. Nhận chân như vậy, việc căn bản của người tu Thiền là ngồi yên suy nghĩ về hành và thức uẩn. Từ thức uẩn khởi hiện hành và từ hiện hành lại sinh ra thức. Vì vậy, khổ vui cũng đều từ hành và thức uẩn mà ra. Trong 12 nhân duyên, vô minh duyên hành, hành duyên thức, từ đó ta thấy thức uẩn hay nhận thức của con người thuộc vô minh. Trên căn bản này, người tu Thiền phát hiện được rằng nếu vô minh duyên khởi thì tạo thành trùng trùng nghiệp chướng trần lao. Biết như vậy, nên ý thức nào khởi lên là ta cắt liền, không cho khởi thì cũng cắt lìa được hành uẩn là anh em sinh đôi với thức uẩn. Và cắt bỏ được thức uẩn và hành uẩn khởi xuất từ vô minh dẫn con người đi vào sinh tử khổ đau thì chơn như tâm hiện ra, mới phát hiện được tác động của chơn như duyên khởi như thế nào. Đó là nét đặc sắc của tinh thần Đại thừa Phật giáo; quán sát diễn biến của vô minh duyên khởi, Ngài Thế Thân lập ra tông phái Duy Thức học nổi tiếng. Và triển khai phần chơn như duyên khởi, Tổ Long Thọ và Mã Minh lập thành tông phái Pháp tánh học.

Việc bửa củi hay chẻ cây của Tổ Huệ Năng cũng giống như Bàn Đạc quét lá, thể hiện pháp tu quét phiền não, bụi dơ. Công việc hàng ngày ảnh hưởng đến tâm thức hành giả, làm cho nó thanh tịnh hay nhiễm ô. Tô Huệ Năng giã gạo thì Tổ Hoằng Nhãn hỏi gạo trắng chưa. Người thường thấy lục Tổ làm việc giã gạo bình thường và Tổ Hoằng Nhãn cũng hỏi câu bình thường. Nhưng Thiền ngữ không thể

hiều suông như ngôn ngữ bình thường. Gạo ví cho tâm và cám bọc bên ngoài hạt gạo ví như phiền não. Ý Tổ muốn hỏi tu hành phải cực nhọc công quả như vậy có buồn phiền hay không, đã tróc hết phiền não chưa. Nếu già tróc cám rồi, tức phiền não không còn thì phải thấy khác.

Tôi thấm thía ý nghĩa này vì đã thể nghiệm được trong cuộc sống mình. Thuở mới vào Phật học đường Nam Việt, tôi làm công tác của đại chúng giao phó, tuy vất vả, nhưng cảm thấy vinh quang, luôn ghi nhớ trong lòng câu hỏi của Tổ là phiền não tróc hết chưa. Tôi thấy rõ khi hết buồn giận, cuộc đời tôi tự đổi khác; muốn tiếp tục dọn quét nhà vệ sinh cũng không ai cho, Hòa thượng Thiện Hoa đã sắp đặt tôi làm thị giả hầu Ngài. Còn trước đó, mình đến gần thầy, người ta cũng không chịu vì sợ mình hôi dơ, xấu xí, sẽ lây bệnh cho thầy.

---o0o---

NHÀ NHƯ LAI, ÁO NHƯ LAI, TÒA NHƯ LAI

Trong phẩm Pháp sư, đưa ra ý quan trọng : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai. Những ý này có liên quan đến vai trò của pháp sư, nên suy nghĩ và áp dụng trong việc truyền giáo. Nếu không sống đúng hướng này, không thể thay Phật thuyết pháp giáo hóa. Ngày nay, chúng ta thuyết pháp mà còn bị nhiều chướng duyên là biết mình không đủ tiêu chuẩn nói trên của kinh đưa ra.

Nhà Như Lai là tâm từ bi. Từ tâm tam muội là đến với người, mang niềm vui cho họ, không vì ta hay vì mục đích khác. Hành đạo theo tinh thần này mới không bị thọ quả báo. Hòa thượng Thiện Hoa thể hiện từ tâm tam muội qua lời phát nguyện rằng nơi nào chúng sanh cần thì Ngài đến.

Đức Phật dạy muốn thuyết pháp phải phát tâm đại từ bi. Bình thường chúng ta cũng có lòng từ bi, nhưng đối tượng của ta là người có phước và người tốt với ta thì ta dễ phát tâm từ bi. Như vậy, lòng từ bi hay tình thương của chúng ta có giới hạn, có điều kiện. Đức Phật dạy phải nâng tâm từ bi lên mức độ cao là đại từ bi tâm. Đối với người chống đối vẫn thương được mới hoằng truyền kinh Pháp Hoa được; còn lúc vui thì thương, buồn thì bỏ là thương người theo kiểu chúng sinh.

Ngoài ra, từ bi mà còn phân biệt, khởi lên và biết được thì chưa phải là từ bi. Từ bi phải đưa vào tam muội là chánh định hay tận cùng đáy lòng ở Thiền định, nên khi phát ra ngoài, dù thuận hay nghịch cũng giáo hóa được. Nếu có tâm từ bi ở trong thế giới vô sai biệt mà làm đạo thì đối tượng là người tốt hay xấu, lòng ta vẫn thanh thản. Chính chúng ta muốn ban vui cứu khổ, nên phát xuất từ từ bi tâm tam muội này sinh ra vô số phương tiện cứu giúp người là vào được nhà Như Lai.

Hành Bồ tát đạo là cứu người, giống như thầy thuốc chữa bệnh cho người, họ bị đau đớn vì bệnh nhưng lại la mắng thầy thuốc cứu họ; ông ta vẫn vui vẻ là biết thầy thuốc này có tâm từ bi. Giáo hóa độ sinh cũng vậy, người làm gì cũng được, miễn ta cứu độ được họ thôi. Và cứu độ người chống đối, hại ta thì công đức lại lớn hơn, sau này, họ sẽ quý trọng ta nhiều hơn. Lịch sử về cuộc đời truyền giáo của Ngài Nhật Liên cho thấy có người tìm ra tận đảo nơi Ngài đang bị tù đày để giết Ngài. Lúc ấy, Nhật Liên Thánh nhân đang nhập từ tâm tam muội và tên sát nhân đứng bên ngoài hang tuyết chờ, bỗng nhiên lòng thù hận của ông bị tâm từ bi của vị Thánh Tăng này tác động, nên đã chuyển đổi từ tâm sát hại thành tình thương đối với Ngài. Và sau đó ông sám hối, xin làm đệ tử của Nhật Liên, trở thành người hầu cận sông chết với Ngài.

Đức Phật khuyên chúng ta trước nhất phải nhập từ tâm tam muội, nghĩa là vui từ trong lòng, nên gặp hoàn cảnh tốt xấu gì cũng vui, gặp đối tượng nào cũng cứu giúp được; còn buồn giận, bất mãn thì phải lo tu hành, thay đổi tâm tánh cho thanh tịnh. Nhập định, thương người, dù họ ở trước mặt hay ở xa, khi chúng ta khởi tâm đại bi trong Thiền định hay tam muội, họ vẫn cảm nhận được sự an lành. Người tu luôn giữ tâm đại bi và an trụ Thiền định, tâm đại từ đại bi phát xuất từ chánh định mang an vui, cứu giúp người thoát khổ.

Điều kiện thứ hai mà nhà truyền giáo cần có là tâm nhu hòa, nhẫn nhục được ví như áo Như Lai. Luyện tập "tánh nhu" là sẵn lòng mềm mỏng với người, người càng sân hận, ta càng trải tâm từ tiếp đón. Luyện tập "tánh hòa" bằng cách dùng trí tuệ của ta để giải nghiệp chúng sinh. Ta thuyết pháp, đặt mình vào hoàn cảnh người và dùng trí khôn theo Đức Phật để giải quyết việc khó của người. Còn thuyết pháp nói những điều không dính líu gì đến cuộc sống thì không mấy tác dụng. Trang bị tâm nhẫn nhục, ta mang quyền lợi cho người, cực khổ về ta; có như vậy, mới được người thương quý dù thuyết pháp bằng lời nói hay hành động, là mặc áo Như Lai.

Điều thứ ba là ngồi tòa Như Lai vì biết các pháp trong thế giới sinh diệt như mộng huyễn bào ảnh. Mọi vật đều hoàn không, không có gì tồn tại mãi và ta nhắm mắt lià đời cũng không đem theo được cái gì. Ý thức như vậy, chúng ta không bận tâm với nó, tất nhiên cũng không tham đắm nó, nên chẳng xảy ra vấn đề gì phải đối phó. Nếu chúng ta còn kẹt pháp hữu vi, mà không bảo vệ được điều mình thích thì phiền não nhân đó phát sinh và gây đụng chạm với người. Chúng ta coi như mọi sự việc đều không có, nhưng ta sử dụng nó như phương tiện để cứu đời; không phải không có rồi buông tay thụ động, không làm việc lợi ích cho người thì uổng phí cuộc đời.

Thành tựu được ba đức tánh quan trọng : tâm đại từ bi, tâm nhu hòa nhẫn nhục và an trụ pháp Không thì dù pháp sư ở chỗ vắng, Đức Phật cũng sai hóa nhân đến nghe thuyết pháp và cùng tu hành với pháp sư, không chống đối. Nếu có người muốn hại pháp sư, Phật khiến bát bộ Thiên long che chở, bảo vệ. Và ai gần gũi pháp sư cũng được an lạc.

Nói gót theo Phật, phải rèn luyện ta thành điểm tựa của người; xã hội bất an thì ta là người có khả năng mang an lành đến cho người, thay Phật giáo hóa chúng hữu tình. Dù Đức Phật không hiện hữu trên cuộc đời, nhưng có pháp sư thành tựu tinh thần cao thượng như vậy, làm lợi ích cho người, coi như Đức Phật vẫn hiện thân ở đời.

---o0o---

Ý NGHĨA PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ 14

Đọc phẩm an lạc hạnh, cần ghi nhớ rằng trên bước đường theo dấu chân Phật, chúng ta làm bất cứ việc gì không an lạc sẽ không giải thoát được. Nói cách khác, chúng ta có thể sử dụng tất cả các pháp như phương tiện hành đạo, nhưng phải nhớ phương tiện nào cũng phải dẫn đến thân tâm an lạc; vì đạo Phật lấy giải thoát là chính.

Đức Phật dạy thân khẩu ý an lạc và kinh điển Đại thừa khai triển thêm thế nguyện an lạc, theo đó những gì chưa làm được, chúng ta phải để đó và nguyện đến khi có đủ điều kiện sẽ làm.

Theo pháp an lạc tu hành, thì không chán nản, không thoái tâm, không bỏ cuộc. Thật vậy, nhiều người chỉ vì quyết tâm phải thực hiện việc gì mà phải bị tan thân mất mạng hay bị tù đày, thân bại danh liệt. Vì làm chưa đúng lúc, không đúng chỗ, không đúng người, không thể thành công; hoa nở hay tàn cũng phải tuân theo quy luật tất yếu, không thể khác.

Câu nói nổi tiếng của Thiền sư Nhật Bản là đúng lúc giáo hóa mới giáo hóa được. Trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 7 Hóa Thành dụ cũng nói rõ ý này, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thành đạo rồi mà cũng phải chờ 10 tiểu kiếp mới thuyết pháp giáo hóa.

Phần Tích môn nhằm dạy các Bồ tát sơ tâm như chúng ta. Chúng ta chưa thấy đúng, chưa thấy xa, nhưng thường nghĩ rằng người khác làm được thì mình cũng làm được. Điều quan trọng là khi nào làm được. Người làm được là người đã có chuẩn bị. Theo tôi, dịp may chỉ đến với những người có chuẩn bị. Thể hiện tinh

thần này, Đức Phật nói Di Lạc Bồ tát là hàng Đẳng giác Bồ tát, thành Phật được; nhưng Ngài chưa hạ sinh trên cuộc đời vì quyền thuộc chưa thuần thực, dù bản thân Ngài đã trọn lành. Nói cụ thể, một mình ta tốt chưa đủ, còn cần người hợp tác với ta phải tốt. Quyền thuộc hay pháp lữ đồng hành xấu thì dễ phá hư việc của ta.

Sau khi nghe Đức Phật nói Ngài thành tựu hạnh kham nhẫn, khoan dung, từ bi đối với người ác xấu chuyên hại Ngài là Đề Bà Đạt Đa, giúp Ngài mau đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thì các Bồ tát mới phát tâm thấy việc giáo hóa chúng sinh dễ dàng quá, hay quá, họ liền phát tâm hoằng truyền kinh Pháp Hoa không tiếc thân mạng. Nói cách khác, họ suy nghĩ hy sinh làm một việc nào đó, để được thiện pháp, để chuyển kiếp được tốt đẹp hơn, thì có mất mạng cũng không sao.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi là bậc đại trí biết rằng những người mới phát tâm làm như vậy có hại hơn là lợi; vì nghiệp và phiền não sinh ra, họ sẽ vào ba đường ác, không thành Thánh, thành Phật được. Chỉ khi nào tâm hoàn toàn trong sáng và lòng từ bi bao phủ cả vạn vật mới đủ khả năng hoằng truyền kinh Pháp Hoa, tức làm những việc khó làm. Chưa đạt được tư cách và đạo lực như Phật và các vị đại Bồ tát mà đánh mất thân mạng này thì bị đọa. Thật vậy, nhờ có thân tứ đại như một công cụ giúp chúng ta tiến tu lên quả vị Hiền, Thánh, Phật; nhưng một phút sai lầm tan thân mất mạng, muôn kiếp trầm luân thì rất khó tu.

Vì vậy, cần suy nghĩ cân nhắc, nếu việc làm chúng ta đụng chạm quyền lợi của người khác, họ phải giết mình; việc có lợi cho họ, họ mới ủng hộ. Nhận thức như vậy, điều quan trọng nhất Đức Phật dạy chúng ta là phải sống vô hại đối với mọi người. Có thể khẳng định rằng thiện pháp nhỏ nhất chúng ta tu là phải không gây tổn hại cho bất cứ người nào; sống ở đâu hay làm bất cứ việc gì, giúp được người thì làm, không giúp được thì thôi, chứ không làm hại người. Đôi khi chúng ta nghĩ làm việc lớn lao, nhưng lại gây tổn hại vô số chúng sinh; như vậy, Phật khuyên thà đừng làm còn tốt hơn. Dù chúng ta làm không tiếc thân mạng, nhưng phải có lợi cho ta và cho người; hoặc chỉ lợi cho người thôi là cao quý.

Văn Thù Sư Lợi thấy Bồ tát sơ phát tâm thường nhiệt tình, nhưng chỉ nên nhiệt tình ở mức độ nào chấp nhận được; không thể lấy phước đức và hoàn cảnh tốt đẹp của người mà tự đặt cho mình được; coi chừng sa chân lỡ bước, rớt xuống địa ngục, ngạ quỷ, khó trở lại làm người. Thí dụ người có phước báo đầy đủ như ông Cấp Cô Độc chuyên cúng dường, nghe pháp, không cần quản lý công việc vì người làm của ông đều giỏi và hết lòng với ông. Ông bố thí liên tục một tuần, mở thí vô giá hội và càng cúng dường, bố thí, ông càng giàu thêm. Còn người khác bắt chước như ông mà sau trở thành nghèo khổ, buồn phiền thì họ đã rơi vào địa ngục, không cứu được.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hiểu rõ điều này, Bồ tát lớn càng tạo công đức càng giàu có thì tại sao lại không làm; nhưng Bồ tát nhỏ mới phát tâm, nghiệp còn nặng, phước còn ít, chỉ cúng dường vài trăm ngàn đồng thì không còn tiền để sống, chắc chắn phiền não sinh ra. Vì vậy, Đức Phật khuyên người sức yếu đừng mang vác nặng vì không đi xa được; người mới tu cũng vậy, không làm nổi việc lớn. Đức Phật nói đến Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, thường ví như sức voi có khả năng chở nặng và đi ngược dốc mà không có loài thú nào ngăn cản được bước tiến. Trong khi Mục Kiền Liên là Thanh văn ví như sức con nai chỉ kéo được một chiếc xe nhỏ chở được một người thôi. Chúng ta tự lượng sức mình, có chở nặng được không, có leo ngược dốc nổi không, nghĩa là có chống được thiên ma hay không. Hàng Thanh văn hầu hết phải tu xả ly, chưa nghĩ đến cứu mang người; vì tự biết nghiệp dày phước mỏng, không gánh vác được việc lớn, cho nên lo giải thoát cho mình là chính.

Đức Phật dạy rằng Bồ tát nhỏ làm việc nhỏ, nghĩa là làm việc phụ. Những người thông minh, khỏe mạnh, mới gánh vác việc lớn, thí dụ có khả năng xây chùa, bố thí, đào tạo người; vì họ có tiền nhiều, có nhân lực. Chúng ta làm những việc này không nổi, thì chỉ làm phụ như quét dọn chùa, bảo quản chùa, v.v... Và biết mình sức nhỏ, chúng ta phải tìm Bồ tát lớn để làm quyền thuộc, hợp tác với người có khả năng lãnh đạo để mình được đóng góp công sức, cũng có được chút phước; còn tự làm là chuốc họa vào thân. Điều quan trọng là tu tạo cho phước đức đầy đủ thì làm việc gì cũng được; không có phước đức, cố làm thì chẳng những việc lớn không thành mà việc nhỏ cũng không xong.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi biết rằng các Bồ tát sơ phát tâm chưa có kinh nghiệm, không lường trước được thực tế phũ phàng, nên Ngài thương xót họ mà hỏi Đức Phật rằng sau Phật diệt độ, phải làm thế nào để hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Đức Phật dạy Bồ tát Văn Thù Sư Lợi rằng phải trụ bốn pháp mới hoằng truyền kinh Pháp Hoa được. Bốn pháp an lạc đó là thân cận xứ, hành xứ, hạnh an lạc và phát khởi tâm đại từ bi.

Ngài Huệ Tư đại Thiên sư lý giải thêm hữu tướng an lạc hạnh và vô tướng an lạc hạnh. Vô tướng tức là tướng để trụ an lạc, nghĩa là không bận tâm việc thế gian, tâm thuần Phật pháp thì bên ngoài xảy ra bất cứ việc gì, mình cũng không để tâm đến. Như vậy, khi đã trụ vô tướng an lạc hạnh, việc xấu mấy cũng không bị ảnh hưởng, vì mình đã trụ Phật pháp và chắc chắn rằng ở trong nhà Phật pháp là an lành nhất. Được Phật pháp che chở, chúng ta không khởi tâm, không động niệm. Trụ vô tâm như vậy, việc gần chúng ta nhất là bạn nói gì, chúng ta cũng không thắc mắc buồn phiền; còn nghe còn khởi niệm là còn có vấn đề xảy đến cho mình. Dùng

vô tâm, trụ vô tướng, sống trong Phật pháp và giáo hóa chúng sinh bằng công đức của mình. Những người có duyên, Phật sẽ khiến họ đến và mình dạy họ hoàn toàn khách quan; đó là trụ vô tướng, nên thân và tâm hoàn toàn được an lành.

Tuy nhiên, chưa trụ được vô tướng an lạc hạnh, thì phải trụ hữu tướng an lạc hạnh. Nghĩa là chúng ta còn sống trên cuộc đời, còn sinh hoạt với sáu giác quan, tức còn ở trong hữu tướng là ở trong thế giới sai biệt, thì tùy theo sự sai biệt này mà tu hành. Vì vậy, Đức Phật dạy chúng ta nơi nào nên thân cận, nơi nào nên tránh; việc nên làm, việc không nên tham dự; người nên tiếp xúc, người phải tránh, kinh Pháp Hoa gọi là thân cận xứ và hành xứ.

Như vậy, hữu tướng an lạc hạnh là có sự chọn lọc, chọn thiện tránh ác để được an lành. Đức Phật dạy nên tiếp xúc với thiện tri thức, hay thầy hiền bạn tốt để hỗ trợ cho việc tiến tu của chúng ta. Đến học hỏi với người hiền, người tốt, vì gần họ, tánh xấu của chúng ta không khởi lên và tánh tốt của chúng ta được sinh ra. Người hiền, người tốt không hại ta mà còn cảm thông, an ủi ta, cho ta những lời khuyên chánh đáng để ta tự sửa mình và họ cũng không kể tâm sự của ta cho người khác nghe. Gần người hiền, người tốt chắc chắn chúng ta được an vui.

Hạn người ác xấu, hung dữ, lừa dối, nhiều chuyện, chúng ta không khinh để họ, nhưng không dám gần gũi họ; vì chúng ta phước mỏng và nghiệp nhiều, gần họ là lãnh thêm nghiệp của họ, chúng ta không gánh vác nổi.

Nói chung, gần gũi người mà thấy tâm mình được an lành, được sáng suốt, bớt phiền muộn, thấy mình gần Phật hơn, thì ta nên gần người như vậy. Gần người mà tâm mình bị khuấy động lên, bất bình với cuộc đời, thù hận nổi lên thì ta phải tránh.

Trước nhất, nói về thân an lạc, giáo sư Kubota kiến giải rằng đặt thân vô chỗ an thì thân được an. Hành giả Pháp Hoa phải biết rõ chỗ an là chỗ không tranh chấp, không có quyền lợi, không dính líu đến chính trị, kinh tế, xã hội. Sự an lạc này thường được diễn tả rằng "Cái thân ngoại vật là Tiên trên đời". Chỗ nào có tranh giành, có quyền lợi thì ta không để tâm, không tìm đến là được an liền tức khắc. Đức Phật cũng nói rằng chỉ có đời tranh chấp với Ngài, Ngài không bao giờ tranh chấp với đời.

Thứ hai là khẩu an lạc, cần biết những điều đáng nói và điều không nên nói. Khi hiểu biết chưa chính xác, lời nói chưa có giá trị, thì nên ít nói cho đến không nói. Ít nói ít lỗi và không nói điều không có, kể cả người có lỗi thật, chúng ta cũng không nói là khẩu được an. Không nhìn, không biết lỗi của người khác, vì biết quá nhiều cái xấu của người, thì mình khổ tâm trước. Và còn nguy hiểm hơn nữa là biết

lỗi của người, họ sẽ hại mình để "bịt đầu mối"; thậm chí mình không nói mà họ còn nghi mình nói, vì mình đã thấy biết tội lỗi của họ. Trong kinh Viên Giác cũng dạy rằng không nên nói lỗi của người.

Trên bước đường tu, những điều đáng nói là điều có lợi ích mà ta đã trải nghiệm có kết quả tốt đẹp, thì nên dạy cho người; nhưng cần hiểu thêm rằng hoàn cảnh của ta, nghiệp của ta và của người không giống nhau. Vì vậy, cần cân nhắc có những điều tốt thật cũng không nói vì nói phải đúng lúc, đúng chỗ, đúng người. Hòa thượng Trí Tịnh thường nhắc nhở rằng không phải thấy đúng là nói, phải có lợi cho mình và nhiều người mới nói. Đức Phật trên bước đường thuyết pháp giáo hóa thường quán nhân duyên xem người nghe áp dụng được thì Ngài mới dạy, không nói chơi. Và chưa đúng lúc nói thì phải chờ; vì nói không đúng lúc chẳng những họ không nghe còn chống lại. Điển hình cho ý này là Ngài Phú Lô Na bị Ngài Duy Ma quở trách tại sao lại đem pháp "Vô thường, Khổ, Không" để giảng dạy cho những thanh niên còn đầy nhiệt huyết muốn vươn lên trong cuộc sống, muốn dẫn thân vào đời giúp người. Như vậy giáo pháp đúng, nhưng còn phải có phương tiện huệ, nghĩa là biết rõ nói pháp đó thích hợp với đối tượng nào và nói lúc nào là tốt.

Thứ ba là ý an lạc, giữ tâm mình cho trong sạch, bằng cách luôn đọc tụng kinh điển và suy nghĩ sâu xa nghĩa lý của kinh, chắc chắn được an lạc. Mọi người thấy mình an trú trong công phu tu tập như vậy, họ không nói được. Còn mình đến người này chơi thì người kia sinh nghi mình.

Bên cạnh thân, khẩu, ý an lạc, còn có thệ nguyện an lạc rất quan trọng. Ví dụ thấy bạn sai, nếu không nói là mình ích kỷ, nhưng nói thì có chuyện. Vì vậy, thệ nguyện an lạc là không thể khuyên người được thì để đó, lúc nào thuận tiện nói được, nghĩa là họ phát tâm muốn sửa đổi, nói họ mới nghe theo. Thậm chí có những việc phải chờ đến lúc chúng ta thành Vô thượng Chánh đẳng giác, họ coi lời nói chúng ta có giá trị và thật sự muốn nghe, mới chỉ dạy được. Còn hoàn cảnh ta xấu hơn họ, làm sao họ nghe theo; hoặc học vị ta thấp thì khó nói cho người học vị cao nghe, ta nghèo không thể nói cho người giàu theo.

Tóm lại, kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho những điều cao quý nhất trên thế gian và kinh này được thể nghiệm lợi lạc ngay cuộc sống thế gian. Vì vậy, hành giả sơ phát tâm muốn dẫn thân vào đời hành Bồ tát đạo theo tinh thần Pháp Hoa cần phải an trú trong bốn pháp an lạc được Đức Phật chỉ dạy rõ ràng, mới có thể có cuộc sống an lành, giải thoát mà tiến tu đạo nghiệp vững vàng, kiên cố trên bước đường tự hành hóa tha.

---o0o---

Ý NGHĨA PHẨM BỒ TÁT TÙNG ĐỊA DỪNG XUẤT THỨ 15

Mở đầu phẩm này, chúng ta thấy các Bồ tát mười phương xin hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà sau khi Như Lai diệt độ. Nhưng Đức Phật Thích Ca từ chối lời thỉnh cầu này và nói rằng tại Ta bà đã có vô số Bồ tát sẽ thay thế Phật hoằng truyền kinh Pháp Hoa sau khi Ngài diệt độ.

Di Lạc Bồ tát đứng đầu Bồ tát mười phương mới hỏi Đức Phật rằng từ trước tới nay, ở đây không thấy Bồ tát nào, sao Đức Phật lại nói như vậy. Liên lúc đó, đất đều rung nứt và vô số Bồ tát Tùng địa dừng xuất từ đất vọt ra.

Đọc đoạn này, chúng ta bắt đầu suy nghĩ về Bốn môn Pháp Hoa; có thể nói rằng Phật giáo chúng ta dù sao sinh hoạt chính yếu vẫn là tôn giáo. Khởi đầu, Phật giáo Nguyên thủy lấy đạo đức là chính, nhưng qua Đại thừa, hướng sinh hoạt là kết hợp cuộc sống đạo đức và tín ngưỡng tâm linh, mới hình thành Pháp Hoa.

Bồ tát mười phương đến nghe Đức Phật thuyết pháp và phát nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa. Trong khi trên thực tế, chúng ta thấy Đức Phật Thích Ca có bốn chúng là Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di. Nhưng theo Pháp Hoa, bốn chúng nhập lại thành một chúng là Bồ tát, có Bồ tát tại gia và Bồ tát xuất gia. Bồ tát lấy việc phát huy trí tuệ và đạo đức là chính yếu, thì tùy theo trình độ tu chứng của mỗi người mà có trí tuệ và đạo đức lớn nhỏ khác nhau. Trí Giả đại sư ví tất cả đệ tử Phật đều là hoa sen, có cái mới nảy mầm, có cái còn trong bùn, có cái lên khỏi mặt nước... Mỗi người tu một cách khác nhau, nhưng muốn có kết quả tốt đẹp, phải đi vào thật tướng, tức là chấp nhận vị trí thật sự của mình để từ đó tiến tu lên; rời bỏ chỗ phát xuất của mình mà cố phát triển chỉ là đi tìm lông rùa sừng thỏ.

Đối với cách sắp xếp của chúng ta, Tỳ kheo đứng đầu bốn chúng và Ưu bà di đứng cuối, nhưng trong phẩm Đề Bà Đạt Đa của kinh Pháp Hoa, lại đưa Long Nữ lên vị trí cao nhất, vừa là nữ giới vừa là trẻ nhỏ mới 8 tuổi, thậm chí là loài rồng, mà Long Nữ thành Phật trong chớp mắt. Điều này nói lên cốt tủy của Pháp Hoa là tinh thần bình đẳng tuyệt đối trên thật tướng hay trên chân lý, vì không có sự đối đãi già trẻ, nam nữ, thông minh hay trí kém...; cho nên vấn đề giới tánh không quan trọng, cốt lõi bên trong là Phật tánh mới chính yếu. Long Nữ phát huy và vận dụng được Phật tánh một cách trọn vẹn, nên thành Phật.

Theo Pháp hoa, Bồ tát là chính yếu. Bồ tát có Bồ tát nhân gian, Bồ tát mười phương và Bồ tát tâm. Nhân gian Bồ tát là Bồ tát ở thế gian mang thân người, phát tâm Bồ đề, tu hạnh Bồ tát, cứu nhân độ thế. Bồ tát mười phương như Phổ Hiền ở

phương Đông, Quan Âm ở phương Tây đến Ta bà. Bồ tát mười phương là Bồ tát tâm linh, đến với Đức Phật bằng tâm nguyện, hạnh nguyện. Đức Phật Thích Ca thuyết Pháp Hoa ở Ta bà, nhưng Bồ tát Phổ Hiền ở thế giới phương Đông có cùng tâm nguyện, cùng hạnh nguyện với Đức Phật, nên tương thông với Phật, đến với Phật bằng tâm, gọi là Bồ đề tâm. Nếu là xác thân con người mà tụ họp đông người liền có chướng ngại, nhưng Bồ tát tâm, hay Bồ đề tâm thì trong một vi trần dung chứa được vô số Bồ tát, có vô số quốc độ không hề chướng ngại.

Mở đầu hội Pháp Hoa chỉ có hai vạn Bồ tát, nhưng đến phẩm 15 có bát thập vạn ức na do tha Bồ tát. Nghĩa là Đức Phật trải qua suốt 49 năm giáo hóa chúng sinh, làm nhiều việc lợi ích cho đời, thì số người tốt hiểu Ngài, kính mến Ngài, quy ngưỡng Ngài đông hơn, nên Ngài thành tựu nhiều việc độ sinh lớn hơn.

Bát thập vạn ức na do tha Bồ tát đến xin Đức Phật rằng sau khi Như Lai diệt độ, các Ngài sẽ truyền bá kinh Pháp Hoa là tư tưởng nhất Phật thừa. Tại sao Bồ tát mười phương lại phát nguyện như vậy. Trong phẩm Trì thứ 13, chúng ta thấy các vị Bồ tát mới phát tâm xin truyền bá kinh Pháp Hoa ở các nước nào có Phật, các Ngài không dám truyền bá Pháp Hoa ở Ta bà, vì sợ không đủ đạo lực, không kham nổi những người tệ ác, gọi chung là ba hạng tăng thượng mạn gồm có tục chúng tăng thượng mạn, đạo môn tăng thượng mạn và tiêm Thánh tăng thượng mạn. Tục chúng tăng thượng mạn là người ở ngoài Phật pháp thường chống phá người theo đạo Phật. Đạo môn tăng thượng mạn là người xuất gia tu hành nhưng tâm niệm ích kỷ, ganh tỵ nên thích phá hại người chân tu và tiêm Thánh tăng thượng mạn là người tu lâu nhưng có nhiều việc tệ ác. Đối trước sự chống phá của ba hạng tăng thượng mạn như vậy, làm sao truyền bá tư tưởng nhất Phật thừa. Các Thanh văn nguyện rằng Đức Phật sinh chỗ nào thì họ sinh theo hỗ trợ Ngài. Đức Phật còn tại thế, họ ở đây, nhưng Đức Phật Niết bàn, họ vào núi tu, không dám ở đây.

Bồ tát mười phương thấy các Bồ tát mới phát tâm không dám truyền bá kinh Pháp Hoa ở Ta bà, nên các Ngài mới phát nguyện truyền bá kinh này sau khi Đức Phật diệt độ. Nhưng Đức Phật cũng từ chối lời thỉnh cầu của Bồ tát mười phương.

Đức Phật dạy rằng các vị Bồ tát mười phương thuộc Pháp thân, Báo thân, hóa thân, không phải là sanh thân và không có nghiệp chướng tử của chúng sinh; cho nên cấu trúc cơ thể của các Bồ tát mười phương, cùng suy nghĩ và cách sinh hoạt của các Ngài hoàn toàn khác với Ta bà. Từ các Tịnh độ hoàn hảo thật sự, nghĩa là thân tâm thanh tịnh, tinh khiết hoàn toàn, nếu sinh lại thế giới Ta bà phải mang thân tứ đại, tất nhiên phải chịu sự chi phối của quy luật sinh già bệnh chết, lại thêm chịu sự tác động của xã hội, của phong tục, tập quán, v.v... nghĩa là chồng chất thêm sự ràng buộc nữa, e rằng không đủ sức chịu đựng.

Đức Phật khuyên Bồ tát mười phương chỉ nên đến Ta bà để biết thêm về cuộc sống của các loài hữu tình ở trong thế giới ngũ trược mà thôi, chứ các Ngài không thể thay Phật giáo hóa ở Ta bà. Nghe lời Đức Phật giải thích như vậy, các vị Bồ tát mười phương nhận ra rằng hành đạo ở Ta bà phải có sức kham nhẫn lớn lao như các vị đại Bồ tát là Quan Âm mới có khả năng ở ngay Ta bà cứu độ chúng sinh, hoặc Bồ tát Địa Tạng mới đủ sức vào địa ngục cảm hóa tội nhân.

Sau đó, Đức Phật bảo các Bồ tát mười phương yên tâm vì ở Ta bà đã có vô lượng Bồ tát hoằng truyền kinh Pháp Hoa, không thể thấy được bằng mắt thường và ngay cả Bồ tát Di Lặc cũng không thấy biết các vị này; đó là sáu muôn hằng hà sa Bồ tát Tùng địa dũng xuất chỉ thấy được bằng Phật huệ. Đến đây, Đức Phật mở ra cho chúng ta cái nhìn về mặt siêu hình hay mặt tâm linh là mặt thật của cuộc đời; đừng thấy mặt hiện tượng sinh diệt là mặt giả tạm. Tu Pháp Hoa phải dùng tâm quán sát sự vật, hướng về nội giới, không dùng mắt thường, không chấp vào văn tự, vì sẽ phạm nhiều sai lầm. Một vấn đề chúng ta không thể giải quyết ổn thỏa chỉ ở mặt hiện tượng vật chất, nhưng phải giải quyết về tình cảm, về xã hội, về tâm linh mới quan trọng.

Nhìn về siêu hình, như Đức Phật Thích Ca đã dạy rằng, Ngài thành Phật từ vô lượng kiếp, vì thương nhân gian mà Ngài hiện thân lại thế gian này, mang thân người. Tuy có thân người, nhưng Ngài không có tâm nhiễm ô tội lỗi như mọi người, vì Đức Phật đã đoạn sạch nghiệp, cho nên Ngài khác với chúng ta. Đức Phật sống gần gũi chúng ta, nhưng bên trong Ngài quan hệ với chư Phật và chư Bồ tát trong mười phương. Đức Phật cũng xác định rằng ban ngày Ngài giảng dạy các Tỷ kheo, ban đêm Ngài thuyết pháp cho chư Thiên và Bồ tát, cũng như liên lạc với chư Phật trong khắp Pháp giới. Như vậy, tâm Phật quan hệ với Bồ tát, La hán, chư Thiên; còn thân hữu hình của Ngài thuyết pháp giáo hóa chúng ta. Từ đó, chúng ta thấy Đức Phật là thấy sắc thân Ngài và Đức Phật cũng tùy thuận với hoàn cảnh của chúng ta mà thuyết pháp giáo hóa. Có thể nói tuy Đức Phật sống với chúng ta, Ngài vẫn thấy thế giới sinh diệt này là giả tạm và thật sự tâm Ngài vẫn sống với thế giới vĩnh hằng bất tử. Và Đức Phật cho biết quyền thuộc thân cận với Ngài có đến sáu vạn hằng hà sa Bồ tát Tùng địa dũng xuất đóng vai trò quan trọng hơn cả; trong khi loài người thấy Đức Phật đơn độc một mình dưới cội Bồ đề.

"Đức Phật vừa mới dứt lời, ba ngàn thế giới rung động sáu cách, vô số Bồ tát bỗng nhiên xuất hiện. Các Bồ tát này thân màu hoàng kim..."

Tôi suy nghĩ ý này rất lâu. Chúng ta tu hành cứ nghĩ Ta bà là biển khổ; vì chúng ta có tâm trạng và suy nghĩ như vậy, nên hiện lên thế giới khổ đau theo nghiệp thức khổ đau của chúng ta. Tâm chúng ta nghĩ người xấu, thì người phải

xấu với chúng ta và tất cả mọi người trên cuộc đời này cứ phá hại nhau theo cách suy nghĩ xấu, theo tâm xấu đó. Nhưng Đức Phật thì trái lại, Ngài đắc đạo, tâm Phật hoàn toàn thánh thiện, thân Ngài phước lành vô tận, đến nơi nào Đức Phật cũng cứu khổ ban vui cho mọi người. Đức Phật đã thể hiện phương cách sống chuyển hóa từ tâm cho đến hành động, từ Bồ tát tâm biến thành Bồ tát hạnh khiến cho người người thương quý Đức Phật và tác động cho người hung ác như vua A Xà Thế, hoặc người tội lỗi như Vô Não phải buông bỏ vũ khí để trở thành Phật tử. Sự xuất hiện của Đức Phật trên cuộc đời vô cùng thánh thiện như vậy, đã làm thay đổi cách suy nghĩ và việc làm của mọi người thật sự tốt đẹp mà kinh điển tả là ba ngàn thế giới rung động sáu cách.

Từ tâm tốt và hạnh tốt, làm những việc có ý nghĩa, lợi ích cho đời, cho đạo sẽ khiến những người có cùng suy nghĩ tốt, muốn làm việc tốt tìm đến hợp tác với chúng ta; đó chính là ý nghĩa vô số Bồ tát xuất hiện. Như vậy, Bồ tát này phát xuất từ tâm, từ hạnh của chúng ta. Cuộc đời giáo hóa độ sinh của Đức Phật thể hiện rõ ý này. Đại đệ tử của Đức Phật như Xá Lợi Phất Mục Kiền Liên tu theo đạo thần lửa, Ca Diếp theo đạo thần rắn, Ca Chiên Diên là chiêm tinh gia, nói chung phần lớn họ theo ngoại đạo; nhưng Đức Phật đã chuyển hóa họ thành Thánh La hán. Tại sao Đức Phật giáo dục được nhanh như vậy. Đức Phật cho biết từ khi Ngài phát tâm Bồ đề, tu Bồ tát hạnh, tức làm việc mang an vui, lợi ích đến cho người, thì những vị đệ tử này đã là quyến thuộc của Đức Phật, từng đồng hành, đồng sự trong quá khứ với Ngài. Nói cách khác, họ đã tu tạo phước đức trí tuệ dưới sự chỉ dạy của Đức Phật, cho nên hiện đời họ xuất hiện với tư cách ưu việt, thành tựu được những việc khó làm. Họ tiến tu nhanh vì cái gốc đã là người tu nhiều đời rồi, như Xá Lợi Phất đã theo Phật 60 tiểu kiếp, nên nhìn thấy Phật là đấng quả A la hán liền, hoặc Mục Kiền Liên xưa là ngũ thông tiên nhân, nay gặp Phật tu một ngày thôi là đấng La hán. Điều này nhằm nhắc nhở chúng ta tu hành phải tạo nhân tốt thì tái sinh, chúng ta sẽ có thành quả tốt.

Trong cuộc sống con người, có quan hệ vật chất và quan hệ vô hình. Quan hệ vô hình của mọi người còn trong sinh tử là quan hệ bằng tâm thức đầy phiền não, nhiễm ô, xấu ác, cho nên chúng sinh luôn đau khổ. Quan hệ vô hình của Đức Phật Thích Ca là mối tương quan với chư Phật, chư Bồ tát và với tất cả chúng sinh đều bằng tâm sáng suốt, thanh tịnh, giải thoát; cho nên mọi việc, mọi người đối với Đức Phật tốt đẹp vô cùng. Tâm Phật hoàn toàn thanh thản, Ngài mới hiện ra tướng hoàn toàn giải thoát. Đức Phật thanh thản, vì Ngài biết rõ mọi việc tận nguồn ngọn, vì phước đức vô lượng Ngài đã tạo rồi, vì nhân lành của Ngài đã viên mãn, không ai có thể hại Ngài, thì còn gì để lo sợ, buồn giận. Phải thấy trí giác và phước đức của Đức Phật hoàn hảo như vậy, đừng thấy Ngài là người bình thường và cũng phải thấy mối quan hệ của Đức Phật ở mặt siêu hình hoàn toàn an ổn tốt đẹp.

Chính vì lực bên trong thuần thiện như vậy, cho nên Đức Phật đến nơi nguy hiểm giáo hóa, Ngài vẫn bình an. Điển hình như vua A Xà Thế thả voi say hại Phật, hoặc giáo chủ thờ thần rắn là Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp thả rắn độc giết Phật, vẫn không hại được Ngài, mà voi và rắn còn phủ phục dưới chân Đức Phật. Đức Phật bình yên đối trước tình huống không yên chút nào, vì đã có lực bảo vệ của thế giới vô hình, gần nhất là có Thiên long bát bộ đối phó, bảo vệ Ngài. Vòng ngoài bảo vệ Phật an toàn như vậy, còn chính bản thân Đức Phật vẫn luôn an nhiên tự tại, vì với huệ nhãn, Ngài thấy rõ tất cả mọi việc đều được giải quyết ổn thỏa; có người gây rối thì cũng có người đến bảo vệ Ngài.

Đối với chúng ta quyết tâm tu theo Phật cũng sẽ nhận được lực gia hộ, mà chúng ta thường gọi là Phật hộ niệm rất quan trọng. Tôi luôn nghĩ rằng nếu không được Phật hộ niệm thì tôi không làm được gì cả. Điều dễ thấy là khi chúng ta có tâm lòng hy sinh vì đạo, chắc chắn sẽ được chư tôn đức quý trọng và anh em bạn cũng không ganh tức với ta, vì ta hy sinh; còn tranh giành quyền lợi thì người phải ghét. Có thể nói được Tăng Ni, Phật tử ủng hộ thì chúng ta sẽ được Phật hộ niệm.

Tôi nghĩ rằng khi ta quyết lòng và phát tâm sống chết với đạo, Phật lực mới gia bị và có Đức Phật hộ niệm thì mọi việc đều tốt lành. Phát nguyện hành Bồ tát đạo, tức có tâm tương ưng với Phật, mới nhận được sự mật tá của Ngài. Tôi thường lay Bồ tát Tùng địa dũng xuất và cầu nguyện các Ngài thăm giúp cho tôi. Các Ngài muốn làm việc cứu nhân độ thế và tôi tình nguyện làm thì xin các Ngài trợ giúp.

Đức Phật cho biết có sáu vạn hằng hà sa Bồ tát Tùng địa dũng xuất mà dẫn đầu là bốn vị Bồ tát thượng thủ : Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh. Các vị đại Bồ tát này thay Đức Phật giáo hóa chúng sinh ở Ta bà, nên Đức Phật không bận tâm. Mỗi vị dẫn theo vô số quyến thuộc đồng hạnh đồng nguyện, nghĩa là tất cả những vị này làm việc gì thì đều cùng đồng lòng chung sức, nên việc khó cũng trở thành dễ. Chúng ta không làm được việc, vì chín người mười ý; thậm chí có người không làm mà chỉ chuyên chống phá.

Các vị Bồ tát Tùng địa dũng xuất tiêu biểu cho đạo đức, tri thức và năng lực vẹn toàn, thể hiện qua "thân kim sắc", tức không có chút tỳ vết nào có thể chỉ trích được. Đức Phật chọn Bồ tát Thượng Hạnh làm quyến thuộc đứng đầu, ta cũng theo gót chân vị Bồ tát này, phát tâm làm việc khó làm và làm với tất cả tâm lòng, vô điều kiện, chắc chắn Đức Phật sẽ chọn và bỏ xú ta. Trên bước đường hành đạo, đến nơi nào, cũng phải vượt trội hơn người về hiểu biết, sức khỏe, năng lực, việc làm, chắc chắn chúng ta dạy họ dễ dàng, thay Đức Phật truyền bá tư tưởng Phật thừa; đó chính là ý nghĩa thượng hạnh. Còn họ cho chúng ta ăn và xem thường chúng ta làm sao truyền bá pháp Phật.

Vị Bồ tát thứ hai được Đức Phật chọn là Vô Biên Hạnh, tức Bồ tát đa năng, làm việc gì cũng được, làm không câu nệ, không đòi hỏi, không lựa chọn công việc. Ở lãnh vực nào cũng ứng xử một cách tốt đẹp là đa năng theo Đại thừa. Đức Phật lãnh đạo được tất cả thành phần xã hội, thể hiện tinh thần đa năng một cách siêu tuyệt, nên Ngài làm thầy của chư Thiên, vua chúa, Tỳ kheo, Bồ tát... Còn chỉ có một hạnh là Độc giác hay Thanh văn, không phải Phật. Riêng chúng ta thể hiện sự đa năng, hiểu biết rộng, làm được nhiều việc, tuy không giỏi, nhưng chúng ta có nhiều cơ hội để làm. Có thể nói ở giai đoạn đa năng nhiều lãnh vực, xã hội cũng cần chúng ta, khi sinh hoạt của cộng đồng chưa đạt tới mặt chuyên.

Bồ tát ở vị trí thứ ba là Tịnh Hạnh chỉ cho Bồ tát sống trong chánh định, không nương phúc lợi thế gian để sống; nói cách khác, không cần tiếng khen và lợi dưỡng. Đặc điểm của Bồ tát Tịnh Hạnh là dần thân hành đạo, chịu cực mà không đòi hỏi lợi lộc gì, lúc nào tâm Bồ tát cũng an tịnh, ôn hòa, trong sạch, không có lỗi lầm nên được Đức Phật chọn làm quyến thuộc của Ngài.

Thứ tư là Đức Phật chọn Bồ tát An Lập Hạnh, tức làm việc theo yêu cầu của nhiều người, không từ nan, không yêu sách. Nhiều người giỏi, nhưng không làm được việc vì đòi phải giao cho chức này, việc nọ mới làm.

Chúng ta nên tập bất cứ yêu cầu nào của đạo pháp, của xã hội, cũng sẵn lòng. Và theo kinh nghiệm riêng tôi, năng lực cao mà làm việc thấp thì thừa sức, dễ thành công; chỉ sợ năng lực ta kém mà làm việc lớn là tự chuốc họa cho mình. Được giao nhiệm vụ và hoàn thành thì còn danh dự hơn là chức lớn mà không làm được việc. Được việc nhỏ, thì người mới giao việc lớn.

Đức Phật chọn Bồ tát làm việc là Bồ tát ẩn danh hay vô hình, tức không cần danh lợi. Đặc tính này được kinh Pháp Hoa diễn tả là Bồ Tát Tùng địa dũng xuất không nương Trời người. Bồ tát còn cần danh lợi thì còn nương Trời người. Đức Phật làm được việc lớn vì Ngài có quyến thuộc là những Bồ tát siêu việt đông vô số thâm trợ giúp Ngài, thì việc gì mà không thành. Đây là điểm quan trọng mở ra cho chúng ta nhận chân được con người thật của Đức Phật.

Đến hội Pháp Hoa, Đức Phật mới giới thiệu những quyến thuộc siêu đẳng là bốn vị Bồ tát Tùng địa dũng xuất thượng thủ : Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh và sáu vạn hằng hà sa Bồ tát Tùng địa dũng xuất mà cả Trời người đều không biết, thậm chí Bồ tát Di Lặc cũng không biết. Vì vậy các Ngài là Bồ tát nội bí ngoại hiện, nghĩa là bề ngoài các Ngài bình thường, nhưng bên trong phi thường, mới làm được việc lớn.

Thực tế, chúng ta thấy những người không làm được nhưng khoe khoang đủ thứ. Hạng ưa kể công này nên bỏ đi, không sử dụng được. Hạng thứ hai là Bồ tát nhỏ làm việc nhỏ và làm được việc gì thì mọi người đều biết. Người biết rõ khả năng và bản tánh ta, họ biết ta mà ta chưa biết họ, nên ta chỉ làm được việc nhỏ.

Hạng thứ ba là Bồ tát nội bí ngoại hiện, làm tất cả, nhưng người không biết vì làm âm thầm, không cầu danh. Bồ tát không tự xưng rằng mình làm được việc này, việc kia, nhưng tìm người nào làm được thì Bồ tát giúp họ. Họ làm coi như Bồ tát làm và họ thành công cũng phát xuất từ sự giúp đỡ của Bồ tát, đó là thành công của Bồ tát Tỳ địa dũng xuất.

Nói cho dễ hiểu, ví dụ tôi là Bồ tát nhỏ làm những việc như Trưởng ban Hoàng pháp, Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, v.v... ; đó là những chức vụ hữu danh mà ai cũng biết. Nhưng quan trọng là lực vô hình của Phật tác động, gia bị cho tôi làm được. Là nhà tôn giáo, chúng ta mới nhận chân được lực gia bị vô hình của Đức Phật và chư Bồ tát giúp chúng ta thành tựu những Phật sự đáng kể trong cuộc đời hành đạo. Ý thức như vậy, một mặt chúng ta nuôi dưỡng hạnh khiêm tốn, một mặt nỗ lực tiến tu để tạo được lực tác động của riêng mình, mới làm được việc lớn, cho đến tác động được muôn pháp trong vũ trụ là đạt quả vị Như Lai, vì Như Lai chuyển vật, còn chúng sanh thì bị vật chuyển. Như vậy, nếu có bốn Bồ tát Tỳ địa dũng xuất thượng thủ là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh trợ lực từ thế giới siêu hình cho đến xuất hiện trong thực tế cuộc sống có sự hợp tác của bốn hạng người có khả năng vượt trội như vậy thì mọi việc của chúng ta thành tựu dễ dàng.

Đức Phật nói có Bồ tát mười phương đến giúp hay không, không thành vấn đề; vì những Bồ tát Tỳ địa dũng xuất tự làm được, tức do công đức tu hành của chính mình mới quan trọng. Ý chính này được Đức Phật giải thích rằng hằng hà sa Bồ tát Tỳ địa dũng xuất do chính Đức Phật giáo hóa sau khi Ngài thành Phật, tức đạt được sự hiểu biết chính xác và tâm thanh tịnh hoàn toàn, thấy được sự thật của sự vật mới giáo hóa được. Và trải qua vô lượng kiếp từ khi thành Phật đến nay, với phước đức và trí tuệ viên mãn đã có sẵn, với quyến thuộc và bạn bè trong vô hình tài đức siêu phàm, nay gặp lại trong hiện đời, những người tài giỏi, đức hạnh phát tâm theo Phật vô điều kiện, thì không có việc khó nào mà Đức Phật Thích Ca không thành tựu.

Còn chúng ta từ quá khứ cho đến ngày nay đã tạo quá nhiều oan gia, nay chúng ta mới phát tâm tu, họ nghe mình sắp đi xa theo Phật, nên vội vàng kéo tới đòi nợ. Trong thế giới sinh tử này, ta nợ người, người nợ ta; hôm nay họ chưa đòi

được thì mai kia họ đòi. Chưa tu, không có vấn đề; nhưng phát tâm thật tu, đủ thứ rắc rối tìm đến, vì đã tạo nhiều nghiệp quá khứ. Những người hiện đời tu dễ dàng, vì bạn bè tốt trong quá khứ đã kết nối và nghiệp quá khứ không có, hoặc có ít.

Riêng Đức Phật từ khi thành Phật cho đến hiện đời giáng sinh ở thành Ca Tỳ La Vệ, đã giáo hóa biết bao người đi theo con đường thánh thiện, thì khi Ngài tái sinh lại cuộc đời này, những người tốt, người giỏi sinh theo làm quyến thuộc cùng hoàng dương chánh pháp với Ngài, hoặc thân cận, cúng dường, hộ pháp, bảo vệ Ngài.

Nhìn người đến với chúng ta mà tự biết được nghiệp duyên quá khứ của mình. Theo tôi, đối với nghiệp duyên quá khứ xảy đến, một là nhịn, hai là tránh mặt và ba là tránh lòng. Tránh mặt thì dễ, không gặp gỡ sẽ không đụng chạm, không buồn phiền; nhưng lỡ gặp, hay bắt buộc gặp thì không có cách gì tốt hơn là chịu thua họ, vì tranh cãi chỉ làm cho nghiệp mình tăng thêm mà thôi. Khi tránh mặt rồi, chúng ta tránh lòng; nghĩa là thấy họ, nhưng lòng chúng ta nghĩ đến Phật, nhiếp tâm niệm Phật để thay thế hình ảnh mà mình không bằng lòng. Và mặt đã tránh, lòng cũng không nghĩ đến người, giúp cho tâm chúng ta thanh tịnh. Chúng ta nuôi dưỡng quyến thuộc Bồ đề theo phương cách này và phát triển được càng nhiều quyến thuộc Bồ đề thì ác ma không làm gì được chúng ta. Đơn giản là xóa bỏ việc xấu ác bằng cách làm việc thiện lành, sẽ dẫn đến kết quả là thăng hoa mặt tốt càng lớn, mặt xấu tự động bị tiêu diệt.

Đức Phật Thích Ca trong vô số kiếp quá khứ đã dìu dắt nhiều người đạt được trí sáng suốt, năng lực và đức hạnh vô song, được tiêu biểu qua hình ảnh vô số Bồ tát Tùng địa dũng xuất trong thế giới siêu hình và thể hiện trên thực tế cuộc sống là 1250 vị Hiền Thánh đệ tử thân cận với Ngài trên bước đường giáo hóa độ sinh, xây dựng nên đạo Phật lợi lạc cho quần sinh, có giá trị vượt thời gian và không gian; cho đến thời hiện đại giáo pháp của Đức Phật vẫn còn là kim chỉ nam giúp cho nhân loại tạo dựng thế giới hòa bình, an lạc, hiểu biết, cảm thông, chia sẻ và phát triển. Đó chính là ý nghĩa mà Đức Phật muốn chỉ dạy qua hình ảnh Bồ tát Tùng địa dũng xuất.

---o0o---

Ý NGHĨA PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ MƯỜI SÁU

Trong kinh Pháp Hoa, từ phẩm Tùng địa dũng xuất thứ 15 đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ 28, thuộc phần Bốn môn Pháp Hoa. Bốn môn là đề tài lớn của kinh Pháp Hoa được chư vị Tổ sư và các học giả giải thích nhiều khía cạnh khác nhau. Theo tôi, giải thích cách nào cũng được, miễn là làm tăng trưởng niềm

tin của chúng ta đối với Đức Phật và giáo pháp của Ngài để từ đó chúng ta thăng hoa đạo hạnh và tri thức.

Phật giáo được coi là môn triết học, hoặc cũng có người nói đó là khoa học và đối với người tu thì đó là tôn giáo; tùy theo quan niệm như thế nào thì đi sâu vào lãnh vực đó. Tuy nhiên, từ khởi đầu, Đức Phật luôn được xác định là vị Đạo sư dẫn đường và kinh Nguyên thủy thường nhấn mạnh rằng Đức Phật là bậc Thầy vĩ đại không ai có thể sánh bằng.

Thực tế cho thấy nếu người thầy tốt thì về sau, những gì thầy chỉ dạy trở thành học thuyết như học thuyết Khổng, Mạnh, Lão, Trang và thầy qua đời là tư tưởng của thầy chấm dứt, hoặc có tồn tại chăng cũng chỉ là món đồ cổ để đời sau tham khảo cho biết. Nếu theo quan niệm như vậy thì Phật giáo không phải là tôn giáo.

Vì thế, bước sang tư tưởng Đại thừa, người ta quan niệm rằng Đức Phật có sanh thân là bậc Thầy cao quý nhất, Ngài còn có Báo thân là thân phước đức, trí tuệ. Chúng ta theo Đức Phật là theo phước đức, trí tuệ của Ngài. Vì vậy, mặc dù Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời, nhưng đạo đức và trí tuệ của Đức Phật vẫn còn là kim chỉ nam hướng dẫn mọi người trong cuộc sống sau khi Đức Phật nhập diệt hơn 2.500 năm.

Và nhìn xa hơn nữa, chúng ta theo đạo đức, trí tuệ của Đức Phật và trong tâm tâm mọi người nghĩ về Đức Phật, vẫn cảm nhận như Đức Phật còn hiện hữu. Vì thế, đến thời Phật giáo phát triển, nảy sinh tư tưởng Đức Phật hiện hữu là hiện hữu trong giáo pháp Pháp thân. Giáo pháp hàm chứa trí tuệ và đạo đức, nên chúng ta đọc kinh điển, tìm thấy Đức Phật ở trong kinh điển. Như vậy, chúng ta và Đức Phật có quan hệ qua kinh điển, cho nên những nhà phạm hạnh ẩn cư tu hành, nghiền ngẫm kinh điển và an trụ trong yếu nghĩa kinh để sống với Đức Phật.

Tìm thấy Đức Phật trong kinh điển và tiến xa hơn về tâm linh, nhận chân được tất cả sinh hoạt của chúng ta đều có tương quan mật thiết với thế giới siêu hình, chứ không đơn thuần nằm trong tri thức và đạo đức. Thí dụ như tôi tu hành trải qua hơn 50 năm, kiểm tra lại những việc thành tựu được phần nhiều vượt trên tri thức và khả năng mình. Vì vậy, đến bước thứ ba, phải ghi nhận rằng có Đức Phật hộ niệm, có Bồ tát, Hộ pháp long thiên hỗ trợ cho chúng ta thành tựu những việc khó làm. Vậy Đức Phật này ở đâu ?

Tất nhiên chúng ta phải nghĩ đến Đức Phật siêu hình, đó là tư tưởng của Đại thừa hay Pháp Hoa muốn nói đến. Đọc Pháp Hoa, chúng ta sẽ thấy quá trình xuyên suốt ý này.

Mở đầu kinh Pháp Hoa là kinh Vô lượng nghĩa nói về đạo đức, tri thức và việc làm lợi ích. Suốt cuộc đời giáo hóa của Đức Phật chỉ nhằm làm lợi ích cho chư Thiên và loài người; nhưng muốn làm lợi ích phải có đạo đức và tri thức. Và có đạo đức, tri thức là có Đức Phật quyền năng ra đời. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Tựa thứ nhất diễn tả Đức Phật quyền năng qua hiện tượng Đức Phật Thích Ca ngồi im lặng, nhập Vô lượng nghĩa xứ định ở Linh Thứu sơn và phóng ánh sáng chiếu khắp 18.000 thế giới làm cho chúng sinh trong 18.000 thế giới này thấy lẫn nhau và thấy được tất cả diễn biến trong khắp Pháp giới. Đạo đức, tri thức và năng lực đã được thực tế hóa qua việc làm siêu việt như vậy của Đức Phật. Rõ ràng Đức Phật là vị đại Đạo sư khác hẳn ông thầy thế gian, vì Ngài đã tác động cho đệ tử thấy được từ Trời Sắc cứu cánh xuống đến địa ngục A tỳ, thấy toàn bộ những người ân cư tu hành, những người cứu khổ độ sinh, những người đau khổ v.v...

Và sau đó, Đức Phật quy kết lại một điểm gọi là thế gian tướng thường trụ, nghĩa là Tam bảo, Phật Pháp Tăng hiện hữu trong tất cả mọi người từ địa ngục đến Trời Sắc cứu cánh và thường trụ trong trí tuệ, trong niềm tin, trong những việc làm cao quý của con người.

Từ một Đức Phật sống trên cuộc đời đưa lên một Đức Phật quyền năng thấy biết chính xác tất cả mọi diễn biến trong Pháp giới, mới khai mở được vô số phương tiện để diu dắt mọi thành phần xã hội. Điều này nhằm nói lên rằng kinh Pháp Hoa dung hóa được tất cả mọi người, từ người ở vị trí xã hội thấp kém nhất (địa ngục A tỳ) cho đến người có quyền uy nhất trong xã hội (Trời Sắc cứu cánh), không có thành phần nào bị loại bỏ. Vì tâm Phật bao dung vô cùng, cho nên Ngài thấu hiểu tất cả tâm chúng sinh, tâm cứu khổ của Bồ tát và tâm ân cư của hàng nhị thừa cho đến tâm đau khổ của địa ngục, tâm hạnh phúc của chư Thiên. Và tất cả thành phần xã hội đều quy ngưỡng về Phật đạo, tất cả pháp môn tu đều dẫn đến quả vị Phật, tức nhất Phật thừa. Đức Phật tại thế, hơn phân nửa đệ tử trước đó theo ngoại đạo, đã trở về với Phật đạo; vì tâm Phật mở rộng, bao dung được họ một cách nhẹ nhàng, khiến họ không thể không theo Đức Phật.

Từ Tích môn Pháp Hoa quan niệm rằng Đức Phật vẫn hiện hữu trong lời dạy của Ngài và bắt đầu từ kinh điển, chúng ta đi vào Phật đạo. Nương theo kinh điển để tìm Phật, Trí Giả đại sư dạy rằng "Tùng bồn thù tích". Nghĩa là có Đức Phật Thích Ca thuyết pháp giáo hóa trên cuộc đời này, chúng ta lần theo dấu vết đó để tìm xem Đức Phật Thích Ca xuất xứ từ đâu.

ĐỨC PHẬT HẰNG HỮU VÀ HIỆN THÂN TRONG THẾ GIỚI LOÀI NGƯỜI

Chúng ta thấy Đức Phật bề ngoài có thân người, nhưng tâm linh của Đức Phật siêu việt hơn con người. Giáo sư Motai nói rằng nếu Đức Phật không phải chỉ đơn giản là người bình thường như mọi người, thì chúng ta phải hiểu rằng Đức Phật hiện thân làm người. Tạm ví Đức Phật như một diễn viên tài giỏi, đóng nhiều vai trên sân khấu cuộc đời; nhưng khi hạ màn, cởi bỏ lớp áo giả tạm trên sân khấu, diễn viên trở về con người thật của họ. Đức Phật cũng vậy, Ngài hiện thân loài người, đóng vai người tu hành, đắc đạo thành Phật và giáo hóa chúng sinh. Làm xong việc đó, Đức Phật trở về thế giới của Ngài, Ngài không chết. Vì vậy, Đức Phật hiện thân hay Niết bàn đều là phương tiện do Ngài tạo ra mà thôi.

Ý này được Đức Phật khẳng định trong phẩm Như Lai thọ lượng rằng *"Từ ta thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, thường ở Ta bà, thị hiện sanh thân trong nhiều quốc độ thuyết pháp giáo hóa vô số chúng sinh, thọ mạng sai khác. Tùy theo loại hình mà khai phương tiện, chỉ bày chân thật thậm thâm vi diệu..."*

Ở đây chúng ta cần lưu ý đến ý nghĩa "Tùy theo loại hình mà khai phương tiện", nghĩa là Đức Phật tùy theo chúng sinh trong sáu đường sinh tử, từ địa ngục cho đến cõi Trời, mà Phật hiện thân tương ứng với họ. Đó là quan niệm mới trong đạo Phật, vì từ trước, người ta vẫn cho rằng Đức Phật chỉ hiện hữu trong thế giới loài người mà thôi. Nhưng Pháp Hoa mở ra cái nhìn bao dung, ở trong thế giới thấp nhất là địa ngục cũng có Đức Phật. Phật này là Phật tâm và chỉ có Phật tâm mới vào địa ngục để cứu khổ được. Thí dụ cho dễ hiểu, những người phạm sai lầm phải vào tù, khổ quá mới nghĩ đến Phật, niệm Phật thì bấy giờ Phật tâm của họ tiếp nhận được Phật lực gia bị, khiến cho phiền não tiêu tan, tâm được an lạc, tác động cho lời nói và thân tướng của họ trở nên hiền hòa, khiến cho cai ngục đối xử tốt với họ, cho đến được phước lớn hơn là được giảm án. Như vậy, theo Bản môn Pháp Hoa, không có thế giới của loài nào mà không có Đức Phật và không có tâm của người nào mà Đức Phật không ảnh hiện vào.

Nhìn về tâm linh, mới thấy Đức Phật hằng hữu, không sinh không chết. Nhận chân sự sống vĩnh hằng bất tử của Đức Phật mới có ý nghĩa cao quý tác động chúng ta tu theo Phật. Trái lại, không nhận thấy con người tâm linh siêu tuyệt của Đức Phật, không thấy lời dạy của Đức Phật mang lại giá trị thiết thực trong cuộc sống, mà chỉ thấy nông cạn, người ta dễ rơi vào đoạn kiến, không tiến tu được. Thật vậy, một số người thấy Phật là thầy hướng dẫn cuộc sống đạo đức, nhưng đến một lúc nào đó, họ lại cảm thấy cuộc sống đạo đức bị thua thiệt, nên họ không tu

nữa; hoặc thấy người ăn mặn khỏe hơn ăn chay, nên họ không ăn chay nữa, v.v... Có tầm nhìn rộng, đúng đắn, thấy rõ việc tu hành theo Phật dạy có kết quả tốt đẹp thật sự, chúng ta mới hết lòng tu theo Phật.

---o0o---

ĐỨC PHẬT ĐÃ THÀNH PHẬT TỪ VÔ LƯỢNG KIẾP MÀ TRỜI NGƯỜI TƯỞNG PHẬT MỚI THÀNH PHẬT

Mở đầu phẩm Như Lai thọ lượng, Đức Phật bảo đại chúng nên lắng nghe sức bí mật thần thông của Đức Như Lai, tất cả thế gian, Trời, người, A tu la đều tưởng rằng Đức Phật Thích Ca xuất thân từ cung dòng họ Thích, đến cõi Bồ đề gần thành Già Da mà thành Chánh giác, nhưng thật sự Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp trước.

Như vậy, đầu tiên chúng ta có Đức Phật của Trời, người, A tu la; nói cách khác, đó là Đức Phật lịch sử sinh trên cuộc đời, bỏ ngôi vua, xuất gia, thành Phật, thuyết pháp giáo hóa và Niết bàn. Đức Phật này ở trong loài người, hay trong thế giới sinh diệt. Từ nhận thức này, Phật giáo có phân ra phương tiện môn và chân thật môn, hay sinh diệt môn và bản thể môn. Về mặt hiện tượng, chúng ta thấy được bằng mắt; nhưng về bản thể, chúng ta phải cảm nhận bằng tâm. Kinh Pháp Hoa đòi hỏi phải có căn lành mới thấy được Đức Phật thật hăng hữu trên bản thể, không có căn lành thì thấy Phật theo cách thấy của Trời, người, A tu la.

Trời, người và A tu la thấy Phật như thế nào? Chư Thiên thấy Đức Phật là Đại Phạm Thiên vương, mà họ không thể sánh bằng, vì Đức Phật có vô lượng phước, cho nên tất cả chư Thiên từ cõi Dục đến Sắc giới đều đến với Phật. Còn con người thấy Đức Phật cao quý nhất trong loài người tu thành Phật. Và A tu la cũng thấy Đức Phật siêu tuyệt hơn họ. A tu la có phước báo và sức mạnh như chư Thiên, nhưng họ còn nhiều sân hận, nên thường bất mãn mọi việc, tất nhiên là họ không chấp nhận chư Thiên. Có thể cụ thể hóa hình ảnh của A tu la trên cuộc đời này là những người giỏi, khỏe mạnh, nhưng phải sống nghèo khổ. Họ lập thành băng đảng, như cái bang tập hợp những người ăn xin để tranh đấu quyền lợi cho giới ăn xin, không chấp nhận luật lệ của vua chúa áp đặt. Hạng người "A tu la" này thấy Phật không có tài sản, đi khát thực là giống họ ở điểm "ăn xin", nhưng Phật tốt bụng; vì Đức Phật được cúng dường nhiều thì Ngài chia sẻ cho những người ăn mày khác. Đó là cái thấy khác nhau của Trời, người, A tu la về Đức Phật, hay tất cả thành phần xã hội nghĩ về Đức Phật như vậy.

Nhưng Đức Phật cho biết những người có căn lành, có niềm tin không thấy Đức Phật qua bề ngoài, mà họ thấy Phật thật tiềm ẩn bên trong sanh thân. Bằng căn

lành, bằng niềm tin, Bồ môn Pháp Hoa mở cánh cửa cho chúng ta đi sâu vào bản thể, thấy được Đức Phật ở bản thể và từ đó tiến tu, đắc đạo, mới thấy Đức Phật bằng huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn.

Theo Tích môn, Đức Phật là vị đại Đạo sư và Ngài nhập diệt là chấm dứt sự hiện hữu của Ngài trên cuộc đời này. Nhưng theo Bồ môn Pháp Hoa, Đức Phật không còn trên thế gian, mà Ngài vẫn tồn tại, gọi là tịch diệt phi diệt, tức Phật chết nhưng không chết, Đức Phật vẫn hằng hữu. Người tu Pháp Hoa theo tinh thần Bồ môn là tìm Đức Phật hằng hữu và phát hiện con người hằng hữu của chính mình, để phát huy con người hằng hữu này, chúng ta mới tăng trưởng tri thức, đạo đức và có thể đi vào thế giới hằng hữu của Đức Phật được. Có thể nói nếu không nhận ra được con người chân thật hằng hữu, chúng ta không thể thâm nhập Phật đạo và chúng ta chỉ là con người tốt bình thường trên cuộc đời mà thôi.

Đi vào thế giới tâm linh và đỉnh cao nhất của kinh Pháp Hoa là phẩm Như Lai thọ lượng nói về Đức Phật hằng hữu, hay kinh diễn tả rằng Ngài thành Phật từ ngũ bách ức trần kiếp. Đức Phật thí dụ có người lấy tam thiên đại thiên thế giới nghiền thành hạt bụi và cứ đi một ngàn thế giới thì thả một hạt bụi xuống và cho rơi hết tất cả hạt bụi của tam thiên đại thiên thế giới, thì tất cả thế giới có dính bụi và thế giới không dính bụi đều nghiền nát ra thành bụi một lần nữa. Bây giờ, nếu một hạt bụi được tính là một kiếp, thì Đức Phật đã thành Phật còn lâu xa hơn số bụi này gộp lại. Đức Phật không phải mới thành Phật dưới cội Bồ đề như Trời, người, A tu la làm tướng.

Thứ nhì xem Đức Phật thành Phật ở cội Bồ đề gần thành Già Da và Đức Phật thành Phật từ muôn ức kiếp, hai Phật này khác nhau thế nào.

Đức Phật ở cội Bồ đề gần thành Già Da thành Vô thượng Chánh đẳng giác là Phật hiện thân người; còn Đức Phật từ muôn ức kiếp là cốt lõi bên trong mới quan trọng. Cốt lõi là Phật, nên Ngài sinh trong cung vua, đầy đủ phú quý lợi danh, mà vẫn không màng đến. Mang thân tứ đại ngũ uẩn và trải qua thời gian tu hành, sau cùng ở Bồ đề đạo tràng, Ngài thâm nhập đại Thiên định và thành đạo, chứng được Tam minh, nhận ra được tư cách Phật của Ngài đã có từ vô lượng kiếp và nhận ra thế giới hằng hữu của Ngài. Và nay Đức Phật hiện thân vào thế giới loài người để cứu khổ độ sinh, không phải Ngài mới thành Phật.

Việc tu hành quan trọng là nhận ra được con người thật của mình từ đâu đến đây và chết đi về đâu. Đức Phật tự nhận chân được Ngài là hiện thân Phật Thích Ca ở thế giới Ta bà và Ngài cũng từng hiện thân ở nhiều thế giới khác nhau. Và đã là ứng hiện thân thì Đức Phật phải có thế giới thật, đó là Tịch Quang chơn cảnh.

Đức Phật từ Tịch Quang chọn cảnh sinh lại Ta bà, tất cả quyền thuộc Bồ đề cũng sinh theo Ngài, người làm vua, làm tướng, làm trưởng giả hay làm người hốt phân, hay là ngoại đạo, v.v... Có người hiện phạm giới để Đức Phật chế giới, có người hiện sai trái để Đức Phật dạy việc tốt lành, hoặc có người nhiều phước báo để Đức Phật chỉ rõ luật nhân quả ba đời. Nói chung, những người quy ngưỡng Phật, tu theo Phật thuộc đủ thành phần xã hội, có thể ví như tất cả diễn viên cùng bước lên sân khấu cuộc đời để diễn xuất những hoạt cảnh theo sự xếp đặt của Đức Phật. Thật vậy, nếu những người thực chất là ngoại đạo mà từ bỏ quyền lợi, địa vị, hay lý tưởng của họ để theo Phật là việc khó có được trên đời này. Diễn hình như Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp làm quốc sư có 500 đệ tử nổi danh mà bằng lòng dâng tất cả sự nghiệp cho Đức Phật một cách dễ dàng và hết lòng tu theo Phật. Hoặc Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Ca Chiên Diên, v.v... đã đóng vai Thanh văn tu hành một cách xuất sắc, vì thật sự các Ngài đã có nguyện rằng Đức Phật xuất thế nơi nào để độ sinh, các Ngài sẽ cùng hiện hữu theo Đức Phật để hỗ trợ. Kinh Pháp Hoa đã khẳng định việc thầy trò cùng sinh chung để hành Bồ tát đạo, cùng nhau xây dựng thêm quyền thuộc; trong khi tu nhị thừa, xuất thế, yếm ly, từ bỏ tất cả. Bồ tát là quyền thuộc của Đức Phật Thích Ca, nên Đức Phật sinh ở Ta bà, họ sinh lại trợ hóa Phật. Chư Bồ tát và Đức Phật cùng hoàn thành xong những việc tốt đẹp trên cuộc đời, thì Đức Phật nói rằng người đáng độ đã độ, việc đáng làm đã làm, nên Ngài thị hiện nhập diệt.

Như vậy, phẩm Như Lai thọ lượng muốn chỉ cho thấy thế giới siêu hình tốt đẹp hằng hữu của Đức Phật mà chúng ta không biết, chỉ thấy biết thế giới hiện tượng vật chất mà thôi.

Đức Phật dạy rằng *"Như Lai thấy rõ thật tướng của mọi chúng sinh ở trong ba cõi không có sinh tử, nhưng vì vô minh vọng kiến ngăn che, nên sanh các tánh ham muốn khác nhau, tạo tội sai biệt, nên Đức Như Lai phải dùng các pháp đối trị như thế mới sanh căn lành..."*

Thật vậy, với Phật nhãn, Đức Phật nhận biết được điều chân thật là chúng sinh đồng với Đức Phật trên chân tánh và trên chân tánh không có đau khổ, không có sinh tử; nhưng vì vô minh, vọng kiến, tức tham vọng mà chúng sinh tạo tội sai biệt, mới có vô số cuộc sống khổ đau khác nhau trong sáu đường sinh tử.

Như đã nói Đức Phật ngồi ở cõi Bồ đề, nhớ lại kiếp quá khứ, Ngài đã thành Phật từ vô số kiếp trước, nhưng thành Phật bằng cách nào? Không thể chỉ ngồi dưới cõi Bồ đề, nhớ lại quá khứ là thành Phật, mà phải có quá trình tu tập đầy đủ hạnh Bồ tát và tâm đại bi mới thành Phật. Nhớ lại quá khứ là Đức Phật nhớ lại vô số việc làm hoàn toàn tốt đẹp của Ngài trên lộ trình Bồ tát đạo. Người tu bất chước,

tìm gốc cây Bồ đề ngồi, nhưng nhớ lại quá khứ của họ toàn việc xấu ác, họ phải hiện ra tướng ma quỷ. Với cốt lõi là Phật, nên trong hiện đời, Đức Phật chỉ trải qua sáu năm thể nghiệm các pháp và tư duy trong 49 ngày ở Bồ đề đạo tràng, Ngài liền thành tựu quả vị Phật. Còn chúng ta tu lâu, nhưng chưa đạt được quả vị nào; vì chúng ta chỉ mới bắt đầu gạn bỏ trần cấu, tịnh hóa thân tâm.

Đức Phật cũng nói rằng *"Từ Ta thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nhờ kinh Pháp Hoa cảm thành thọ mạng, thâm nhập Pháp thân vĩnh hằng bất tử, nhưng dùng phương tiện nói sẽ diệt độ..."*

Nhờ kinh Pháp Hoa cảm thành thọ mạng, nghĩa là nhờ hành Bồ tát đạo mà phát triển phước đức, trí tuệ viên mãn. Và Đức Phật lấy phước đức làm thân, lấy trí tuệ làm mạng, tạo thành Báo thân Phật có thọ mạng đến nay chưa chấm dứt mà còn lớn hơn. Đức Phật dùng Báo thân này để thâm nhập Pháp thân vĩnh hằng bất tử.

Trong khi chúng sinh lấy tham vọng, bực tức làm mạng, lấy tứ đại ngũ uẩn làm thân, đó là thân sinh diệt, nhưng lại muốn không hoại diệt, nên phải đau khổ. Thân ngũ uẩn gồm có sắc và tâm hỗ tương tác động lẫn nhau không thể tách riêng biệt. Bước đầu tu tập, phải thức tỉnh, đừng để tâm buồn giận lo sợ hành hạ thân thành bệnh hoạn và đừng để thân đau yếu hành hạ làm tâm đau khổ. Nếu không có quá trình luyện tập, lúc gần chết, bệnh phát sinh làm thân đau đớn không chịu nổi thì buồn phiền theo đó nổi lên, sẽ bị đọa. Phải tu tập cho được thân tâm đều an lành dù cuộc sống dư dã hay thiếu thốn. Sau đó, cố gắng tránh làm tổn thương các loài khác, vì ta và các chúng sinh phải hiện hữu cộng tồn. Ở giai đoạn này, phải đoạn trừ ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý.

Đức Phật dạy rằng khi tịnh hóa được thân tâm chúng ta, trí tuệ sẽ phát sinh. Nói cách khác, tâm trong sáng, thân thanh tịnh, thấy việc đáng làm, việc không nên làm, không còn phạm sai lầm, không tạo tội lỗi. Từ đây, nương theo kinh Pháp Hoa bắt đầu thâm nhập Pháp thân, tức dùng tâm trong sáng và thân thanh tịnh đưa vào các pháp. Pháp có hai, pháp vô tình và pháp hữu tình. Thâm nhập pháp hữu tình dễ hơn pháp vô tình. Thâm nhập pháp hữu tình là dùng trí tuệ quán sát xem người có duyên với ta, ta dùng tâm từ bi và sự hiểu biết của mình tác động vào tâm trí họ làm cho họ được sáng suốt, an vui, thanh tịnh, giải thoát. Ta thanh tịnh và sáng suốt, họ cũng được như vậy, tạo thành bầu không khí an vui hòa hợp và cứ như vậy mà phát triển, thì có bao nhiêu người thương quý ta, có bao nhiêu người cùng chí hướng với ta, cùng hiểu biết như ta, cùng làm việc với ta, là Pháp thân ta lớn theo đó; cho đến cả đoàn thể, hay xã hội sống hòa hợp, hỗ trợ nhau thăng hoa. Đó là ý nghĩa thâm nhập các pháp để biến các pháp thành Pháp thân mình.

Thâm nhập Pháp thân thì không bị bốn tướng sinh già bệnh chết chi phối, vì mỗi kiếp tái sinh giống như chúng ta thay chiếc áo mới tốt đẹp hơn, quyền thuộc đạo đức và tài giỏi nhiều hơn. Nhờ đó chúng ta sẽ làm thêm nhiều việc lợi ích cho đời, phước đức và trí tuệ chúng ta theo đó tăng thêm, Pháp thân ta theo đó lớn thêm. Vì vậy, Đức Phật nói rằng xưa kia Ngài hành Bồ tát đạo cho đến nay, thọ mạng của Báo thân và Pháp thân Ngài chẳng những chưa chấm dứt mà còn phát triển hơn nữa, mới là thân vĩnh hằng bất tử, khác với sanh thân vô thường. Thâm nhập Pháp thân chính là tác động tốt đẹp cho xã hội và Pháp giới thì trở thành bất tử. Nói cho dễ hiểu là nuôi dạy người trở thành đạo đức, hữu ích cho xã hội và xây dựng xã hội phát triển tốt đẹp là phương cách tốt nhất tạo thành Pháp thân vĩnh hằng bất tử.

Thật vậy, xã hội muôn đời là xã hội, lúc nào xã hội cũng có con người. Và trong kiếp luân hồi, con người gặp lại nhau, đời trước đã có thiện cảm, đời này gặp lại mến nhau liền, đời trước là oan gia thì nay gặp lại cũng thù ghét nhau liền. Xã hội muôn đời không đổi, nhưng biến dạng trong sinh diệt. Vì vậy, chúng ta tu, tìm cái không sinh diệt trong sinh diệt; còn bỏ sinh diệt đi tìm chỗ khác là rơi vào ảo tưởng, gọi là tìm lông rùa sừng thỏ.

Trong một chuỗi đời của chúng ta giống như một xâu chuỗi có nhiều hạt, một hạt ví như một kiếp sống và sợi chỉ xuyên suốt xâu chuỗi đời là một. Con người hôm qua của kiếp trước cũng chính là con người hôm nay, dù thân tướng có thay hình đổi dạng. Báo thân ta từ kiếp trước đã tu tạo nhiều công đức thì tái sinh kiếp này có nhiều thắng duyên để dàng hành Bồ tát đạo. Kiếp trước tạo nhiều tội lỗi, kiếp này biến dạng khó coi và gặp vô số khó khăn, khổ nạn. Tâm hay nghiệp vẫn là một. Vì vậy, tu Pháp Hoa, nhận ra thời Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Bồ tát Di Lặc là Cầu Danh, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi là Diệu Quang; cũng là một người, nhưng tên khác. Từ vô số kiếp cho đến nay, chúng ta cũng có vô số tên khác tương ứng với việc làm của chúng ta. Có tên Cầu Danh vì thường đến nhà sang giàu để in kinh, đúc tượng, xây chùa..., nên phải liên hệ với người sang giàu và nổi tiếng. Còn Bồ tát Văn Thù Sư Lợi không nghĩ đến việc này, Ngài chỉ lo thâm nhập Pháp thân vĩnh hằng bất tử, nghĩa là nỗ lực đi vào lòng người bằng cách hoằng hóa độ sinh, đem ánh sáng chánh pháp vào tâm trí mọi người.

Đức Phật Thích Ca cũng như vậy, Ngài đã từng hành Bồ tát đạo, phát huy phước đức trí tuệ của Ngài cũng như giáo hóa mọi người phát triển phước đức trí tuệ của chính họ. Nghĩa là Ngài xây dựng được Báo thân viên mãn và Pháp thân vĩnh hằng bất tử của chính Ngài, đồng thời giáo dưỡng quyền thuộc hữu duyên với Ngài tu tạo Báo thân và Pháp thân của họ.

Ngoài ra, trong phẩm Như Lai thọ lượng có thí dụ ông lương cũng có ý nghĩa quan trọng, phần này đã được giải thích trong bài Thí dụ, nên không nhắc lại ở đây.

Tóm lại, Đức Phật đã thành tựu quả vị Vô thượng Bồ đề từ vô lượng kiếp và Đức Phật hằng hữu ở Tịch Quang chơn cảnh, không sinh diệt. Từ thế giới vĩnh hằng bất tử ấy, Ngài thị hiện lại sanh thân Phật Thích Ca Mâu Ni trên cuộc đời này để dìu dắt mọi người ra khỏi sinh tử luân hồi và đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác như Ngài. Nhưng chúng sinh vì bị vô minh vọng kiến ngăn che, nên không thấy được Đức Phật vĩnh hằng bất tử ở thế giới chân thật.

Tuy nhiên, nếu chúng ta có căn lành và niềm tin, nương theo Đức Phật sanh thân, nương theo giáo pháp Pháp thân và Báo thân của Ngài để tu tập, lần lần Phật xuất hiện trong tâm ta. Theo Bản môn Pháp Hoa, khi tâm ta thanh tịnh, một lòng tu hành muốn thấy Phật, thì Đức Phật hiện hữu ngay trong tâm ta, khiến tâm ta trong sáng, làm được những việc khó làm, vượt qua được những chướng duyên hiểm nạn một cách dễ dàng và mỗi ngày tăng trưởng phước đức, trí tuệ của chính mình.

Nhật Liên Thánh nhân nói rằng nếu hành giả thể nghiệm được yếu lý như Đức Phật Thích Ca chỉ dạy trong phẩm Như Lai thọ lượng là đã đầy đủ nhân hạnh quả đức của Phật, không cần đọc tụng cả bộ kinh Pháp Hoa.

---o0o---

Ý NGHĨA PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ 17 - PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC THỨ 19

Đức Phật dành đến ba phẩm: 17, 18 và 19 nói về công đức của kinh Pháp Hoa. Điều này chứng tỏ công đức của kinh Pháp Hoa rất lớn. Nhiều vị cao Tăng cũng nhận xét rằng công đức của kinh Pháp Hoa nói không bao giờ cùng tận.

Bốn phẩm: 17, 18, 19 và 20 có thể dồn lại ý chính trong phẩm 17 Tùy hỷ công đức để chúng ta hiểu. Như vậy, cần biết yếu chỉ của phẩm 17 để chúng ta thực tập trong cuộc sống tu hành cho đạt kết quả tốt đẹp.

---o0o---

I - Ý NGHĨA PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Mở đầu phẩm Phân biệt công đức, Đức Phật nói một câu hàm chứa nhiều nghĩa lý sâu xa mà chúng ta cần suy nghĩ : *"Bấy giờ Đức Phật bảo Di Lặc Bồ tát khi Ngài diễn nói thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai thì có vô số Bồ tát không thể*

tính đếm chúng được Vô sanh Pháp nhẫn, hoặc Văn trì đà la ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển được pháp luân bất thối và phát đại tâm cầu Vô thượng đạo”.

Đức Phật diễn nói thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai nghĩa là Ngài giới thiệu cho chúng ta Đức Phật vĩnh hằng bất tử, vì lâu nay, người ta chỉ nghĩ rằng Đức Phật sinh diệt, là Phật có sinh ra trên cuộc đời này và Ngài chết là hết. Những người chấp vào Phật sinh diệt và tu trên sinh diệt, hay còn gọi là tu trong chiêm bao, tức vướng mắc với thân tứ đại và tài sản này, thì dù có làm bất cứ việc gì và làm nhiều đến đâu, thì đến khi chết, thân tứ đại và tài sản cũng bỏ lại. Giống như chúng ta nằm mơ thấy mình bố thí thật nhiều, nhưng thức dậy chúng ta cũng vẫn là người nghèo khổ. Người nghèo này là con người thực của chúng ta trên cuộc đời; nhưng con người thực trên cuộc đời này lại là con người chiêm bao trên chân tánh, vì chúng ta mê trên chân tánh, mới bị nghiệp lực dắt dẫn vào cuộc đời sinh tử này. Có thể ví cuộc đời này là đại mộng, cho nên nhắm mắt lia đời thì chỉ nắm tay không mà đi và giấc chiêm bao của chúng ta có thể ví là tiểu mộng, thức dậy, mọi việc trong chiêm bao liền hoàn không. Cả hai cùng là giấc mộng, chỉ khác nhau là giấc mộng dài, hay giấc mộng ngắn.

Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta tu trên con người bất tử, tức tu trên chân tánh của chúng ta, đó là tu trên tính, không phải tu trên mê. Tu trên mê thì làm việc này việc nọ, rồi tưởng là có công đức, nhưng thực tế ít người được công đức. Chính vì vậy mà Tô Đạt Ma nói thẳng với vua Lương Võ Đế rằng ông xây 72 ngôi chùa kết thành quả báo đáng vào địa ngục vô gián. Vì ông cúng dường bố thí nhiều mà tạo thành lớp người lợi dụng chiếc áo tu để làm việc sai trái. Có những việc chúng ta cho rằng tốt, nhưng lại phản tác dụng, trở thành xấu; tu không có công đức là vậy.

Trở lại thực tế, việc tu hành của chúng ta phải nương theo lời dạy của Phật để tìm về Đức Phật vĩnh hằng bất tử. Có chìa khóa kinh Pháp Hoa mở cánh cửa bước vào thế giới chân thật, chúng ta không làm trên chiêm bao nữa, mà giữa ta và Đức Phật cùng Thánh chúng có mối tương thông sâu sắc. Nhật Liên Thánh nhân diễn tả cốt lõi này bằng hình ảnh mặt trời mọc thì Đức Phật xuất hiện, hoa sen nở ra vô số Bồ tát, nghĩa là mở ra thế giới Phật, chúng ta phải thâm nhập thế giới vĩnh hằng này và theo đó hành Bồ tát đạo thì công đức thật sự mới sinh ra. Thế giới siêu hình này không thấy bằng mắt, nhưng cảm tâm được với điều kiện tâm chúng ta thanh tịnh mới thấy Phật thọ mạng dài lâu; nếu không, chúng ta thấy toàn là những điều chán nản, thì dễ rời bỏ ngôi nhà Phật pháp.

Nghe Đức Phật nói về thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai làm chúng ta nhận ra được thọ mạng vô cùng vô tận của Ngài và thọ mạng của tâm chúng ta cũng vô cùng vô tận. Nghĩa là từ vô thi kiếp cho đến mãi về sau, con người tâm linh chúng

ta không thay đổi, dù chúng ta mang nhiều sắc thân khác nhau. Thân thay đổi, nhưng chơn tâm không đổi. Thân ví như chiếc áo của tâm, hay cái nhà của tâm. Chúng ta chỉ thay đổi chiếc áo hay đổi nhà ở mà thôi.

Theo Phật, Bồ đề tâm là trên hết, cho nên đạo Phật gọi là đạo của trí tuệ. Kinh Pháp Hoa cho chúng ta Bồ đề tâm là cho trí tuệ để chúng ta nhận ra được tốt xấu của cuộc đời và tâm Bồ đề mới giúp chúng ta thông với Phật, hiểu Phật. Không thấy Phật bằng tâm Bồ đề thì nói Phật nhập diệt. Nhưng đối với chúng ta, Đức Phật luôn có trong lòng chúng ta, mới làm tâm chúng ta sáng lên và công đức theo đó sinh ra. Không phát tâm Bồ đề, hay không có tâm Bồ đề, tâm chúng ta hoàn toàn mờ tối, thì dù có tu bất cứ pháp gì cũng như tu trong chiêm bao.

Khi Đức Phật nói thọ mạng dài lâu là thế giới thật, sự giáo hóa thật của Ngài, thì có vô số Bồ tát chứng VÔ SANH PHÁP NHÃN, tức xa lìa trần cấu, không bị thế giới vật chất chi phối; tuy còn mang thân người, nhưng tâm hồn họ hoàn toàn trong sáng, ở hoàn cảnh nào họ cũng an vui tự tại. Vì họ đang sống với con người thật, giữa họ và Phật cùng Thánh chúng có mối tương quan mật thiết với nhau, cho nên họ không bận tâm đến con người sinh diệt. Thực tế chúng ta thấy khi say mê đọc sách, tham Thiền, có đời sống tâm linh mãnh liệt thì dễ dàng quên đời, quên tất cả phiền muộn.

Chúng Vô sanh pháp nhãn, đã xa rời mọi ràng buộc của cuộc đời, tiến sang bước thứ hai được VĂN TRÌ ĐÀ LA NI, nghĩa là Đức Phật nói gì, người nghe nhớ không sót, nhờ ghi nhận bằng tâm thanh tịnh. Còn đa số chúng sinh tâm điên đảo vọng tưởng, trong đầu đầy ấp dữ kiện, trần cấu quá nặng, cho nên không tiếp nhận được Phật pháp. Văn trì đà la ni rất cần thiết, nghe một lần và nghe bao nhiêu pháp Phật cũng nhớ đủ. Ngoài ra, còn có TRIỀN ĐÀ LA NI là khi chúng ta nghe pháp, hay nhìn tượng Phật, thì lời pháp và hình ảnh Phật vẫn luôn tác động tâm trí chúng ta. Vì thế, dù không tụng kinh, không nghe pháp, không đối trước tượng Phật, nhưng lời pháp vẫn văng vẳng bên tai, tượng Phật vẫn mỉm cười trong đầu. Chúng được Triền đà la ni và Văn trì đà la ni để đem pháp Phật vào tâm lưu giữ mới rửa sạch được phiền não trần lao nghiệp chướng. Được như vậy, trần duyên thuận nghịch tâm không thiết, vì tâm đã có Phật pháp ngự trị rồi, những thứ bên ngoài không đưa vào được, không nhớ, không làm phiền não, rất dễ tiến tu.

Nghe thọ mạng dài lâu của Phật, vào thế giới Phật, hành giả cũng được NHẠO THUYẾT BIỆN TÀI, nhờ Phật huệ rọi, tất cả pháp cần giảng dạy tuôn chảy không cùng như dòng thác, thuyết pháp suốt cuộc đời cũng không hết ý. Và hành giả CHUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUÂN BẤT THỐI, tương đương với đệ bát địa theo kinh Hoa Nghiêm. Từ đệ thất địa trở về trước là Thánh, nhưng vẫn còn thoái

chuyển. Bồ tát đệ bát địa đã xả "Thức", "Thức" hoàn toàn thanh tịnh. Riêng chúng ta nếu qua được cánh cửa Không, tâm thật sự thanh tịnh, thâm nhập Phật huệ, thì không tha thiết cuộc đời này nữa, làm gì trở lại cuộc đời. Người tu đạt được chuyển pháp luân bất thoái chuyển là không phải mình không thoái chuyển, nhưng làm cho người khác phát tâm tu không thoái chuyển.

Khi Đức Phật nói phẩm Như Lai thọ lượng, một số Bồ tát lớn chứng được các pháp như vậy. Đức Phật vừa nói dứt lời thì trời mưa hoa cùng bột chiên đàn và các thiên y, bảo ngọc như ý, trân châu ma ni để cúng dường Đức Phật và hàng tứ chúng. Điều này muốn nói rằng người nghe pháp, tu hành, an trụ trong chánh pháp có được niềm vui kỳ diệu cũng như người giàu sang sung sướng nhất trên cuộc đời tiêu biểu bằng hoa trời và hương trời, áo trời, ngọc ma ni v.v..., tức có đầy đủ tất cả những gì tốt nhất. Mặc dù người tu còn mang thân tứ đại, cuộc sống đạm bạc, nhưng tâm họ cảm nhận sự hoan hỷ cùng tột trong hoàn cảnh sống cao quý của pháp Phật. Họ không còn cảm thấy thiếu thốn thứ gì cả, vì đã thâm nhập Phật huệ, sở đắc pháp vô thượng của Phật giúp họ thoát khỏi sinh tử trong sáu nẻo luân hồi; đó là của báu quý nhất đối với người tu.

Và tuy còn mang thân tứ đại ngũ uẩn, nhưng hành giả Pháp Hoa không bị thân vật chất chi phối, tác hại, vì đã chuyển hóa được thân ngũ uẩn thành ngũ phần Pháp thân. Ý này được kinh diễn tả là "Thiên y", tức mặc áo trời thì hành giả không còn mệt mỏi buồn phiền. Làm việc cho Phật suốt nhiều năm, suốt đời, nhưng không cảm thấy chán nản, mệt nhọc, phiền muộn; trái lại luôn cảm nhận niềm an lạc kỳ diệu là nhờ có tâm Bồ đề, hành đạo tinh tấn, công đức mới lớn lao vô cùng. Đức Phật nói hạng người thứ nhất nghe thọ mạng dài lâu của Đức Phật và thâm nhập được thì có công đức như vậy. Nhưng hạng người thứ hai không được như hạng người thứ nhất, họ chỉ có một niệm tín giải thì Đức Phật dạy như sau.

Đức Phật lại bảo Di Lặc Bồ tát: *"Chúng sinh nào nghe thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai mà sanh một niệm tín giải sẽ được công đức vô lượng vô biên nhiều hơn công đức của người bố thí, trì giới, nhẫn nhục trong tám mươi muôn na do tha kiếp. Nếu hiểu ý nghĩa thọ lượng Như Lai thì có thể phát sanh Phật huệ Nhất thiết chủng trí, lại có thể thấy Thích Ca Như Lai ở Kỳ Xà Quật thuyết pháp giáo hóa chúng đại Bồ tát và thấy thế giới Thật Báo của Lô Xá Na. Nếu thấy như thế thì không cần xây chùa tháp cúng dường, mà chính người ấy đã đến đạo tràng, trong thân của họ có sẵn Đức Phật. Ông bảo Trời người phải nên cúng dường như cúng chư Phật"*.

Đức Phật dạy rằng người bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và Thiên định, trừ trí tuệ ba la mật, nghĩa là tu năm pháp ba la mật, nhưng trí tuệ chưa phát sinh

thì dù người đó có trải qua vô số kiếp tu hành, công đức của họ cũng không bằng công đức của người chỉ có một niệm tín giải kinh Pháp Hoa. Tại sao một niệm tín giải mà được công đức lớn lao đến như vậy. Thử nghĩ tu một pháp đã khó, mà vô số kiếp hành trì năm pháp của Bồ tát chắc chắn khó vô cùng, vậy mà kết quả lại không bằng một niệm tín giải kinh Pháp Hoa. Theo tôi, đi thẳng vào niệm tín giải là tu Bồn môn, mới có công đức bất khả tư nghì vượt hơn tất cả.

---o0o---

MỘT NIỆM TÍN GIẢI

Trên bước đường hành trì Pháp Hoa, cần có một niệm tín giải. "Tín" là tin. Người không trồng căn lành với Phật, không thể tin Phật, không thể tin giáo pháp Phật dạy; vì họ chỉ sống với thế giới vật chất hữu hình, tin vào thế giới tâm linh siêu hình rất khó. Người có căn lành thường sống nội tâm, đã hình dung man mác thế giới vô hình mới tin được.

Sở dĩ tu năm pháp ba la mật trong vô số kiếp mà công đức không bằng tu một niệm tín giải, bởi đó là tu mù, vì đã trừ Bát nhã ba la mật. Có thể thấy rõ rằng tu sáu pháp ba la mật cũng phải khởi điểm từ Bát nhã. Thật vậy, có người bỏ thí khắp mọi nơi, nhưng sao phước không sinh, mà chỉ có trần lao nghiệp chướng tăng trưởng; đến khi mạng chung lại đọa vào ba đường ác. Người bỏ thí không có trí tuệ để sinh nghiệp hơn là phước. Chính vì trí tuệ là điều kiện quan trọng nhất, có tính cách quyết định việc đúng hay sai của năm pháp : bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định, cho nên Đức Phật đã khẳng định rằng tu năm pháp "Trừ trí tuệ ba la mật", công đức rất ít so với một niệm tín giải.

Trí tuệ mới giải được niềm tin. "Tin" mà không giải là mê tín, chẳng được gì, chỉ có hại. "Giải" mà thiếu niềm tin thì chỉ là người nghiên cứu nói Phật pháp suông. "Giải" không phải là giải thích từng chữ, cũng không phải là giải thích theo triết học. Tự trong lòng chúng ta cảm nhận được và chỉ bằng Bồ đề tâm của chúng ta mới giải được. Hành giả khác với học giả ở điểm này.

Đối với người đệ tử Phật, tu Bát nhã ba la mật, tức trí tuệ là chính yếu. Tuy nhiên, khi chưa có trí Bát nhã, chưa giải được mọi việc đúng đắn, chúng ta phải nương tựa thiện tri thức, nhờ họ khai ngộ để có thể áp dụng cốt lõi của Phật dạy vào cuộc sống, công đức mới sinh ra. Vị thiện tri thức cho chúng ta biết việc nên làm, người đáng theo. Thí dụ Đức Phật dạy chỉ cần giúp người chân tu một việc nhỏ mà họ thành đạt là mình được công đức ngay. Điển hình như cô gái chăn bò là Su Đà Ta dâng cúng Phật một bát sữa giúp Ngài phục hồi sức khỏe, thoát khỏi sự ngã gục vì pháp tu khổ hạnh để Ngài tiếp tục việc tu hành và đắc đạo. Vì thế, công

đức cúng dường của cô gái này, dù chỉ một bát sữa, đã được Đức Phật khen ngợi rằng lớn hơn công đức cúng dường của vua chúa. Đức Phật hiện hữu giáo hóa chúng sinh, được bao nhiêu công đức thì Su Đà Ta đều có phần.

Khi chưa có trí tuệ, nên làm theo thiện tri thức; nhưng quan trọng phải phát huy trí tuệ của ta để không có thiện tri thức nữa, ta cũng biết được người đáng độ, việc đáng làm, mới sinh ra công đức. Đối với người không thể độ, việc không đáng làm, nhưng vẫn hạ quyết tâm độ và nhất quyết làm; phạm sai lầm như vậy, chỉ có phiền não nối tiếp nhau mà thôi. Người xuất gia, ngoài trí tuệ, không cầu gì khác. Ý này được Đức Phật nhắc rằng nếu tu năm pháp, mà trừ Bát nhã, tức trí tuệ, thì cũng không được gì cả.

Trở lại tâm quan trọng của một niệm tín giải trong kinh Pháp Hoa, nếu có được thì công đức bất khả tư nghì. Nhưng tín giải về cái gì và tín giải như thế nào ?

Tín giải của chúng ta là tin Phật, hiểu Phật. Tin mà không hiểu Phật dễ trở thành hủy báng Phật. Tội này nặng lắm, Nhật Liên Thánh nhân gọi đó là phá pháp tội chướng. Nhiều người tu khổ cực, nhưng quả báo xấu không lường, vì họ phạm sai lầm này, rồi đổ thừa rằng tụng kinh Pháp Hoa bị nghiệp khảo, nghiệp đồ. Tụng kinh Pháp Hoa đúng thì nghiệp không đổ, mà công đức sinh ra, trải đường đi cho hành giả. Sở dĩ nghiệp đổ vì tin Phật, nhưng không hiểu Phật, hoặc hiểu mà không tin Phật; cả hai đều sai.

Tất cả chúng ta đương nhiên tin Phật, tin rằng Đức Phật Thích Ca hiện hữu trên thế gian này ở nước Ấn Độ cách đây hơn 25 thế kỷ. Ngài đã viên tịch, nên người ta tạc tượng tôn thờ và kính lễ Ngài. Nếu chỉ tin như vậy mà không giải được thì niềm tin này dễ trở thành mê tín. Giải được nghĩa là chúng ta ý thức rằng Đức Phật Thích Ca ứng hiện trên cuộc đời này và hiện thân trong loài người. Như Đức Phật đã nói trong phẩm Như Lai thọ lượng, Ngài có thiên bá ức hóa thân, không phải chỉ có một thân Phật Thích Ca ở Ấn Độ.

Đức Phật xuất hiện ở cõi Ta bà này, nhưng chúng ta không biết Ngài ở đâu, tìm được chỗ thường trụ của Đức Phật là việc rất khó. Thiên ví như tìm trâu bằng cách đi tìm dấu chân trâu gọi là Tích môn. Tìm dấu vết Đức Phật để lại cuộc đời để biết Đức Phật ở đâu là cách tu từ Tích môn vào Bản môn. Đức Phật từ thế giới vĩnh hằng của Ngài đi khắp tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa, chúng ta phải tìm về cội gốc để gặp Đức Phật. Thiên diễn tả ý này là nương vào ngón tay chỉ mặt trăng dưới nước để hình dung ra mặt trăng trên trời. Và từ một mặt trăng trên bầu trời rơi xuống, có bao nhiêu dòng sông thì có bấy nhiêu mặt trăng xuất hiện trong đó (Thiên gian hữu thủy thiên gian nguyệt). Cũng vậy, từ một Đức Phật gốc hằng

hữu, nhưng ở Ta bà có bao nhiêu chúng sinh có căn lành và niềm tin sâu sắc về Phật, thì có bấy nhiêu Đức Phật xuất hiện đầy đủ trong tâm của họ.

Từ đó, phát khởi niềm tin về Phật, thì niềm tin ta và Phật gắn liền với nhau mật thiết sẽ nhận ra Đức Phật vẫn hằng hữu tại nơi đây, ngay trong Ta bà này. Chỉ vì chúng ta cuồng si, không nhận ra Đức Phật thọ mạng vô cùng, bất sinh bất diệt, nên Ngài dùng phương tiện nói rằng Phật đã Niết bàn.

Trên bước đường tu, nương theo phương tiện hình thức ở giai đoạn đầu để dần thâm nhập thế giới Phật. Và có được niệm tín giải là nhận chân được Đức Phật bất sinh bất diệt, từ đây hướng về Đức Phật bất tử này mà tu hành bằng tâm thanh tịnh của chúng ta. Tu từ bản tâm thanh tịnh, chúng ta mới ngang qua Đức Phật thường trú. Được như vậy, trở về hiện tượng giới này, chúng ta hiện hữu như một phần của Pháp thân Phật để cứu giúp chúng sinh thoát khỏi mọi trói buộc khổ đau và thăng hoa tri thức. Chỉ có niềm tin về Đức Phật hằng hữu như vậy đã được công đức vô lượng.

---o0o---

HIỂU Ý NGHĨA THỌ LƯỢNG CỦA NHƯ LAI

Hiểu ý nghĩa thọ lượng của Như Lai là thấy được con người thật của Đức Phật kết tinh bằng phước đức vô lượng và trí tuệ vô cùng, đó chính là Báo thân Phật hằng hữu. Sanh thân của Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời, nhưng Báo thân của Ngài vẫn tồn tại và còn lớn thêm nữa. Thật vậy, sau khi Đức Phật nhập diệt, chùa tháp kính thờ Phật nhiều hơn, Tăng Ni và Phật tử khắp năm châu đông hơn. Chính Báo thân Phật, hay phước đức trí tuệ của Đức Phật đã duy trì tất cả mọi sinh hoạt của Phật pháp. Không có Đức Phật hằng hữu thì chắc chắn thọ mạng Phật pháp không còn. Vì vậy, thấy phước đức trí tuệ của Đức Phật là thấy thế giới Thật báo Lô Xá Na, tức thế giới chân thật của Phật, thấy Phật tại thế và Phật nhập diệt thì thế giới chân thật này vẫn còn nguyên, chỉ khác là chúng ta không sử dụng được, không vào được. Thực tế những nơi nào sử dụng được phước đức và trí tuệ theo Phật, Phật pháp nơi đó hưng thịnh; nơi nào không phát triển được Báo thân Phật, nơi đó đạo Phật suy đồi.

"Nếu thấy như thế thì không cần xây chùa tháp cúng dường, mà chính người đó đã đến đạo tràng. Trong thân của họ có sẵn Đức Phật. Ông bảo Trời người phải nên cúng dường như cúng chư Phật".

Đó là câu kết của phẩm Phân biệt công đức thứ 17. Nghĩa là thấy được thân phước đức trí tuệ của Đức Phật và sử dụng được thân này và sống được với thế

giới Phật thì việc của họ làm là Phật làm, tất nhiên không cần xây chùa tháp nữa. Vì chùa không có vị chân tu thì cũng không hơn gì chùa hoang. Có vị cao Tăng đức hạnh ở, chùa mới tỏa ra sức sống thanh tịnh cho mọi người nương tựa thăng hoa tri thức và đạo đức, tức nuôi lớn Báo thân của mỗi người.

Điều này kinh Pháp Hoa muốn nhắc nhở chúng ta tu hành ngộ đạo là chính yếu, không phải lo xây dựng cơ sở vật chất. Nói như vậy không có nghĩa là không xây dựng chùa, nhưng không phải nhứt thiết lao tâm nhọc sức với việc xây dựng để tâm bị phiền não, thân bệnh hoạn, chắc chắn đó không phải là ý của Đức Phật dạy. Bước theo dấu chân Phật, tùy duyên làm đạo, gặp việc đáng làm mới làm, sẽ loại trừ được quả báo xấu. Thực tế cho thấy nhiều người tha thiết làm, nhưng gánh hậu quả không tốt; vì làm nhiều nhưng làm không đúng.

Tu Bồn môn Pháp Hoa, không nhất định phải làm gì, nhân duyên đến thì làm, nhân duyên hết thì bỏ; làm hay bỏ đều bình thường, vì thân mạng còn phải bỏ mà. Tuy nhiên, trong khi thân mạng còn hiện hữu, những việc cần làm lợi ích cho đời, tại sao lại không làm. Người tu làm trong giải thoát gọi là hành vô hành, làm không thấy làm gọi là vô vi, mà thực là làm tất cả, họ đã vào bí mật tạng để tu, thông được với Đức Phật và Thánh chúng, mới được công đức vô lượng.

Đọc phẩm Phân biệt công đức, thấy có sự khác lạ đối với cuộc sống chúng ta; vì phẩm này nói cho người đã thâm nhập giới đàn vô tướng và tu trên Bồn môn, nên thành tựu công đức lớn lao vô cùng. Và từ giới đàn vô tướng trở lại cuộc đời giáo hóa độ sinh, những pháp mà họ chứng đắc cũng thể hiện trong cuộc sống thực tế, chứ không phải chỉ nói suông. Tu Pháp Hoa, phải kết hợp được pháp tu và thực tế cuộc sống, vì nói và làm phải tương ưng với nhau. Điển hình như Ngài Trí Giả đại sư trụ trong Thiên định thấy trong đêm sinh lầy xuất hiện ngôi chùa tráng lệ. Từ cái thấy trong tư duy, trong đạo tràng vô tướng có chùa như vậy, thì sau đó trở về thực tế, Tấn Dương Quảng thống nhất đất nước Trung Hoa, lên ngôi, lấy tên là Tùy Dạng Đế. Và ông đã đưa quân đến vùng sinh lầy đó để xây chùa Ngọc Tuyền rất đồ sộ. Nói cách khác, xây dựng được ngôi chùa trong tâm linh bằng công đức thì ngôi chùa vật chất tự động hình thành; đó là thành tựu công đức. Còn thấy trong Thiên định mà thực tế không có gì, phải biết đó là hoang tưởng.

---o0o---

II - Ý NGHĨA PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Để triển khai yếu nghĩa về sở đắc tâm linh và thực tế cuộc sống gắn liền với nhau, Đức Phật đã nói tiếp hai phẩm Tùy hỷ công đức và Pháp sư công đức. Nếu người trì kinh Pháp Hoa đúng như Đức Phật dạy, thân tứ đại này lần lần cũng sinh

ra công đức. Trước là con người trần lao nghiệp chướng, nhưng tu hành, xóa bỏ được nghiệp chướng thì cũng người đó mà được quý trọng. Ý này được kinh điển tả là có 6.000 công đức trang bị cho sáu căn thì tất cả những gì của sáu căn phát ra đều là công đức.

Trong phẩm Pháp sư công đức, Đức Phật nói rõ người tu Pháp Hoa sẽ được 800 công đức của mắt, 1.200 công đức của tai, 800 công đức của mũi, 1.200 công đức của lưỡi, 800 công đức của thân và 1.200 công đức của ý; tổng cộng là 6.000 công đức trang nghiêm thân tâm. Người trì kinh Pháp Hoa sáu căn thanh tịnh, đạt được những công đức này trong Thiền định, trong đạo tràng vô tướng và trở về thực tế, dùng 6.000 công đức quán sát cuộc đời, họ nhận biết người và việc không sai lầm, nghĩ đến việc nào thì việc đó thành tựu, nghĩ đến người nào thì người đó đến hợp tác.

Nếu thọ trì kinh Pháp Hoa đúng như pháp, sinh được 800 công đức của lưỡi, thì phát ra âm thanh vi diệu khiến người thích nghe, hoặc nói điều gì, người nghe cũng cảm thấy mát lòng êm tai. Lưỡi chúng ta chưa có công đức, nói đúng mà người cũng nghĩ sai. Hoặc có thân công đức là xuất hiện nơi nào, người trông thấy đều được an lạc và phát tâm tu theo. Sau đây, chúng tôi triển khai công đức của mắt và tai.

---o0o---

CÔNG ĐỨC CỦA MẮT VÀ TAI THEO KINH PHÁP HOA

Tôi nghĩ rằng sống trên cuộc đời này, mình muốn tu học hay làm việc gì cũng khó cả. Thật vậy, cuộc đời tôi phải lang thang đầu ghènh cuối chợ, phải tự mình nỗ lực đi lên. Và ra làm đạo, cái gì cũng không biết, cũng không làm được mà muốn tu Bồ tát đạo, phải làm sao ?

Đọc phẩm Pháp Sư Công đức, tôi tâm đắc là phải có được 800 công đức nhãn trang bị cho đôi mắt trần, để thấy ma quỷ hay chư Thiên, Tỳ kheo, v.v... đều nhận biết rõ, không sai lầm. Làm người, làm việc thì nguy hiểm vô cùng. Thử nghĩ trên bước đường tu mà làm ác ma là thiện hữu, chắc chắn phải chết.

Nhiều khi không có công đức nhãn, thấy A tu la sân hận mà tưởng là sa môn theo hầu thì chết. Phật kể rằng xưa kia có một tên thợ săn muốn bắn sư tử, đã mặc áo sa môn để nó tưởng lầm là người tu, đến gần, mới dễ giết. Vì vậy, nhìn một người phải nhận biết được bản chất bên trong họ là gì mới không bị mắc lầm. Người có đôi mắt công đức của Pháp Hoa thấy người dù không mặc áo tu, vẫn nhận ra bản chất thầy tu của họ đã có sẵn. Điển hình là Hòa thượng Vạn Linh nhìn

thấy Hòa thượng Trí Tịnh từ lúc còn bé, đã khẳng định rằng đời trước chú bé này đã là Hòa thượng, đời này cũng tu và sẽ là Hòa thượng lớn. Hòa thượng Trí Tịnh nghe vậy, Ngài tỏ ngộ và xin xuất gia.

Quý vị trì kinh Pháp Hoa, sinh được công đức của mắt, nhìn biết người không sai lầm. Tôi thấy ít sai lầm, nên trải qua trên 50 năm hành đạo, làm được một số việc và còn tồn tại trong đạo. Một số huynh đệ chỉ vì thấy sai lầm nên chấm dứt cuộc đời tu một cách dễ dàng.

Đạt được công đức của mắt, nhìn biết người có căn lành, hay có nghiệp ác, chúng ta xử sự khác, giáo dục khác. Khi có công đức nhãn, đối với người có nghiệp ác, cần phải khó, phải rắn đê, bằng mọi cách hạn chế tối đa, không cho ác nghiệp của họ sinh khởi. Trái lại, chúng ta dễ dãi với người tốt để giúp thiện căn của họ tăng trưởng. Nói chung, có công đức, nhận ra chỗ đáng tởi, việc đáng làm, người nên gần; từ đó quyên thuộc Bồ đề của chúng ta luôn phát triển.

Ngoài 800 công đức của mắt, người trì kinh Pháp Hoa còn được 1.200 công đức của tai. Công đức của tai thù thắng hơn công đức của mắt, vì mắt phải có đủ duyên như ánh sáng mới thấy được. Vì thế, tai có nhiều hơn mắt 400 công đức. Phát huy được công đức của tai quả là thú vị hơn nhiều. Chỉ cần nghe tiếng nói của người, chúng ta biết rõ bản chất của họ, biết họ nghĩ gì, tìm ta làm gì.

Theo kinh nghiệm của riêng tôi, khi còn ở Nhật, tôi đã đến thăm Thiền sư Sato sống cách nơi tôi ở 600 cây số. Tôi ngạc nhiên khi có thầy tri sự đứng đợi tôi trước cửa chùa và hỏi tôi có phải là nhà sư Việt Nam hay không. Ông cho biết Hòa thượng Viện chủ dạy rằng có tôi đến thì đón vào. Mình muốn đi thăm thì Ngài đã biết. Điều lạ là Ngài mù và đã hơn 80 tuổi, nhưng công đức nhĩ của Ngài lớn vô cùng. Nghe giọng nói của tôi, Ngài đoán định được hành trạng và tương lai của tôi; quả thật những gì Ngài nói hoàn toàn đúng.

Được vị danh Tăng, chân tu khai ngộ và cho chúng ta lời khuyên quý giá vô cùng. Họ trì kinh có công đức, nghe âm thanh biết đời trước của người đối diện là Tỳ kheo hay chư Thiên. Chúng ta không biết rõ được như vậy, nhưng tụng kinh, sinh được một phần công đức nhỏ thôi, thì nghe âm thanh cũng biết được người hiền lành, hay hung dữ, tham lam, không thể gần. Không biết thì mình dễ phạm sai lầm và bị đọa. Biết rồi, họ nói gì, ta chỉ mỉm cười; ta làm việc ta, họ làm việc họ, ta cũng không làm mất lòng họ.

6.000 công đức trang bị cho sáu căn thì sáu căn phát ra đều là công đức. Và sử dụng công đức này mới giáo hóa chúng sinh được. Chưa có công đức, làm gì thiên

hạ cũng chê bai. Ý thức như vậy, chúng ta phải nỗ lực thể hiện tinh thần Phật dạy trong cuộc sống.

Sau đó, Đức Phật chứng minh công đức của người trì kinh Pháp Hoa, Ngài nói tiếp phẩm Thường Bất Khinh. Đức Phật cho biết trong kiếp quá khứ lâu xa, tiền thân Ngài là Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa chúng sinh, nhưng người không nghe còn ném đá. Nhờ tu hành theo kinh Pháp Hoa, thâm nhập được 20 muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa do Phật Oai Âm Vương truyền trao, mà Ngài sinh được công đức. Bấy giờ, những người trước kia đánh mắng Ngài, nay đều trở thành đệ tử của Ngài, đó là 500 Bồ tát, đứng đầu là Bạt Đà Bà La. Ý này nhắc nhở chúng ta kiên nhẫn tu hành, đặc đạo, sẽ có được công đức, chắc chắn mọi người đều ủng hộ, mọi việc đều thành tựu tốt đẹp.

---o0o---

BỒ TÁT HẠNH : DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT - DIỆU ÂM BỒ TÁT - QUAN ÂM BỒ TÁT - DIỆU TRANG NGHIÊM BỒ TÁT VÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Người tu Pháp Hoa thâm nhập đạo tràng vô tướng, đắc được các pháp vi diệu và trở lại thực tế cuộc sống, sinh hoạt của họ sẽ chuyển đổi theo chiều hướng rất tốt đẹp, gọi là thành tựu công đức. Vì vậy, đến phẩm Phân biệt công đức thứ 17, đáng lẽ kết thúc phần Bôn môn; nhưng tôi đưa thêm phẩm Phổ Môn thứ 25 và phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ 28 là có dụng ý theo Phật. Vì thâm nhập đạo tràng vô tướng, thành tựu công đức bất khả tư nghì không phải là việc đơn giản mà ai cũng có thể làm được, phải nói rằng muôn người chưa được một người, Tổ Quy Sơn gọi là vạn trung vô nhất.

Cửa Không dù không có cửa đóng then cài, nhưng không ai vào được. Tuy nhiên, nếu không thâm nhập được cửa Không, thì giáo pháp sẽ bị mai một hay sao; cho nên kinh Pháp Hoa có thêm phần lưu thông để mở ra cho nhiều người tu được. Thật vậy, thân phận nghiệp dày phước mỏng của chúng ta không qua cửa Không được, thì cánh cửa Phật đóng kín, không ai làm Phật được. Vì vậy, Đức Phật khai ra các pháp phương tiện để mọi người nương theo tu hành, lần lần cũng có những vị chân tu tiếp độ được chúng sinh.

Trở lại thân phận nhỏ bé của chúng ta không trực ngộ được yếu chỉ của Đức Phật, chúng ta nên tu bằng niềm tin, tin Phật pháp và làm theo lời Phật dạy để đạt được những kết quả nhất định trong cuộc sống.

Từ thế giới vô tướng quá đặc thù, trở lại cuộc sống thực tế, Đức Phật giới thiệu hình ảnh Bồ tát Quan Âm với 32 tướng hảo để chúng ta tạo mối giao cảm với Ngài. Nói cách khác, 32 ứng hiện thân của của Đức Quan Âm để tất cả mọi người có thể nhận biết được Đức Phật và đến với đạo Phật qua 32 cửa phương tiện. Tuy nhiên, muốn đạt được công hạnh siêu tuyệt như Bồ tát Quan Âm, phải có quá trình tu học theo hai vị Bồ tát là Dược Vương và Diệu Âm. Vì thế, phẩm Dược Vương Bồ tát bản sự thứ 23, phẩm Diệu Âm Bồ tát thứ 24 và phẩm Phổ Môn thứ 25 liên quan mật thiết với nhau, nhưng phẩm Phổ Môn là đỉnh cao của hạnh Bồ tát giáo hóa chúng sinh. Thật vậy, phẩm 23 nói về kiếp quá khứ tu hành của Bồ tát Dược Vương và phẩm 24 giới thiệu phương cách giáo hóa siêu việt của Bồ tát Diệu Âm, tức phải có căn lành đời trước và trải qua quá trình tu hành thâm nhập yếu nghĩa của pháp vi diệu ở đạo tràng vô tướng, mới dẫn đến đỉnh cao của hạnh Bồ tát Quan Âm là tùy loại ứng hiện thân.

Kinh Pháp Hoa nói về nhân hạnh Bồ tát, gọi là giáo Bồ tát pháp là pháp Phật dạy Bồ tát tu hành. Chúng ta suy nghĩ Bồ tát tu thế nào và bắt đầu làm theo các Ngài cho được kết quả tốt đẹp. Trong kinh Pháp Hoa, quyển thứ bảy nói về các Bồ tát : Dược Vương, Diệu Âm, Quan Âm, Diệu Trang Nghiêm và Phổ Hiền. Mỗi vị Bồ tát này có một hạnh khác nhau mà vị nào cũng tài giỏi xuất sắc và cũng rất dễ mến để chúng ta bắt chước tu theo.

---o0o---

BỒ TÁT DƯỢC VƯƠNG

Mở đầu phẩm, Đức Phật nói về hành trạng của Bồ tát Nhứt Thiết Chúng sinh Hỷ Kiến vào thuở quá khứ lâu xa, nay là Dược Vương Bồ tát. Ngài thường gia công Thiền quán. "Thiền" là tâm yên tĩnh hoàn toàn và "Quán" là nhìn sự vật qua tâm thanh tịnh, thấy sự thật của sự vật. An trụ Thiền quán, nên Ngài chứng được Hiện Nhứt thiết Sắc thân Tam muội, nghĩa là hiện thân hình hoàn toàn tự tại, cần thân nào thì hiện thân đó. Nói cách khác, cảnh giới của Bồ tát tùy tâm hiện, tâm và cảnh nhất như, nên Bồ tát được giải thoát, không có bất cứ chướng ngại nào. Còn chúng sinh thì tâm và cảnh không thuận nhau, họ không muốn cảnh đó, không muốn người đó, nhưng cảnh và người bất như ý vẫn cứ hiện hữu bên cạnh và ràng buộc họ; trái lại, họ muốn điều gì thì điều đó lại không đến.

Trên bước đường tu, chúng được pháp Hiện Nhứt thiết Sắc thân Tam muội thì trong thế giới tâm linh phải hiện hữu cảnh hay vật trước, sau đó cảnh này, vật này phải có thực trên cuộc đời. Như vậy, tâm và cảnh được thống nhất, hay nói cách khác là chuyển đổi sở đắc tâm linh siêu hình trở thành hiện thực. Chuyển đổi bằng

cách chúng ta tu hành phát huy công đức của mình; vì chỉ có công đức mới làm thay đổi được, mới biến ngôi chùa tâm linh thành ngôi chùa hiện thực. Công đức thành tựu nhờ những việc làm mang lợi lạc cho mọi người, nên mọi người thấy Bồ tát là mừng rỡ, Ngài mới có tên là Nhứt Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến.

Ngoài ra, trong kinh nói Bồ tát Dược Vương tu chứng được pháp Giải nhứt thiết chúng sanh ngữ ngôn đà la ni. Nghĩa là làm được như Ngài thì gặp người nào, chúng ta cũng hiểu được họ. Thực tế cho thấy nhiều người thường phạm sai lầm, thích bắt người nghe mình, hiểu mình, mà không chịu hiểu người ta muốn gì. Áp đặt người ta nghe theo, chẳng ai nghe đâu. Quan trọng là phải hiểu người, trong kinh gọi là đà la ni, hay huệ giải nhờ có trực giác giúp chúng ta nhận ra được.

Hiểu người nghĩ gì, muốn nói gì thì phải có đà la ni, huệ giải và muốn có đà la ni huệ giải, phải bắt đầu lắng nghe trước. Đa số người muốn nói mà không muốn nghe; không nghe làm sao hiểu được. Nghe nhiều, ít nói là hướng tu của Bồ tát Dược Vương. Chúng ta lập hạnh tu của Bồ tát này lần lần dễ mến, vì ít nói, thường nghe người khác nói. Nghe điều gì tâm đắc, mỉm cười gật đầu, họ sẽ thích và thương mình liền vì nghĩ rằng mình hiểu họ, cho nên có điều gì họ cũng muốn tâm sự với mình. Đức Phật giới thiệu Bồ tát Dược Vương, nhằm chỉ dạy chúng ta tu Bồ tát đạo phải biết lắng nghe, thông cảm và giải quyết tốt đẹp cho người, mới tạo thêm được Bồ đề quyền thuộc.

---o0o---

BỒ TÁT DIỆU ÂM

Tu chứng trong Thiên định và giáo hóa trên thực tế cuộc sống tốt đẹp, tiến qua giai đoạn hai, thể hiện công hạnh của Bồ tát Diệu Âm. Diệu Âm hành đạo gián tiếp, Ngài ẩn thân, không đến Kỳ Xà Quật, nhưng 84.000 hoa sen đã nổi lên ở đó tiêu biểu cho đức hạnh và uy danh của Ngài mà ai cũng mong đợi; nghĩa là từ Nhứt thiết Chúng sinh Hỷ Kiến biến thành hoa sen. Điều này nhằm nhắc nhở chúng ta rằng đến nơi nào làm đạo cũng phải thể hiện tinh thần vô nhiễm. Bồ tát Diệu Âm đến Ta bà không vì quyền lợi riêng, nhưng vì thương chúng sinh và kính trọng Đức Phật Thích Ca. Trên bước đường hành đạo, chúng ta làm theo lời di huấn của Đức Phật không nghĩ đến để được quyền lợi, nhưng tùy theo yêu cầu của người mà giúp đỡ. Và người mang ơn, chúng ta cũng không nên lưu lại đó lâu ngày; vì ở để cho người com bung nước rót thì chỉ một thời gian sau, họ sẽ đối xử khác liền. Vì vậy, chúng ta thấy các vị Bồ tát cứu độ chúng sinh xong là trở về bổn độ, công đức các Ngài mới dư thừa. Chúng ta làm ít hưởng nhiều, nên cuộc đời đi xuống lần. Hành

đạo theo Bồ tát Diệu Âm thì đến và đi đúng lúc, đúng chỗ, đúng việc và thể hiện đúng ý nghĩa cao quý.

Thật vậy, Bồ tát Diệu Âm ở thế giới phương Đông, Đức Phật Thích Ca muốn điều Ngài đến Ta bà để nói kinh Pháp Hoa. Đức Phật liền phóng hai luồng hào quang chiếu vào thân của Diệu Âm, một hào quang phóng từ bạch hào tướng tiêu biểu cho trí tướng, nghĩa là Đức Phật điều động Bồ tát Diệu Âm bằng trí tuệ. Điều này nhắc nhở chúng ta muốn người hợp tác, phải chứng tỏ hiểu biết của mình hơn người. Nhưng chỉ có trí tuệ mà tâm ác độc, không có đức hạnh thì người cũng không thể hợp tác với mình. Vì vậy, Đức Phật còn phóng luồng hào quang thứ hai từ vô kiến đánh tướng là đức tướng hay đức hạnh. Từ khi phát tâm tu hành, Đức Phật chưa bao giờ dám xem thường chúng sinh; với đức hạnh như vậy, người người đều muốn được gần gũi, được làm việc chung với Ngài. Vì thế, Diệu Âm nói rằng Ngài phải qua Ta bà vì đức hạnh cao vòi vọi của Đức Phật Thích Ca.

Ngoài ra, Bồ tát Diệu Âm sở đắc âm thanh vi diệu đi thẳng vào lòng người, tác động cho họ rơi rụng phiền não nhiễm ô, được thanh tịnh. Và vị Bồ tát này thường ẩn thân, ít xuất hiện, vì để cho chúng sinh gặp gỡ dễ dàng quá, họ cũng hay khởi tâm niệm xem thường. Và Ngài thành tựu việc khó làm rồi cũng ẩn ngay, vì tâm lý và nhu cầu của con người trong thực tế cuộc sống luôn thay đổi, không phải lúc nào họ cũng muốn lắng nghe sự thật. Mỗi vị Bồ tát chọn một hạnh và thực hiện hạnh đó một cách trọn vẹn. Diệu Âm thành tựu một hạnh đặc biệt là Ngài xuất hiện vô nhiễm như hoa sen. Nhưng chuyển sang hạnh Quan Âm thì lại đa năng, việc nào Ngài cũng xuất sắc.

---o0o---

BỒ TÁT QUAN ÂM

Tinh ba của đạo Phật đã thể hiện rõ nét khi đề xướng Phật tánh, hay chân tánh của con người, theo đó không có tướng nam nữ, không có tướng già trẻ, không có tướng sang hèn, v.v... Nói chung là không có hình thái cố định đối với người tu đắc đạo, vì họ đã giải thoát khỏi sự chi phối của định luật thiên nhiên và xã hội. Với tâm trí sáng suốt, thấy đúng mọi việc, nên tùy theo yêu cầu của xã hội mà Bồ tát xuất hiện với thân hình tương ứng thích hợp để thể hiện lòng từ bi, cứu nhân độ thế.

Đức Quan Âm chính là vị Bồ tát tiêu biểu rõ nét tinh thần này qua 32 ứng hiện thân của Ngài trên cuộc đời. Bồ tát Quan Âm có thể hiện thân cao quý nhất là Phật thân để khai ngộ cho những bậc đại nhân, hoặc hiện thân Thanh văn thể hiện Tứ Thánh để một cách siêu tuyệt để giúp người tu vượt qua được những vương

mắc của ngữ ngôn văn tự, tâm trí được lắng yên và lên bờ giác. Hoặc Ngài hiện thân người lãnh đạo anh minh, tài giỏi, giữ vững biên cương, làm cho dân chúng được an lạc; thậm chí Đức Quan Âm còn xuất hiện thân tầm thường như trẻ con. Tất cả hiện thân của Ngài chỉ để đáp ứng yêu cầu của mọi người ở mọi lãnh vực. Ngay cả với những mong ước rất đời thường của con người là sinh được con trai, hay con gái, Ngài cũng sẵn lòng dang tay giúp đỡ, nhất là cứu người thoát khỏi những tai nạn hiểm nguy trong cuộc sống, được kinh Phổ Môn ghi là "thất nạn nhị cầu". Vì thường xuyên ở Ta bà cứu khổ độ sinh, nên Bồ tát Quan Âm phải có 32 hiện thân tiêu biểu cho năng lực vô cùng ở mọi dạng thức; còn có một thân, một dạng cố định tất nhiên việc làm phải bị giới hạn.

Quan Âm Bồ tát được tôn thờ, kính lễ vì Ngài làm được vô số việc khó làm. Đức Phật Thích Ca cho biết Bồ tát Quan Âm là một vị cô Phật hiện thân làm Bồ tát. Trong khi Bồ tát mới phát tâm vừa hành đạo, vừa rút kinh nghiệm và phải nương theo các Bồ tát lớn để tu tạo công đức, nhưng chỉ làm được một số việc mà thôi. Còn Bồ tát thành Phật rồi hiện thân lại cứu độ chúng sinh thì việc gì cũng làm được. Đức Quan Âm là Chánh Pháp Minh Như Lai ở Tịnh độ, nhưng Ngài hiện thân làm Bồ tát lóng tai nghe tiếng kêu cứu của chúng sinh ở Ta bà có nhân duyên căn lành với Ngài để cứu giúp nên có tên là Quán Thế Âm. Có nhân duyên căn lành với Đức Quan Âm nghĩa là có niềm tin sâu sắc với Ngài, có độ cảm tâm mãnh liệt với Ngài và tâm trí luôn nghĩ nhớ đến công hạnh của Ngài, thì cầu Ngài gia hộ mới có kết quả. Thật vậy, Bồ tát Quan Âm ở thế giới Tịnh độ, tâm Ngài ly trần, sáu trần hoàn toàn không tác động đến Ngài; nếu chúng ta dùng thanh trần mà kêu Ngài, chắc chắn không được, nhưng Ngài nghe được tâm tha thiết kính trọng của chúng ta, chúng ta chỉ tương thông được với Ngài qua tâm thành và thanh tịnh.

Vì vậy, người niệm Quan Âm rất nhiều, nhưng không phải ai cũng được Ngài cứu. Theo tôi, Bồ tát cứu giúp nếu chúng ta bị hàm oan, còn tội thiết thì không cứu được. Tuy nhiên, cũng có trường hợp tạo tội thật sự đáng chết, nhưng Bồ tát cũng cứu để họ tu hành, lập công chuộc tội. Thứ hai là bị tai nạn, nhưng nhờ đã tạo một công đức nào đó, mới được cứu. Điển hình như Hòa thượng Thiện Hào kể cho tôi nghe rằng thuở sanh tiền, vào giai đoạn Ngài làm trụ trì chùa Giác Ngạn. Thời đó, ông Nguyễn Văn Tâm làm Tổng trưởng An ninh của chính quyền Pháp, ông đã ra lệnh phòng Nhì đến bắt Hòa thượng. Nhưng bà vợ của ông nghe được tin này, liền đem xe công an Pháp đến chùa chở Hòa thượng xuống Mỹ Tho trốn thoát. Thiết nghĩ Bồ tát Quan Âm đã tác động đến bà này, hay nói cách khác, bà này là hiện thân của Đức Quan Âm trong đúng công việc cứu Hòa thượng. Không phải Quan Âm cõi rỗng xuống cứu.

Và quan trọng nhất là những ai một lần được đức Quan Âm gia hộ thì cuộc đời họ sẽ từng bước phát triển tâm từ và làm lợi ích cho người. Đó chính là hình ảnh Bồ tát Quan Âm cao quý mà chúng ta kính lễ, tôn thờ.

Từ biểu tượng Quan Âm có quyền năng vô hạn mà chúng ta kính ngưỡng, tôn thờ, trở lại thực tế cuộc sống, quan sát sinh hoạt xã hội, theo tôi, bất cứ người nào dù khoác áo hình thức nào, nhưng mang lại an vui cho đời và giúp đỡ người vượt qua những khó khăn hiểm nguy, thì người đó chính là thị hiện của Bồ tát Quan Âm.

Và càng kính lễ Bồ tát Quan Âm, bước theo dấu chân Ngài, chúng ta càng nuôi lớn tâm từ bi, hạnh từ bi của chính mình. Đó thật sự là con đường truyền thông nối liền chúng ta và Bồ tát Quan Âm trong Pháp giới, là nhịp cầu trợ giúp chúng ta tiếp nhận được năng lực siêu nhiên của Đức Quan Âm. Nhờ sự gia bị của Ngài, chúng ta mới dễ dàng thành tựu những việc làm lợi ích cho đời, tốt đẹp cho đạo, những việc thật khó khăn vượt ngoài khả năng và suy nghĩ của con người bình thường. Vì vậy, có lúc nhận thấy một người rất tầm thường, nhưng họ lại làm được việc phi thường. Và sau đó, họ lại sinh tâm cao ngạo, tự cho rằng mình tài giỏi, tự làm được, thì Phật lực, Bồ tát lực không gia bị nữa và niềm tin của họ đối với Phật, Bồ tát không còn. Phạm sai lầm này, họ rơi trở lại thân phận con người tầm thường, chẳng làm nổi việc gì dù nhỏ nhất.

---o0o---

DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG HAY BỒ TÁT HOA ĐỨC

Phẩm 27 nói về Diệu Trang Nghiêm Vương Bản sự nghĩa là Diệu Trang Nghiêm vương của quá khứ và hiện tại ở hội Pháp Hoa, Ngài là Bồ tát Hoa Đức. Bồ tát Hoa Đức cũng là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Do đó, kết thúc kinh Pháp Hoa bằng Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền.

Vào Pháp Hoa phải vào bằng cửa trí, nghĩa là phải thấy đúng và làm đúng mới thành tựu công đức. Muốn thấy đúng, phải làm sao ? Diệu Trang Nghiêm vương sẽ cho chúng ta biết bằng kinh nghiệm bản thân tu tập của chính Ngài.

Trong kiếp quá khứ, Diệu Trang Nghiêm vương được Tịnh Tạng và Tịnh Nhân đưa đến gặp Đức Phật; ông mới phát tâm tu tập theo Phật, nghĩa là từ đây ông không giải quyết mọi việc theo sự hiểu biết phân biệt của vọng thức. Vì tính toán theo vọng thức, không còn sáng suốt nên ông đã nghe theo những lời chỉ dẫn sai lầm của Bà la môn.

Diệu Trang Nghiêm vương phát tâm theo Phật, nhận thức theo Phật là quán sát sự việc hay con người qua mười dạng thức khác nhau, kinh Pháp Hoa gọi là thập Như thị : như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh. Thí dụ thấy một người có tâm tánh xấu hoặc việc làm xấu, thì chúng ta tránh họ. Nhưng thấy theo Đức Phật thì mọi việc, mọi người trên cuộc đời này đều tương đối. Một người có thể xử sự xấu với người này, nhưng lại tốt với người khác, hoặc họ xấu ở hoàn cảnh này nhưng tốt ở hoàn cảnh khác, họ có thể xấu lúc này nhưng tốt lúc khác. Thấy theo thập như thị là thấy một sự việc, một người ở nhiều dạng khác nhau, không cố định, thấy được tâm xấu của cảnh giới địa ngục cho đến cuối cùng thấy người có tâm địa xấu ác nhất cũng sẽ thành Phật, tức thấy được Phật tánh của họ. Đức Phật thấy rõ Phật tánh của mọi người và giúp cho chúng ta phát huy Phật tánh của mình, thì lần lần theo Phật chúng ta cũng trở thành người tốt. Chính vì vậy mà Đức Phật cảm hóa từ vua chúa cho đến người thấp kém nhất trong xã hội, vì họ đều có Phật tánh, thậm chí con ong, cái kiến cũng có Phật tánh. Tình thương của Đức Phật trải rộng khắp muôn loài, trí tuệ của Đức Phật soi rọi khắp Pháp giới. Còn người thiện tốt, nhưng ta không thấy cái tốt của họ, chỉ nhắm vô lỗi lầm của họ mà chê trách, khiến cho cái xấu ác đó của họ bung lên. Thể hiện tinh thần này, Đức Phật dạy Bồ tát Địa Tạng vào địa ngục giáo hóa chúng sinh, tất nhiên ở đó toàn là những người tội nặng, nhưng Bồ tát cũng cố tìm điểm tốt nhất của họ để khai thác và giúp họ thoát khỏi cảnh khổ, tức phát huy tánh tốt cho họ.

Vua Diệu Trang Nghiêm nhờ có căn lành sâu dày nên được hai vị thiện tri thức là Bồ tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhân tái sinh làm con để hướng dẫn ông phát tâm bỏ vọng thức và nhận thức bằng chơn tâm. Với công phu tu tập như vậy, vua Diệu Trang Nghiêm đã có hậu thân là Bồ tát Hoa Đức thành tựu tri kiến Như Lai.

Ngày nay, học theo gương của Hoa Đức Bồ tát, trong mối quan hệ với mọi người, dù có gặp người tội tệ đến mấy, chúng ta cũng nên thấy mặt tốt của họ để phát triển căn lành của chính mình và của người.

---o0o---

BỒ TÁT PHỔ HIỀN

Mở đầu phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát thứ 28, Đức Phật nói với Bồ tát Phổ Hiền rằng muốn có kinh Pháp Hoa sau khi Như Lai diệt độ phải thành tựu bốn điều là trồng căn lành, có tâm từ bi, sống trong Thiên định và thấy đúng sự thật của tam thế gian. Có bốn pháp này mới được Phật lực và Phổ Hiền lực gia bị.

Trước nhất, muốn có căn lành, phải xóa trừ mùi nghiệp ác của thân khẩu ý; vì đầy đủ nghiệp ác mà thọ trì kinh Pháp Hoa không có công đức, còn phạm tội phá pháp. Và nghiệp ác sạch rồi cũng chưa được Phổ Hiền hộ niệm, còn đòi hỏi chúng ta phải có căn lành. Chúng ta trồng căn lành ở Đức Phật nào mà chúng ta cảm để Ngài bảo hộ chúng ta. Trồng căn lành ở Phật nghĩa là suy nghĩ, lời nói và việc làm của chúng ta giống vị Phật đó, mới nhận được lực gia bị của Ngài. Thí dụ Đức Phật Thích Ca làm những việc khó làm, chúng ta tập theo hạnh của Ngài, dần dần làm một số việc khó một cách vô điều kiện, không ngại gian lao, thì được Đức Phật hộ niệm và ấn chứng với Phổ Hiền là chúng ta làm thay Phật, nên được Phổ Hiền che chở, chúng ta không phá hại được, việc dữ hóa lành, việc khó thành dễ.

Bồ tát Phổ Hiền đến Ta bà với vô số Bồ tát thị tùng và bát bộ Thiên long ủng hộ, Ngài đến từ thế giới của Đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, tức một nước có đầy của báu, đầy quyền uy, đầy đức độ. Bồ tát Phổ Hiền đến đâu thì mưa châu báu rải xuống đến đó. Nói cách khác, Bồ tát Phổ Hiền xuất hiện trên cuộc đời với đầy đủ thế và lực siêu tuyệt để có thể cảm hóa tất cả thành phần chúng sinh ở Ta bà và chuyển đổi mọi tình huống trở thành tốt đẹp.

Bồ tát Phổ Hiền có ba lời nguyện. Thứ nhất, người tu Pháp Hoa gặp ma chướng nhiễu hại, tức hoàn cảnh khó khăn. Gắn nhất là khó khăn về ba việc căn bản của sự sống : cơm ăn, áo mặc, chỗ ở và ra ngoài bị người chống phá, đe dọa. Tin lời nguyện của Đức Phổ Hiền rằng nếu có như vậy, Ngài sẽ dùng sức thần thông hộ trì Diệu Pháp, giữ ma lại, không cho ma phá hại chúng ta. Thậm chí nhờ lực Phổ Hiền gia bị biến ác ma thành pháp lữ, nghĩa là người đang chống phá, họ vụt đổi ý thành giúp đỡ, nếu chúng ta đứng như pháp tu hành. Điển hình như bác sĩ Cầm xưa kia đưa người đến dẹp chùa Ấn Quang lúc còn là chùa lá. Nhưng ông không dám phá, mà lại cấp giấy phép xây dựng chùa. Theo tôi, lúc bấy giờ ở chùa Ấn Quang chư Tăng trụ pháp, vững niềm tin ở Phật, nên nhận được lực gia trì rất lớn của Phổ Hiền Bồ tát. Quả thật, những người chống phá Phật giáo đã trở thành người bảo trợ Phật học đường Nam Việt thời ấy. Thiết nghĩ gặp ma phá, chúng ta nhiếp tâm tu, tin tưởng ở lực gia trì của Đức Phật và Bồ tát, thì thuận nghịch đều là duyên, ma sẽ trở thành pháp lữ.

Trường hợp thứ hai được Phổ Hiền Bồ tát gia bị là nếu người chất phác, có tánh ôn hòa, học kinh Pháp Hoa mà không hiểu nghĩa lý sâu xa, nên ngồi suy nghĩ thường trú Pháp thân, Ngài sẽ ân cần hiện hình dạy bảo. Người có tánh nhu hòa, hiền lành, không chấp việc sai trái của người, nhưng họ chưa hiểu nghĩa kinh sâu sắc. Họ chỉ cần ngồi yên suy nghĩ thường trú Pháp thân, nghĩa là tin tưởng, nghĩ rằng Phật sanh thân không còn, nhưng Pháp thân Phật bất sinh bất diệt, thường trú vĩnh hằng. Đức Phật vẫn hiện hữu trong ta, trên ta và xung quanh ta.

Tâm chúng ta nghĩ đến Đức Phật, ở trong thế giới Phật, lần lần thế giới mà chúng ta sống cũng an lành theo, là an từ trong tâm lần đến phát triển thế giới bên ngoài an lành. Điều này thể hiện rõ nét khi các bậc chân tu chỉ có tấm lòng, nhưng từ đó mà chùa chiền và quyền thuộc được phát triển.

Sống chân thật và chuyên nghĩ đến Đức Phật thường trú Pháp thân, Phật lực ảnh hưởng đến chúng ta, chuyển chúng ta thành Pháp thân Phật. Bảy giờ, người nhìn thấy ta, họ nghĩ đến Phật và phát tâm. Thấy ta mà người chưa phát tâm là tự biết tâm chúng ta chưa ngay thật diệu hòa.

Đó là cánh cửa thứ hai của Phổ Hiền mở ra cho tâm trí chúng ta bừng sáng về Pháp Hoa. "Pháp" thì thâm thâm vi diệu và "Hoa" là tinh khiết. Phải nương lực Phổ Hiền gia bị, tâm chúng ta trong sáng mới hiểu biết "Diệu Pháp" mà không cần suy nghĩ, biết bằng trực giác.

Và nguyện thứ ba của Phổ Hiền là khi chúng ta tu hành không an ổn, nên nhập thất 21 ngày tu quán Phổ Hiền. Đây là phương tiện ban đầu giúp chúng ta tập sự thâm nhập thế giới tâm linh. Phổ Hiền dạy chúng ta nên ngồi suy nghĩ thường trú Pháp thân Phật; nghĩa là trụ định, rời bỏ thế giới sai biệt này và tâm hoàn toàn lắng yên đến quên mình có mạng sống này, quên thân phận nghèo, dốt, dở, hay gọi là vong ngã. An trụ Thiền định, quán sát thường trú Pháp thân, để nhận biết được Đức Phật từ đâu đến trần gian này và vắng bóng trên cuộc đời, Ngài đi về đâu, thì Phổ Hiền Bồ tát sẽ ân cần hiện hình dạy bảo. Trong thế giới Thiền định mới có Phổ Hiền xuất hiện làm bạn trợ lực chúng ta.

Bảy giờ, sẽ thấy Bồ tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà đến đưa chúng ta lên Đâu Suất Đà thiên nghe Di Lặc thuyết pháp. Nhận được pháp của Bồ tát Di Lặc truyền trao, thì trở lại nhân gian, chúng ta có tầm nhìn siêu xuất. Điển hình là Ngài Vô Trước được Đức Phổ Hiền đưa lên cung trời Đâu Suất nghe Di Lặc Bồ tát thuyết pháp và trở lại nhân gian, Ngài viết bộ Bách pháp luận, lý giải mọi sinh hoạt trên cuộc đời không thuần như trên Pháp tánh, mà gồm có 8 thức tâm vương, 51 tâm sở, 6 căn bản phiền não, 20 tùy phiền não và 24 bất tương ưng hành pháp. Cuộc đời Ta bà thì có bách pháp, còn trong Thiền định thì không có những thứ lằng xằng lộn xộn này.

Thanh lọc nội tâm vắng lặng hoàn toàn, Đức Phổ Hiền giúp chúng ta đến Di Lặc Bồ tát, nghe 100 pháp trong cuộc sống, để không phạm sai lầm và chuyển hóa tám thức của con người khổ đau thành bốn trí của bậc giác ngộ, tâm gương chúng ta trong sáng, thấy biết chính xác mọi sự việc và thành tựu những việc khó làm.

Bồ tát Phổ Hiền phải trải qua vô lượng kiếp mới thành tựu được mười đại hạnh. Chúng ta tu Pháp Hoa chỉ làm ba việc như trên cũng được Bồ tát Phổ Hiền gia bị, trao lực cho chúng ta thì việc của chúng ta là việc của Đức Phổ Hiền, nên đạt được thành quả phi thường, vượt ngoài sức người. Tâm thanh tịnh, tiếp nhận được lực gia bị của Bồ tát Phổ Hiền, chúng ta tu tạo công đức rất nhanh, nhưng phạm sai lầm, thì một việc nhỏ cũng không thành là biết Phổ Hiền không gia bị cho ta nữa.

Nương lực Bồ tát Phổ Hiền, được dạo chơi mười phương thế giới Phật, thì tuy vẫn hiện hữu ở trần gian này nhưng việc ăn, mặc, ngủ nghỉ không còn chi phối chúng ta; trái lại chúng ta luôn sống trong Thiên định, sống trong thế giới Phật. Được như vậy, khi mãn duyên Ta bà, chúng ta nhẹ nhàng về với Phật.

Tôi tâm đắc hạnh Phổ Hiền, nghĩ đến Ngài tôi cảm nhận an lành vô cùng. Thật vậy, tu ở Ta bà gặp nhiều nguy hiểm, nhưng được Bồ tát Phổ Hiền thần thông trợ tại, oai đức vô song thủ hộ, Ngài thừa sức che chở chúng ta, thì chẳng còn gì để sợ. Chúng ta chưa đủ sức tin lời Phật dạy và thần lực của Bồ tát, mới khiếp sợ. Dù niềm tin vững mạnh, sợ hãi biến mất, tôi bắt đầu quán sát việc của Đức Phật, của Bồ tát để tạo mối quan hệ giữa tôi và các Ngài, như vậy mới an được.

Tóm lại, trụ pháp sẽ nhận được ba điều căn bản mà Ngài Phổ Hiền luôn gia bị để chúng ta thấy Đức Phật, hiểu nghĩa lý kinh và vượt được mọi chướng duyên trên bước đường tu, tiến đến Bảo sở.

Trì tụng Pháp Hoa, chúng ta cần suy nghĩ, tìm hiểu hành trạng của chư vị Bồ tát. Học theo hạnh nguyện của các Ngài, tâm hồn chúng ta sẽ giống các Ngài; suy nghĩ giống và áp dụng được hạnh đức của các Ngài thì hành động và việc làm của chúng ta cũng giống các Ngài. Học hạnh Bồ tát để tự trang nghiêm thân tâm như vậy, chúng ta sẽ thành tựu công đức, là người khách quý mà chúng sinh hằng mong đợi.

---o0o---

HẾT